

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**



**HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

**Ngành:** QUỐC TẾ HỌC

**Mã số:** 7310601

**Tên cơ sở đào tạo:** ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

**Trình độ đào tạo:** ĐẠI HỌC

**BÌNH DƯƠNG, NĂM 2019**

## MỤC LỤC HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                | TRANG |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | Tờ trình mở ngành đào tạo                                                                                                                                                                                                                                               |       |
| 2   | Báo cáo quá trình xây dựng đề án                                                                                                                                                                                                                                        |       |
| 3   | Biên bản họp Hội đồng Khoa học Trường                                                                                                                                                                                                                                   |       |
| 4   | Quyết định mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Thiết đồ hoạ, Quốc tế học, Văn học, Tâm lý học, Logistic và quản lý chuỗi cung ứng, Công nghệ kỹ thuật ô tô.                                                                                                 |       |
| 5   | Phụ lục I - Chương trình đào tạo                                                                                                                                                                                                                                        |       |
|     | Phụ lục II - Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện                                                                                                                                                                        |       |
|     | Phụ lục III - Đề án mở ngành                                                                                                                                                                                                                                            |       |
|     | Phụ lục IV - Danh sách lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên                                                                                                                                                                                                          |       |
|     | Phụ lục V - Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành                                                                                                                                                                                                              |       |
| 6   | chứng về nhu cầu xã hội (Phiếu khảo sát)<br>Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực<br>Ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động                                                           |       |
| 7   | Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo<br>Quyết định thành lập Nhóm soạn thảo chương trình đào tạo<br>Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo<br>Kết luận của Hội đồng thẩm định |       |

**TỜ TRÌNH**  
**ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**  
Tên ngành: **QUỐC TẾ HỌC** Mã số: 7310601  
Trình độ đào tạo: Đại học

**Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo**

Trường Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐTTg, ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương. Trường chính thức đi vào hoạt động vào tháng 10 năm 2009.

- Tên tiếng Anh: THU DAU MOT UNIVERSITY (TDMU)
- Cơ quan chủ quản: Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương - Địa chỉ của Trường: Số 06, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0650.3822.518 Fax: 0650.3837.150
- Website: <http://tdmu.edu.vn>
- Loại trường: Công lập
- Sứ mệnh của trường là Đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực.
- Về tổ chức, Trường có 01 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng, 14 phòng, ban chức năng, 14 Khoa, 9 trung tâm, 3 Viện.
- Về nhân sự, Tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại trường là 753 người, trong đó có 635GV (01 GS, 15 PGS, 115 TS, 504 Ths, NCS 97), tỷ lệ TS/GV 20,6%

Trường Đại học Thủ Dầu Một là trường Đại học trọng điểm đặt dưới sự quản lý của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và các vùng phụ cận.

Hiện nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Đại học Thủ Dầu Một đào tạo 9 ngành Thạc sĩ và 28 ngành đại học với quy mô 16.137 sinh viên (13.255 sinh viên hệ chính quy và 2882 sinh viên hệ thường xuyên) và 852 học viên cao học. Hầu hết sinh viên tốt nghiệp ra trường đều có việc làm.

Đặc biệt, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục nước ngoài nhằm tiếp cận, trao đổi chương trình đào tạo tiên tiến và trao đổi giảng viên. Thời gian qua, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với các tổ chức giáo dục và Trường Đại học nước ngoài như Đại học Woosung (Hàn Quốc), Học viện văn hóa quốc tế Thiên Tân (Trung Quốc).

Hình thức đào tạo đại học các ngành trên là hệ chính quy tập trung, vừa làm vừa học, liên thông và bồi dưỡng ngắn hạn. Chương trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp đối với sinh viên được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo thực hiện tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn nhận thức rõ những thay đổi trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu về phương diện quốc gia lẫn quốc tế cũng như nhu cầu cần thiết phải có một hướng tiến cận hoàn toàn mới đối với nền giáo dục đại học. Để đáp ứng khả năng và yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với công nghệ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường đã phát triển theo định hướng là Trường đại học đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; các chương trình đào tạo đều tiếp cận phương pháp CDIO và “hòa hợp tích cực”; hiện đang tiến hành xây dựng 6 chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao và dự kiến đánh giá 4 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA

Quốc tế học là ngành học đã được giảng dạy ở nhiều trường đại học trên thế giới và Việt Nam; đây là một trong những ngành học truyền thống và rất cơ bản ở các viện, trường đại học lớn trên thế giới, là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành như kinh tế học, luật học, sử học, chính trị học... Mỗi ngành đều có cách tiếp cận đơn ngành, bộ phận đối với Quốc tế học. Đây là ngành học mang tính liên ngành, nhưng vẫn có những đặc thù riêng về đối tượng, phương pháp nghiên cứu.

Quá trình toàn cầu hóa đã khiến cho đời sống quốc tế ngày càng diễn ra hết sức sôi động với quy mô rộng lớn trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa...; và không một quốc gia nào có thể tồn tại biệt lập trong bối cảnh phát triển đó. Việc nghiên cứu các vấn đề quốc tế đã trở thành một nhiệm vụ cấp bách của nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc nghiên cứu những vấn đề quốc tế sẽ phục vụ đắc lực cho việc hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại của một quốc gia, đồng thời cũng nhằm triển khai có kết quả đường lối đó trong quá trình thực hiện đường lối quốc tế. Nghiên cứu quan hệ quốc tế giúp các nước có những bài học kinh nghiệm từ các nước trên thế giới về xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội để bảo vệ quốc gia, từ đó chọn lựa vận dụng vào điều kiện, hoàn cảnh của đất nước mình. Thực tiễn cho thấy Quốc tế học là một ngành học quan trọng, độc lập, có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là tỉnh có mức độ phát triển kinh tế - xã hội cao; thời gian qua, đã triển khai Chương trình hành động về hội nhập kinh tế quốc tế và đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng. Với chính sách “Trái chiêu hoa mời gọi đầu tư”, Bình Dương đã nổi lên như một hiện tượng về thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, thực hiện hiệu quả đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. Hiện nay, Bình Dương có 30 khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung, hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh ở các lĩnh vực khác nhau. Bình Dương có 32.000 doanh nghiệp trong nước và 3.300 công ty nước ngoài. Từ năm 2010, Bình Dương luôn thuộc nhóm có mức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài cao nhất cả nước. Thực tế đó đặt ra bài toán cung cấp nguồn nhân lực có chuyên môn, hiểu biết là rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương nói riêng và khu vực Đông Nam Bộ nói chung; đặc biệt là phục vụ cho lĩnh vực hoạt động gắn với yếu tố nước ngoài. Để giải quyết những



yêu cầu trên, một trong nhiệm vụ quan trọng là thực hiện chương trình đào tạo **Cử nhân Quốc tế học** trình độ đại học để tăng cường về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trong thời gian tới.

Hiện nay, liên quan trực tiếp đến ngành Quốc tế học, hiện Đại học Thủ Dầu Một có 25 giảng viên, trong đó có 5 Tiến sĩ, 4 Thạc sĩ, 16 Nghiên cứu sinh gắn với các chuyên ngành Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Chính trị học, Luật, Ngôn ngữ Anh, Địa lý... với định hướng nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành Quốc tế học có khả năng đảm bảo phụ trách toàn bộ chương trình đào tạo. Tất cả các giảng viên trên đều là giảng viên cơ hữu tại trường, có đầy đủ bằng cấp chuyên môn và các chứng chỉ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giảng viên, đã có kinh nghiệm đứng lớp nhiều năm đồng thời có kinh nghiệm, kết quả nhất định trong công tác nghiên cứu khoa học; đảm bảo việc phụ trách các học phần trong Chương trình.

Ngoài ra, khoa phụ trách còn nhận được sự hỗ trợ từ các khoa, viện, trung tâm, phòng, ban trong trường về lực lượng giảng viên cho các học phần thuộc khối kiến thức đại, cương, cơ sở ngành khác cũng như các kỹ thuật viên, nhân viên các bộ phận. Bên cạnh đó còn thường xuyên mời các chuyên gia từ các cơ sở đào tạo có uy tín khác trong cả nước đến để cộng tác, chia sẻ, học tập kinh nghiệm để từ đó nâng cao chuyên môn

Để thực hiện tốt công tác đào tạo, trường Đại học Thủ Dầu Một còn đảm bảo hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất như thư viện thường xuyên cập nhật, bổ sung tài liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu giáo trình, tài liệu tham khảo của tất cả các môn học; hiện có 156 phòng (từ 20 đến 100 chỗ ngồi, 2 hội trường lớn 200 và 700 chỗ ngồi) với diện tích 18.928,5 (m<sup>2</sup>) trong tổng diện tích: 643.630,5 (m<sup>2</sup>)

Chương trình đào tạo ngành Quốc tế học trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

## **2. Kết luận và đề nghị**

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất đặc biệt là thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu ngành Quốc tế học.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo Quốc tế học đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đứng chuyên ngành và có chuyên môn sâu về Quốc tế học. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục- Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Quốc tế học trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Quốc tế học phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
(đã ký)

**TS. NGÔ HỒNG DIỆP**

Bình Dương, ngày 18 tháng 2 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH QUỐC TẾ HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Kính gửi: Lãnh đạo Trường**

Xuất phát từ nhu cầu và chủ trương đào tạo ngành Quốc tế học trình độ đại học của trường Đại học Thủ Dầu Một.

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHTDM ngày 30 tháng 1 năm 2019 thành lập tổ soạn thảo Chương trình đào tạo.

Lãnh đạo Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn đã tổ chức họp Hội đồng Khoa và Nhóm chủ trì soạn thảo thống nhất và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Khoa tiến hành xây dựng đề án theo các yêu cầu của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT (hoặc Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT). Cụ thể:

1. Khảo sát nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành lân cận.
2. Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở thực hiện quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Đồng thời so sánh, đối chiếu với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín khác trong và ngoài nước.
3. Triển khai xây dựng đề cương chi tiết theo chương trình đào tạo đã được thông qua.
4. Thu thập, hệ thống toàn bộ hồ sơ về văn bằng, chứng chỉ, lý lịch khoa học của đội ngũ nhân sự và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường.

Sau khi cơ bản hoàn thành dự thảo đề án mở ngành, Hội đồng Khoa đã họp, rà soát và đề xuất danh sách Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư.

Nhóm chủ trì xây dựng đề án báo cáo đã thực hiện các bước đúng quy trình, trình tự, thủ tục mở ngành Quốc tế học trình độ đại học theo Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT.

Kính trình Lãnh đạo Trường hoàn tất hồ sơ gửi Bộ GD&ĐT đăng ký mở ngành đào tạo.

**LÃNH ĐẠO KHOA**

**TRƯỞNG NHÓM**

**BIÊN BẢN**  
**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**  
Vv: Thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học  
Ngành đào tạo: **Quốc tế học**  
Mã ngành: **7310601**

**I. Thời gian và địa điểm**

Thời gian: 8 giờ 00 ngày 2 tháng 03 năm 2020  
Địa điểm: Phòng khách – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần văn Ôn, Phú Hòa, TP.  
Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**II. Thành phần tham dự**

Hội đồng Khoa học và đào tạo theo Quyết định số 271 /QĐ-ĐHTDM ngày 28/2/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

**III. Nội dung**

**1) Tuyên bố lý do**

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quốc tế học

**2) Thông qua nội dung và ý kiến**

TS. Nguyễn Hoàng Huế báo cáo Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, ngành Văn học. Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành xem xét quy trình xây dựng Đề án theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22). Hội đồng nhận thấy chương trình đào tạo đáp ứng được các yêu cầu như:

- Chương trình đào tạo bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác.

- Mục tiêu đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại quy định của TT22. Chuẩn đầu ra đã bao quát được các điều kiện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.

- Đề cương chi tiết xây dựng đúng mẫu, nội dung và kết cấu chương trình đáp ứng tốt cho yêu cầu đào tạo, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập đúng quy định của TT22, phù hợp với thực tiễn nhà trường và địa phương là tỉnh Bình Dương.

- Kế hoạch đào tạo: Phù hợp với tiến trình đào tạo, tuân tự theo yêu cầu các môn học và việc hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực, đảm bảo tính vừa sức cho người học.

- Năng lực đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị thực tế đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo quy định tại TT22.

- Quy trình xây dựng đề án khoa học, các minh chứng đảm bảo theo quy định của TT22.

Góp ý khác:

- Bổ sung một số môn học mang tính hiện đại, theo hướng tích hợp.

- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.

100% các thành viên Hội đồng thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quốc tế học

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
(đã ký)

**THƯ KÝ**  
(đã ký)

**TS. NGÔ HỒNG DIỆP**

**TS. NGUYỄN HOÀNG HUẾ**

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01 /NQ-HĐTr

Bình Dương, ngày 22 tháng 01 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc mở ngành mới**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**  
**NHIỆM KỲ 1, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Căn cứ Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐTr, ngày 08/12/2017 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Chiến lược phát triển trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2030 và Tờ trình số 45/TTr-ĐHTDM, ngày 27/12/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc mở ngành mới,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua việc mở 06 ngành đào tạo trình độ Đại học để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động, bao gồm: Thiết kế đồ họa (Mã ngành II: 7210403), Quốc tế học (Mã ngành VII: 7310601), Văn học (Mã ngành VII: 7229030), Tâm lý học (Mã ngành VII: 7310401), Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (Mã ngành V: 7510606), Công nghệ kỹ thuật ô tô (Mã ngành V: 7510205).

Thời gian thực hiện: năm 2019.

**Điều 2.** Giao Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một chuẩn bị các điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở ngành theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một kỳ họp thứ ba thông qua ngày 22/01/2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**  
**CHỦ TỊCH**



**PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp**



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO<sup>1</sup>**

|                           |             |
|---------------------------|-------------|
| <b>Tên chương trình:</b>  | QUỐC TẾ HỌC |
| <b>Trình độ đào tạo:</b>  | Đại học     |
| <b>Ngành đào tạo:</b>     | QUỐC TẾ HỌC |
| <b>Mã ngành:</b>          | 7310601     |
| <b>Loại hình đào tạo:</b> | Chính quy   |
| <b>Khóa:</b>              | 2019 – 2023 |

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **- Mục tiêu chung:**

+ Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, an ninh quốc phòng, khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn.

+ Tích lũy được những kiến thức chuyên sâu thuộc lĩnh vực Quốc tế học; nắm vững kỹ năng và có hiểu biết thực tế liên quan đến để có thể đảm đương các công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế phù hợp.

#### **- Mục tiêu cụ thể:**

+ Có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vững vàng để đảm nhận được công việc trong thực tế.

+ Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học và tự học suốt đời, kỹ năng thích ứng xã hội, kỹ năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo; kỹ năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo.

+ Có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật; có thái độ tích cực, tinh thần, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, tổ quốc; có ý thức phục vụ cộng đồng; sở hữu được một hệ thống các giá trị đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp. Có ý thức, khát vọng học tập suốt đời.

### **2. Chuẩn đầu ra**

#### **2.1 Kiến thức**

<sup>1</sup> Phụ lục I (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



+ Có kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, quy luật tự nhiên và xã hội, có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, về khoa học xã hội và nhân văn, có kiến thức về quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn

+ Có kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa

+ Vận dụng được những vấn đề cơ bản về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn

+ Có kiến thức cơ bản và hệ thống về Quốc tế học các lĩnh vực chính trị - ngoại giao quốc tế, kinh tế quốc tế, luật quốc tế và khu vực học

+ Vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn chuyên sâu thuộc lĩnh vực Quốc tế học trong công việc

+ Vận dụng kiến thức chuyên ngành, tiếp cận với tri thức hiện đại của khu vực và thế giới

## **2.2 Kỹ năng**

+ Giao tiếp và làm việc hiệu quả trong các nhóm chuyên môn và đa ngành.

+ Có kỹ năng thích ứng xã hội, tổng hợp ý kiến tập thể trong học tập và làm việc

+ Có kỹ năng chủ động tiếp cận và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ phục vụ cho công việc

+ Có kỹ năng quản lý thời gian và tự chủ trong học tập và làm việc

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành về quan hệ quốc tế và đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng

+ Có kỹ năng phát hiện, tổng hợp, phân tích và giải quyết vấn đề, sự kiện, hiện tượng quốc tế

+ Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức đọc và xử lý được các văn kiện và tài liệu chuyên môn về các vấn đề quốc tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống giao tiếp đối ngoại; có thể bước đầu viết báo cáo, bài trình bày có nội dung liên quan đến công tác đối ngoại.

## **2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

+ Có phẩm chất chính trị đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật

+ Có tinh thần phục vụ cộng đồng

+ Thể hiện thái độ ham học hỏi, tác phong chuyên nghiệp và ý thức tự học tập tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

+ có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề chuyên sâu;

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn

+ Có sáng kiến trong quá trình làm việc

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 120 tín chỉ chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

**4. Đối tượng tuyển sinh:** theo quy chế hiện hành

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Đào tạo thời gian 4 năm theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 890/QĐ-ĐH TDM do Hiệu trưởng ĐH Thủ Dầu Một ban hành ngày 04/8/2016.

## 6. Thang điểm

Theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Quyết định số 890/QĐ-ĐH TDM do Hiệu trưởng ĐH Thủ Dầu Một ban hành ngày 04/8/2016.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung các học phần tính theo hệ số (trừ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh đã cấp chứng chỉ).

## 7. Nội dung chương trình

### Cấu trúc chương trình đào tạo

| STT                                       | Học phần                                         | Nội dung cần đạt được                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học) | Ghi chú |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| <b>Kiến thức giáo dục đại cương: 22TC</b> |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                     |         |
| 1                                         | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin | - Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành <i>3 phần, 9 chương</i> : <i>Phần thứ nhất</i> có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; <i>phần thứ hai</i> có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; <i>phần thứ ba</i> có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. | 5TC (5+0)                           |         |
| 2                                         | Tư tưởng Hồ Chí Minh                             | - Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2TC (2+0)                           |         |

|   |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |  |
|---|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|   |                                                | cách mạng Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |  |
| 3 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | - Kiến thức hệ thống về đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, gồm 8 chủ đề: Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Chương 4: Đường lối công nghiệp hoá; Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Chương 7: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; Chương 8: Đường lối đối ngoại. | 3TC (3+0) |  |
| 4 | Tiếng Anh 1                                    | - Giới thiệu những kiến thức tiếng Anh cơ bản theo khung tham chiếu Ngoại ngữ CEF ở bậc B2. Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.                    | 2TC (1+1) |  |
| 5 | Tiếng Anh 2                                    | - Giới thiệu những kiến thức tiếng Anh nâng cao, theo khung tham chiếu Ngoại ngữ CEF ở bậc C1. Môn học chiếm hầu hết thời lượng cho mục tiêu thực hành tiếng (đúng theo tên gọi), bám sát nội dung và cơ cấu đề thi năng lực tiếng Anh theo chuẩn phạm vi quốc tế, được cập nhật mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2TC (1+1) |  |

|   |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |  |
|---|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|   |                                           | nhất trên phạm vi toàn cầu từ năm 2015. Trong quá trình học, sinh viên được tiếp xúc với đa dạng loại hình kiểm đánh giá của cả 4 kỹ năng chuyên ngữ, xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến lĩnh vực có sử dụng ngôn ngữ đó; như các đoạn đọc hiểu được trích thực từ báo tạp chí, tiểu thuyết, luận văn, từ nghiên cứu cho đến báo cáo khoa học, v.v.; có thể viết đoạn văn với yêu cầu tương đối cao, có nội dung lý luận liên quan đến các chủ đề thiết thực, đương thời hoặc cá nhân quan tâm, cho đến các hình thức xã hội, như thư tín điện tử, báo cáo hoặc kiến nghị v.v.; có thể nghe hiểu được hàng loạt các tài liệu phỏng vấn, thuyết trình, phát thanh trực tiếp, hoặc các cuộc đối thoại khá tự nhiên hàng ngày (kèm đặc trưng bản địa); từ đó tạo hiệu quả liên đới cho khả năng phát triển kỹ thuật giao tiếp tương tác (face-to-face). |           |  |
| 6 | Nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong học phần này, người học sẽ học cách nhận thức về tư duy, vận dụng các công cụ tư duy vào thiết kế một ý tưởng nghiên cứu khoa học; cũng như biết cách xây dựng đề cương nghiên cứu.</li> <li>- Học phần này sẽ cung cấp cho người học những công cụ của tư duy giúp bạn nhận biết được những ý tưởng sáng tạo của bản thân, khả năng áp dụng vào thực tiễn, học tập và nghiên cứu khoa học.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2TC (1+1) |  |
| 7 | Thống kê trong nghiên cứu khoa học xã hội | Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết thống kê, các thuật thống kê nhằm phân tích thông tin và khẳng định các giả thuyết trong nghiên cứu khoa học xã hội. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các loại dữ liệu,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2TC (1+1) |  |

|                                         |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |  |
|-----------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|                                         |                           | biến, thang đo và mối quan hệ của các loại dữ liệu với nhau, mối quan hệ giữa dữ liệu với thang đo. Trang bị cơ sở lý thuyết về các phương pháp phân tích thống kê, các phương pháp kiểm định thống kê. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên biết cách phân tích và đọc kết quả phân tích dữ liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học.                                                                                                                                                               |           |  |
| 8                                       | Tư duy biện luận ứng dụng | - Môn học củng cố cho sinh viên cách tư duy biện luận, cách học, nghiên cứu và ứng xử một cách hiệu quả và chuyên nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu về phương pháp làm việc, học tập và nghiên cứu trong học tập và công tác; giúp sinh viên có khả năng thích ứng với nhiều môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Giúp học viên vận dụng linh hoạt các tài liệu cũng như tự tìm tòi, bổ sung, cập nhật phù hợp với ngành của mình để thực hành, giải quyết bài tập tình huống ứng dụng. | 2TC (1+1) |  |
| 9                                       | Môi trường và phát triển  | - Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn, các chức năng và thành phần cơ bản của môi trường, các nguyên lý chủ yếu về sinh thái- môi trường. Vấn đề dân số, liên quan giữa dân số – tài nguyên – môi trường - phát triển và ô nhiễm môi trường. Trang bị cho sinh viên nguyên tắc và công cụ quản lý môi trường, xác lập chương trình hành động bảo vệ tài nguyên môi trường. Hình thành đạo đức môi trường và phát triển bền vững.                 | 2TC (1+1) |  |
| <b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |  |
| <b>Kiến thức cơ sở ngành: 23TC</b>      |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |  |
| 10                                      | Logic học đại cương       | - Học phần cung cấp hệ thống các hình thức và quy luật cơ bản của tư duy : Ngoài 1 chương mở đầu Đại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2TC (1+1) |  |

|    |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |  |
|----|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                                  | cương về logic học giới thiệu khái lược về đối tượng và một số vấn đề chung của môn Logic học đại cương. Nội dung môn học được cấu trúc thành 05 chương: Những quy luật cơ bản của tư duy; Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Chứng minh, bác bỏ và ngụy biện.                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |  |
| 10 | Nhập môn khu vực học             | - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khu vực học: các tiếp cận, các hệ thống lý thuyết...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2TC (1+1) |  |
| 11 | Xã hội học đại cương             | - Nội dung môn học bao gồm những khái niệm và kiến thức cơ bản về xã hội học như quá trình hình thành, phát triển, đối tượng, chức năng và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; Cơ cấu xã hội học; Một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, cá nhân và xã hội<br>- quá trình xã hội hoá và một số trường phái xã hội học; Những thiết chế và tổ chức xã hội cơ bản                                                                                                                                                                                 | 2TC (1+1) |  |
| 12 | Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt | - Học phần Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt giới thiệu một cách giản dị và có hệ thống những khái niệm cơ bản, mở đầu của ngôn ngữ học như: bản chất xã hội của ngôn ngữ, hệ thống tín hiệu ngôn ngữ, nguồn gốc và diễn tiến của ngôn ngữ, phân loại các ngôn ngữ, cơ sở ngữ âm học và ngữ âm tiếng Việt, cơ sở từ vựng học và từ vựng tiếng Việt, cơ sở ngữ pháp học và ngữ pháp tiếng Việt. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ từ chỗ biết để rồi tiến tới hiểu những kiến thức sâu rộng hơn của khoa học về ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng. | 2TC (1+1) |  |
| 13 | Lịch sử văn minh thế giới        | - Lịch sử văn minh thế giới, một học phần có ý nghĩa quan trọng đối với ngành lịch sử, vì môn học không chỉ giới thiệu về sự hình thành, phát triển của các nền văn minh lớn ở phương Đông - phương Tây mà còn góp phần giúp cho sinh viên hiểu hơn về ý                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2TC (1+1) |  |



|    |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |  |
|----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                       | <p>nghĩa, vai trò của những sản phẩm mang giá trị vật chất – tinh thần do con người tạo ra qua từng phân kỳ lịch sử, từ đó tạo người học thái độ biết trân trọng, bảo tồn những thành tựu là nền tảng đóng góp quan trọng cho bước phát triển văn minh nhân loại.</p> <p>Nội dung trọng tâm thể hiện qua 10 chương, cung cấp kiến thức cơ bản về văn minh và hệ thống quá trình ra đời, hưng suy của văn minh nhân loại, cụ thể thể hiện qua điều kiện hình thành, tiến trình phát triển của văn minh, những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kỹ thuật, văn học, sử học, nghệ thuật...của các nền văn minh tiêu biểu như (1) Ai Cập; (2) Lưỡng Hà ; (3) Trung Hoa; (4) Ấn Độ ;(5) Ả rập; (6) Đông Nam Á; (7) Hy Lạp - La Mã; (8) Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX.</p> |           |  |
| 14 | Dân tộc học đại cương | <p>- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở lý luận của nhân học đại cương gồm: đối tượng và lịch sử phát triển của ngành nhân; nội dung và hàm ý nghiên cứu của các lý thuyết nhân học, phương pháp nghiên cứu. Sau khi nắm vững cơ sở lý luận của ngành sinh viên có thể hiểu, áp dụng nghiên cứu các vấn đề khác nhau của đời sống con người như kinh tế, văn hóa, hôn nhân – gia đình, tổ chức xã hội của con người.</p> <p>- Học phần cũng trang bị cho người học cách tiến hành nghiên cứu một nét văn hóa cụ thể của một cộng đồng tộc người, một nhóm người, lý giải sự khác nhau về văn hóa của các tộc người trên thế giới.</p>                                                                                                                                                                                                                       | 2TC (1+1) |  |

|    |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |  |
|----|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 15 | Kinh tế học đại cương      | Học phần này cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản để phân tích các hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế dưới góc độ vi mô và vĩ mô. Trong phân tích vi mô, nội dung cụ thể liên quan đến cung, cầu, sự hình thành giá cả, thị trường, những quy luật tác động đến hành vi sản xuất. Trong phân tích vĩ mô, nội dung giới thiệu tổng cung, tổng cầu, đo lường sản lượng quốc gia, thất nghiệp, lạm phát và một số chính sách can thiệp nền kinh tế của chính phủ như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ. Sinh viên các khối ngành kinh tế cần tiếp cận môn học này để làm tạo nền tảng kiến thức cho các chuyên ngành. | 2TC (1+1) |  |
| 16 | Cơ sở văn hóa Việt Nam     | - Cơ sở Văn hóa Việt Nam là môn học cần thiết cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa dân tộc cho sinh viên. Giúp sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản của văn hóa, các đặc trưng - chức năng và cấu trúc của văn hóa, nhận diện được tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam, không gian văn hóa Việt Nam từ đó sinh viên nhận thức được ý nghĩa, vai trò của văn hóa trong cuộc sống, thấy được tầm quan trọng của việc giữ gìn văn hóa truyền thống Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay.                                                                                                                                         | 2TC (1+1) |  |
| 17 | Lịch sử Việt Nam đại cương | - Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy cho đến nay bao gồm các thời kỳ: Thời kỳ nguyên thủy với hai giai đoạn phát triển là giai đoạn xã hội bầy người và giai đoạn xã hội thị tộc; Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc với công cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam nhằm bảo vệ và phát triển kinh tế, văn hóa dân tộc,                                                                                                                                                                                                                                      | 3TC (2+1) |  |

|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |  |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                    | khôi phục nền độc lập, tự chủ; Thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ trải qua ba giai đoạn hình thành, xác lập, phát triển và khủng hoảng của chế độ phong kiến; thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp (1858 – 1945), thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) và thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước từ năm 1975 đến nay.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |  |
| 18 | Luật pháp Việt Nam | - Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật; các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp luật quốc tế; đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam. Từ đó giúp người học nâng cao sự hiểu biết về vai trò và sự quan trọng của Nhà nước và pháp luật trong đời sống, có những quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước Việt Nam, có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước, có ý thức đầy đủ về bổn phận và nghĩa vụ của một công dân đối với quốc gia, biết áp dụng pháp luật trong cuộc sống làm việc của mình, nhất là đối với người học trong các ngành học thuộc khoa học xã hội, vừa cần những lý luận cơ bản về pháp luật, vừa cần những kiến thức pháp luật chuyên ngành. | 2TC (1+1) |  |
| 19 | Địa lý thế giới    | - Trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư – xã hội của châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương. Sinh viên nắm vững đặc điểm nền kinh tế - xã hội các châu trên: Một số đặc trưng về địa lí kinh tế - xã hội các, cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của các tổ chức khu vực và một số quốc gia tiêu biểu, với                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2TC (1+1) |  |

|                              |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |  |
|------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|                              |                             | những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau, sự phát triển kinh tế qua các thời kỳ lịch sử, những ngành kinh tế nổi bật, những vùng kinh tế - xã hội thể hiện sự phân hóa lãnh thổ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |  |
| <b>Kiến thức ngành: 29TC</b> |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |           |  |
| 20                           | Lịch sử thế giới đại cương  | - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử thế giới cổ - trung, cận, hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3TC (2+1) |  |
| 21                           | Nhập môn Quan hệ quốc tế    | - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học Quan hệ quốc tế: các hệ thống lý thuyết, các cấp phạm trù...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3TC (2+1) |  |
| 22                           | Lịch sử Quan hệ quốc tế     | - Môn học phân tích quá trình vận động, phát triển cũng như đặc điểm của quan hệ quốc tế qua các giai đoạn (từ cổ đại đến nay). Nhận thức các cường quốc chi phối chính quan hệ quốc tế từng thời kỳ. Xu hướng về xung đột, chiến tranh và khả năng hợp tác trong lịch sử loài người. Qua đó có cái nhìn toàn diện về một thế giới luôn biến động và khả năng ứng phó nhằm bảo vệ được lợi ích quốc gia trong mọi hoàn cảnh, thông qua những bài học rút ra từ lịch sử quan hệ quốc tế.                                                                                        | 3TC (2+1) |  |
| 23                           | Lịch sử ngoại giao Việt Nam | - Cung cấp kiến thức về các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực ngoại giao của lịch sử dân tộc. Cụ thể là các vấn đề: những đặc điểm cơ bản trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam với các quốc gia Đông Nam Á trong thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ (938-1884); đánh giá thành quả, bài học kinh nghiệm trong hội nghị Genève về Đông Dương 1954 và Hội nghị Paris về Việt Nam năm 1973; ngoại giao phá thế bao vây cấm vận từ 1975-1995; ngoại giao trong thời kỳ hội nhập quốc tế; đấu tranh ngoại giao trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới Tổ quốc. Các vấn đề sẽ | 2TC (1+1) |  |

|    |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |  |
|----|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                                   | được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học, cho thấy tác động biện chứng của lịch sử ngoại giao Việt Nam với bối cảnh khu vực và thế giới.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |  |
| 24 | Chính trị học đại cương           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn Chính trị học đại cương nghiên cứu lĩnh vực chính trị của đời sống xã hội. Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, phạm trù cơ bản của chính trị học như: chính trị, quyền lực chính trị, hệ thống chính trị, hoạt động chính trị, chủ thể hoạt động chính trị, quyết định chính trị, văn hóa chính trị, v.v.. Từ đó sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích chính trị và có thái độ chính trị đúng đắn.</li> <li>- Môn học trang bị cho sinh viên hiểu biết về thực tiễn, xu hướng cơ bản của đời sống chính trị quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa và đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam hiện nay.</li> </ul> | 2TC (1+1) |  |
| 25 | Quan hệ kinh tế quốc tế đại cương | - Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về quan hệ kinh tế quốc tế, các hình thức thương mại quốc tế, những hình thức, nội dung liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế... Thành tựu, hạn chế, những cơ hội, thách thức và bài học kinh nghiệm đối với doanh nghiệp Việt Nam khi hội nhập kinh tế quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2TC (1+1) |  |
| 26 | Kinh tế đối ngoại Việt Nam        | - Cung cấp kiến thức cơ bản, hệ thống về kinh tế đối ngoại Việt Nam trong điều kiện khu vực hoá, toàn cầu hoá đang diễn ra hết sức nhanh chóng cũng như quá trình hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu sắc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2TC (1+1) |  |
| 27 | Công pháp quốc tế                 | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, lịch sử phát triển và nguồn của luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; chủ thể luật quốc tế; luật điều ước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2TC (2+0) |  |

|    |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |  |
|----|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                                                  | quốc tế; lãnh thổ trong luật quốc tế; luật biển quốc tế; luật tổ chức quốc tế; luật ngoại giao và lãnh sự; giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế; giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế; các cơ quan tài phán quốc tế; luật môi trường quốc tế; luật kinh tế quốc tế; trách nhiệm pháp lý quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |  |
| 28 | Tư pháp quốc tế                                  | - Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài, giải quyết các xung đột pháp luật thông qua phương thức điều chỉnh đặc thù, cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài, công nhận và thi hành các bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2TC (2+0) |  |
| 29 | Vấn đề nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế | - Môn học nhằm giới thiệu cho sinh viên một số phương pháp nghiên cứu cơ bản trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Ngoài ra môn học cũng sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để có thể tiến hành một dự án nghiên cứu (tiểu luận khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn tốt nghiệp...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2TC (1+1) |  |
| 30 | Thể chế chính trị các nước trên thế giới         | - Cung cấp cho sinh viên những nhận thức chung nhất về thể chế chính trị thế giới đương đại như: khái niệm chung về thể chế, thể chế chính trị, thể chế nhà nước; những kiến thức cơ bản về vai trò của các đảng phái chính trị trong Nhà nước; Hiến pháp và cách tổ chức quyền lực của các loại thể chế chính trị thế giới đương đại..v.v. Từ đó sinh viên có khả năng nhận thức, phân tích chính trị và có thái độ chính trị đúng đắn.<br>- Nội dung chủ yếu của môn học này gồm các vấn đề: cấu trúc các thể chế chính trị: quân chủ đại nghị, cộng hòa đại nghị, cộng hòa tổng thống, cộng hòa lưỡng tính, cộng hòa xã hội chủ | 2TC (1+1) |  |

|    |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |           |  |
|----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                  | nghĩa; thực tiễn xây dựng và vận hành thể chế chính trị ở các nước: Anh, Đức, Mỹ, Pháp, Trung Quốc, Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |  |
| 31 | Academic English | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học phần này giúp sinh viên viết cách viết các bài luận và báo cáo mang tính học thuật cao. Sinh viên hiểu được mục đích của viết học thuật, các dạng bài viết học thuật và những đặc điểm của chúng. Học phần cũng chỉ cho sinh viên cách tìm nguồn tài liệu tham khảo và cách trích dẫn sao cho tránh đạo văn.</li> <li>- Học phần cũng giúp sinh viên học cách diễn giải hay tóm tắt nội dung các đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ, tổ chức ý tưởng và sắp xếp chúng trong những thể loại viết khác nhau như thư tín, emails, CVs, báo cáo, nghiên cứu tình huống, lịch sử vấn đề, bảng câu hỏi và bài luận dài.</li> <li>- Học phần giúp sinh viên học được các chiến lược để luyện viết tiếng Anh học thuật một cách hiệu quả</li> </ul> | 2TC (1+1) |  |
| 32 | Public Speaking  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng diễn đạt, thuyết trình bằng tiếng Anh trước đám đông một cách trôi chảy, tự tin; phát triển khả năng tư duy và lý luận chặt chẽ; phát triển kỹ năng trình bày một bài thuyết trình có chuẩn bị trước hoặc không chuẩn bị trước; củng cố và phát triển kỹ năng nghe và nói. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về chọn và phát triển các đề tài cụ thể, chuẩn bị dàn ý chi tiết, hình thành mục đích, tình huống thuyết trình với sự hỗ trợ của truyền thông đa phương tiện. Trong khi thuyết trình, sinh viên vận dụng những ngôn ngữ cử chỉ đã được hướng dẫn để làm cho bài nói trước công chúng thêm sinh động, thu hút người nghe. Sau khi kết thúc học</li> </ul>                    | 2TC (1+1) |  |



|                                                                                                                   |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|                                                                                                                   |                               | phần, sinh viên có thể tự tin vận dụng kiến thức đã học và kinh nghiệm qua những buổi trình bày bài nói tại lớp vào trình bày các đề tài nghiên cứu trong học tập cũng như trong công việc sau này một cách hiệu quả nhất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |           |  |
| <b>Kiến thức chuyên ngành: 46TC (12TC Bắt buộc; 16TC Tự chọn; 18TC (thực tế, thực tập, khóa luận tốt nghiệp )</b> |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |  |
| 33                                                                                                                | Những vấn đề toàn cầu         | Môn học Những vấn đề toàn cầu giới thiệu lĩnh vực mới nổi trong ngành Quan hệ quốc tế và phạm vi chương trình nghị sự của nó. Môn học tập trung vào những vấn đề chính đang được thế giới quan tâm, ví dụ như khủng bố, tội phạm quốc tế, đói nghèo và môi trường. Môn học sẽ sử dụng những vấn đề trên để vẽ lên mạng lưới hợp tác quốc tế được phát triển nhằm giải quyết những vấn đề đó, bao gồm các tổ chức liên chính phủ, các tổ chức phi lợi nhuận quốc tế, và các quốc gia có liên quan. Trong quá trình học, sinh viên sẽ tích lũy được những kiến thức cơ bản về những vấn đề toàn cầu hiện nay cùng với các tác nhân đóng vai trò quan trọng xung quanh chúng, đồng thời sinh viên sẽ có thể giải thích được các vấn đề toàn cầu nổi trội hiện nay dưới nhiều góc độ khác nhau. | 2TC (1+1) |  |
| 34                                                                                                                | Địa chính trị                 | - Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2TC (1+1) |  |
| 35                                                                                                                | Chính sách đối ngoại Việt Nam | - Cung cấp kiến thức về đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó được chia thành hai giai đoạn. Thứ nhất là đường lối đối ngoại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2TC (1+1) |  |

|    |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |  |
|----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                      | trong thời kỳ Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945-1975). Thứ hai là đường lối đối ngoại trong thời kỳ Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chuyên đề tập trung làm rõ kết quả, đóng góp quan trọng của đường lối đối ngoại của Đảng vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |           |  |
| 36 | Tổ chức sự kiện      | <p>- Môn học trang bị cho sinh viên một cách đầy đủ, có tính hệ thống những kiến thức cơ bản mang tính lý luận và thực tiễn về quy trình tổ chức sự kiện như: Khái niệm sự kiện và tổ chức sự kiện, cách phân loại các sự kiện; Tầm quan trọng của hoạt động tổ chức sự kiện; Lập kế hoạch tổ chức sự kiện; Chiến lược tổ chức sự kiện với các điểm quan trọng như: cách thức tổ chức và tính toán thời gian cho tổ chức sự kiện, lên danh sách và tổ chức đưa đón khách mời, địa điểm tổ chức sự kiện, tổ chức ăn uống trong sự kiện...</p> <p>- Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên các kỹ năng hoạt động về tổ chức sự kiện - một lĩnh vực còn rất mới mẻ nhưng đầy triển vọng ở Việt Nam, để người học có thêm kiến thức hỗ trợ cho quá trình xây dựng ý tưởng, dự đoán và giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện, kiểm tra, đánh giá sự kiện sau khi sự kiện diễn ra...</p> | 2TC (1+1) |  |
| 37 | Nghịệp vụ ngoại giao | <p>- Trang bị cho sinh viên nội dung cơ bản nhất của kiến thức đại cương về công tác ngoại giao, hiểu khái niệm về ngoại giao, phân loại ngoại giao theo các tiêu chí, lịch sử phát triển của nền ngoại giao nói chung và ngoại giao Việt Nam nói riêng, nhiệm vụ của ngoại giao Việt Nam hiện nay;</p> <p>- Giúp cho sinh viên nắm vững một</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2TC (1+1) |  |

|    |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |  |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                    | <p>số công tác của nghiệp vụ ngoại giao như công tác lễ tân ngoại giao, công tác lãnh sự, công tác soạn thảo văn bản ngoại giao, công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác tiếp xúc, đàm phán ngoại giao, công tác nghiên cứu ngoại giao;</p> <p>- Rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng trong giao tiếp, tiếp xúc đối ngoại..., giúp cho sinh viên sau khi ra trường có thể đáp ứng yêu cầu về công tác đối ngoại tại các cơ quan đối ngoại trong nước và ở nước ngoài.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |  |
| 38 | Quan hệ công chúng | <p>- Môn học trang bị cho sinh viên một cách đầy đủ, có tính hệ thống những kiến thức cơ bản mang tính lý luận về Quan hệ công chúng (PR) cụ thể: khái niệm về giao tiếp, PR, quảng cáo, Marketing, tuyên truyền, chức năng cơ bản của PR, lịch sử hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam</p> <p>- Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến thực tiễn như: một, đi sâu vào tìm hiểu, phân tích nhiệm vụ và vai trò của các chuyên gia PR trong việc xây dựng, duy trì và phát triển các mối quan hệ giữa cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và công chúng; Hai, làm rõ các hoạt động chính của quan hệ công chúng cũng như quy trình thực hiện các công việc của quan hệ công chúng; Ba, tìm hiểu các công cụ chủ yếu của ngành PR hỗ trợ cho việc hoạch định chiến lược nhằm thiết lập và duy trì mối quan hệ tin cậy, hiểu biết lẫn nhau giữa một tổ chức và các nhóm công chúng của nó; Bốn, những vấn đề về đạo đức và pháp lý của người làm quan hệ công chúng đang gặp phải hiện nay.</p> | 2TC (1+1) |  |

|    |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |           |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 39 | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam (Tự chọn)                                    | <p>- Môn học trang bị cho sinh viên những nét cơ bản nhất về quá trình hình thành, phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Asean) cụ thể: Quá trình hình thành và phát triển; Cơ cấu tổ chức và các nguyên tắc, mục tiêu hoạt động của ASEAN; bước chuyển quan trọng từ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á sang Cộng đồng Asean ; Mỗi quan hệ giữa Asean và các đối tác chính ngoài khối như EU, Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ...</p> <p>- Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên thêm kiến thức nhằm phục vụ cho việc tìm hiểu về vai trò, vị trí, nhiệm vụ, quyền lợi của Việt Nam đối với việc duy trì, phát triển thế và lực của ASEAN.</p> | 3TC (2+1) |  |
| 40 | Chính sách đối ngoại của Trung Quốc và quan hệ Trung Quốc - Việt Nam (Tự chọn) | - Môn học cung cấp một khối lượng kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực tiễn chính sách đối ngoại của Trung Quốc; về phương pháp, môn học giúp sinh viên có phương pháp phân tích chính sách đối ngoại của một quốc gia dựa trên cách tiếp cận sử học, quan hệ quốc tế và chính trị học so sánh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3TC (2+1) |  |
| 41 | Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ và Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam (Tự chọn)         | Môn học cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan và kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại Hoa Kỳ. Môn học sẽ tập trung tìm hiểu khung phân tích, quá trình hoạch định và các giai đoạn lịch sử quan trọng của chính sách đối ngoại. Đồng thời, sinh viên sẽ bắt đầu sử dụng kiến thức để phân tích trường hợp cụ thể trong chính sách đối ngoại Hoa Kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3TC (2+1) |  |
| 42 | EU và quan hệ EU - Việt Nam (Tự chọn)                                          | + Cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của EU. Từ những ý tưởng ban đầu, đến sự ra đời của các tổ chức tiền thân đến một thể chế hiện đại và đầy quyền lực – Liên minh kinh tế, văn hóa, chính trị, đến nay EU đã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3TC (2+1) |  |

|    |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |  |
|----|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                                                          | <p>khẳng định được vị thế của mình với tư cách là một chủ thể đặc biệt. Tuy nhiên trong quá trình phát triển của EU, không thể không đề cập đến những chính sách lớn, về mô hình và cơ cấu tổ chức, cũng như những vấn đề còn tồn tại mà EU còn tiếp tục giải quyết để phát triển.</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức chính về quan hệ Việt Nam – EU. Trong đó tập trung và các vấn đề như quá trình thiết lập cũng như triển khai mối quan hệ giữa hai bên trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa, giáo dục... Từ đó có những đánh giá và phân tích về vị trí của mối quan hệ, cũng như triển vọng phát triển của mối quan hệ này.</p> |           |  |
| 43 | Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh (Tự chọn) | - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2TC (1+1) |  |
| 44 | Quan hệ quốc tế ở châu Á – Thái Bình Dương (Tự chọn)     | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển trong tư duy và thực tiễn triển khai các chiến lược của các nước lớn tại châu Á – Thái Bình Dương. Học phần hướng đến việc hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về những vấn đề cơ bản xoay quanh quan hệ quốc tế tại châu Á – Thái Bình Dương.                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2TC (1+1) |  |
| 45 | Toàn cầu hóa (Tự chọn)                                   | - Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của xu thế toàn cầu hóa, những động lực thúc đẩy quá trình này, tác động của quá trình này đối với sự phát triển của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2TC (1+1) |  |
| 46 | An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế (Tự chọn)      | - Giới thiệu một cách hệ thống các khái niệm cơ bản về xung đột và an ninh, thực tiễn và các giải pháp giải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2TC (1+1) |  |

|    |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |  |
|----|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                                                 | quyết xung đột, duy trì an ninh trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là ở khu vực Đông Nam Á từ 1945 tới nay.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |  |
| 47 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột (Tự chọn) | - Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản, khái quát về vấn đề chủ quyền, xung đột cũng như các sáng kiến và hoạt động thực tiễn nhằm góp phần thúc đẩy hợp tác, an ninh tại Biển Đông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2TC (1+1) |  |
| 48 | Một số vấn đề tôn giáo đương đại (Tự chọn)      | - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận, chính sách, đặc điểm của tôn giáo trong giai đoạn hiện nay                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2TC (1+1) |  |
| 49 | Văn hóa chính trị (Tự chọn)                     | - Môn học nghiên cứu một số khái niệm công cụ cơ bản về văn hóa chính trị; một số lý thuyết khoa học tiếp cận ở phương Tây về văn hóa chính trị; cấu trúc của văn hóa chính trị; đặc điểm của văn hóa chính trị; chức năng của văn hóa chính trị; một số vấn đề về văn hóa chính trị Việt Nam hiện nay.                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2TC (1+1) |  |
| 50 | Các tổ chức quốc tế (Tự chọn)                   | - Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các khái niệm “tổ chức”, “khu vực”, “quốc tế”. Từ những khái niệm đó sinh viên có thể nắm được nội hàm và ngoại diên của các khái niệm tổ chức nói chung và tổ chức quốc tế nói riêng; Từ đó phân loại được tổ chức, cũng như bối cảnh lịch sử hình thành và những tác động của tổ chức đến đời sống kinh tế, chính trị...thế giới.<br>- Bên cạnh đó học phần còn đưa ra một vài định hướng để xác định một tổ chức trong thực tế khi có nhiều hình thức hợp tác, liên kết quốc tế diễn ra dưới các hình thức khác như diễn đàn, hiệp định khu vực... | 2TC (1+1) |  |
| 51 | E-V Translation (Tự chọn)                       | - Học phần cung cấp kiến thức về biên dịch báo chí từ tiếng Anh sang tiếng Việt, biết vận dụng kiến thức về ngữ pháp và đọc hiểu trong bối cảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2TC (1+1) |  |

|    |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |           |  |
|----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                        | <p>một thông tin trên báo chí, liên quan đến thực tế cuộc sống. Sinh viên biết diễn tả chính xác những thông tin trên báo chí, không làm sai lệch sự việc và biết chuyển đổi cách diễn tả nguồn thông tin từ ngôn ngữ tiếng Anh sang ngôn ngữ tiếng Việt một cách tự nhiên, dễ hiểu cho người đọc nhưng vẫn bảo đảm tính xác thực.</p> <p>- Học phần chủ yếu tập trung vào các chủ đề : thời sự, thể thao, văn hoá, và thời tiết, các bài báo tiêu biểu thường gặp trong các trang báo tiếng Anh trên thế giới. Học phần cũng bao gồm các bài báo trên mạng Internet cũng như các trang báo chính thống.</p> <p>- Học phần nhằm vào đối tượng sinh viên chuyên ngành tiếng Anh, nhằm giúp sinh viên áp dụng khả năng đọc hiểu và diễn đạt chính xác qua kỹ năng viết một bài báo.</p>                                    |           |  |
| 52 | Interpreting (Tự chọn) | <p>- Học phần cung cấp kiến thức về Kỹ năng Phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt , và từ tiếng Việt sang tiếng Anh, biết vận dụng kiến thức về nghe hiểu và diễn dịch lại từ ngôn ngữ nguồn (source language) sang ngôn ngữ đích ( target language) trong bối cảnh thông tin được diễn đạt bằng lời nói trên các phương tiện truyền thông đại chúng, liên quan đến thực tế cuộc sống. Sinh viên phải hiểu chính xác những thông tin được nêu ra, không làm sai lệch sự việc, và biết chuyển đổi cách diễn tả nguồn thông tin từ ngôn ngữ tiếng Anh sang ngôn ngữ tiếng Việt một cách tự nhiên, dễ hiểu cho người nghe nhưng vẫn bảo đảm tính xác thực.</p> <p>- Học phần chủ yếu tập trung vào các chủ đề : thời sự, thể thao, văn hoá, và thời tiết, các bài phát biểu tiêu biểu thường gặp trong các trang mạng</p> | 2TC (1+1) |  |



|    |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |           |  |
|----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|    |                      | <p>tiếng Anh trên thế giới (mạng truyền thông đại chúng cũng như các trang báo chính thống).</p> <p>- Học phần nhằm vào đối tượng sinh viên chuyên ngành tiếng Anh, nhằm giúp sinh viên áp dụng khả năng nghe hiểu và chuyển dịch ngôn ngữ chính xác.</p> <p>- Học phần giới thiệu các kỹ thuật căn bản về phiên dịch, ứng dụng vào thực hành phiên dịch các thông tin dạng nói trích dẫn từ CNN, Reuters, AP, giúp sinh viên trau dồi thêm các thuật ngữ sử dụng trong quan hệ quốc tế, thời sự</p> |           |  |
| 53 | Kiến tập             | - Học phần giúp sinh viên có cơ hội quan sát môi trường làm việc để định hướng những kỹ năng nghề nghiệp trong tương lai.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3TC (1+2) |  |
| 54 | Thực tế chuyên môn 1 | - Giúp cho giảng viên có điều kiện thực hành kỹ năng tổ chức chuyến đi thực tế, hướng dẫn sinh viên biết cách học tập trên thực tế; đồng thời qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu cho giảng viên, cập nhật thông tin và kiến thức thực tế để áp dụng vào bài học và nghiên cứu.                                                                                                                                                                                                | 3TC (0+3) |  |
| 55 | Thực tế chuyên môn 2 | - Giúp cho giảng viên nâng cao kỹ năng tổ chức chuyến đi thực tế, hướng dẫn sinh viên biết cách học tập trên thực tế; đồng thời qua đó tăng cường năng lực nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu cho giảng viên, cập nhật thông tin và kiến thức thực tế để áp dụng vào bài học và nghiên cứu.                                                                                                                                                                                                            | 3TC (0+3) |  |
| 56 | Thực tập tốt nghiệp  | - Học phần giúp sinh viên tiếp tục được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp một cách hoàn thiện hơn, với những yêu cầu cao hơn về độ thành thạo trong kiến thức và kỹ năng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4TC (0+4) |  |
| 57 | Khóa luận tốt nghiệp | - Học phần giúp sinh viên có cơ hội thực hiện một công trình nghiên cứu cá nhân. Qua đó sinh viên thể hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5TC (0+5) |  |

|  |  |                                                          |  |  |
|--|--|----------------------------------------------------------|--|--|
|  |  | được sự tổng hợp kiến thức, kỹ năng trong suốt khóa học. |  |  |
|--|--|----------------------------------------------------------|--|--|

## 8. Hướng dẫn thực hiện

### 8.1 Kế hoạch giảng dạy:

#### Học kỳ 1

| STT                             | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN                                     | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT |    | Mã HP học trước/tiên quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|---------------------------------|-------|--------------------------------------------------|------------|---------|----|----------------------------|------------------|
|                                 |       |                                                  |            | LT      | TH |                            |                  |
| 1                               |       | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin | 5          | 5       | 0  |                            | BB               |
| 2                               |       | Tư duy biện luận ứng dụng                        | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| 3                               | LS002 | Cơ sở văn hóa Việt Nam                           | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| 4                               | LS006 | Lịch sử văn minh thế giới                        | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| 5                               |       | Logic học đại cương                              | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| 6                               |       | Luật pháp Việt Nam                               | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| 7                               |       | Nhập môn Quan hệ quốc tế                         | 3          | 2       | 1  |                            | BB               |
| 8                               |       | Tiếng Anh 1                                      | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| <b>Tổng số tín chỉ học phần</b> |       |                                                  | 20         | 13      | 7  |                            |                  |

#### Học kỳ 2

| STT                             | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN                              | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT |    | Mã HP học trước/tiên quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|---------------------------------|-------|-------------------------------------------|------------|---------|----|----------------------------|------------------|
|                                 |       |                                           |            | LT      | TH |                            |                  |
| 1                               | DC012 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                      | 2          | 2       | 0  |                            | BB               |
| 2                               |       | Nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học  | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| 3                               |       | Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt          | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| 4                               |       | Tiếng Anh 2                               | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| 5                               |       | Lịch sử Việt Nam đại cương                | 3          | 2       | 1  |                            | BB               |
| 6                               |       | Lịch sử thế giới đại cương                | 3          | 2       | 1  |                            | BB               |
| 7                               |       | Dân tộc học đại cương                     | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| 8                               |       | Thống kê trong nghiên cứu khoa học xã hội | 2          | 1       | 1  |                            | BB               |
| 9                               |       | Kiến tập                                  | 3          | 1       | 2  |                            | BB               |
| <b>Tổng số tín chỉ học phần</b> |       |                                           | 21         | 12      | 9  |                            |                  |

#### Học kỳ 3

| STT | Mã | TÊN HỌC PHẦN | SỐ | SỐ | Mã HP | Bắt |
|-----|----|--------------|----|----|-------|-----|
|-----|----|--------------|----|----|-------|-----|

|                                 | HP |                                                     | TÍN<br>CHỈ | TIẾT |    | học<br>trước/tiên<br>quyết | buộc/Tự<br>chọn |
|---------------------------------|----|-----------------------------------------------------|------------|------|----|----------------------------|-----------------|
|                                 |    |                                                     |            | LT   | TH |                            |                 |
| 1                               |    | Môi trường và phát triển                            | 2          | 1    | 1  |                            | BB              |
| 2                               |    | Xã hội học đại cương                                | 2          | 1    | 1  |                            | BB              |
| 3                               |    | Kinh tế học đại cương                               | 2          | 1    | 1  |                            | BB              |
| 4                               |    | Địa lý thế giới                                     | 2          | 1    | 1  |                            | BB              |
| 5                               |    | Chính trị học đại cương                             | 2          | 1    | 1  |                            | BB              |
| 6                               |    | Vấn đề nghiên cứu khoa học<br>trong quan hệ quốc tế | 2          | 1    | 1  |                            | BB              |
| 7                               |    | Lịch sử Quan hệ quốc tế                             | 3          | 2    | 1  |                            | BB              |
| 8                               |    | Quan hệ kinh tế quốc tế đại<br>cương                | 2          | 1    | 1  |                            | BB              |
| 9                               |    | Công pháp quốc tế                                   | 2          | 2    | 0  |                            | BB              |
| <b>Tổng số tín chỉ học phần</b> |    |                                                     | 19         | 11   | 8  |                            | BB              |

#### Học kỳ 4

| STT                             | Mã<br>HP | TÊN HỌC PHẦN                                      | SỐ<br>TÍN<br>CHỈ | SỐ<br>TIẾT |    | Mã HP<br>học<br>trước/tiên<br>quyết | Bắt<br>buộc/Tự<br>chọn |
|---------------------------------|----------|---------------------------------------------------|------------------|------------|----|-------------------------------------|------------------------|
|                                 |          |                                                   |                  | LT         | TH |                                     |                        |
| 1                               |          | Đường lối cách mạng của Đảng<br>Cộng sản Việt Nam | 3                | 3          | 0  |                                     |                        |
| 2                               |          | Lịch sử ngoại giao Việt Nam                       | 2                | 1          | 1  |                                     | BB                     |
| 3                               | LS091    | Thế chế chính trị các nước trên<br>thế giới       | 2                | 1          | 1  |                                     | BB                     |
| 4                               |          | Tư pháp quốc tế                                   | 2                | 2          | 0  |                                     | BB                     |
| 5                               |          | Kinh tế đối ngoại Việt Nam                        | 2                | 1          | 1  |                                     | BB                     |
| 6                               |          | Nghiệp vụ ngoại giao                              | 2                | 1          | 1  |                                     | BB                     |
| 7                               |          | Academic English                                  | 2                | 1          | 1  |                                     | BB                     |
| 8                               |          | Public Speaking                                   | 2                | 1          | 1  |                                     | BB                     |
| 9                               |          | Thực tế chuyên môn 1                              | 3                | 1          | 2  |                                     | BB                     |
| <b>Tổng số tín chỉ học phần</b> |          |                                                   | 20               | 12         | 8  |                                     |                        |

#### Học kỳ 5

| STT | Mã<br>HP | TÊN HỌC PHẦN                  | SỐ<br>TÍN<br>CHỈ | SỐ TIẾT |    | Mã HP<br>học<br>trước/tiên<br>quyết | Bắt<br>buộc/Tự<br>chọn |
|-----|----------|-------------------------------|------------------|---------|----|-------------------------------------|------------------------|
|     |          |                               |                  | LT      | TH |                                     |                        |
| 1   |          | Khu vực học đại cương         | 2                | 1       | 1  |                                     | BB                     |
| 2   |          | Chính sách đối ngoại Việt Nam | 2                | 1       | 1  |                                     | BB                     |
| 3   |          | Địa chính trị                 | 2                | 1       | 1  |                                     | BB                     |

|                                 |  |                                                                                |       |      |     |  |    |
|---------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------|-------|------|-----|--|----|
| 4                               |  | Quan hệ công chúng                                                             | 2     | 1    | 1   |  | BB |
| 5                               |  | Tổ chức sự kiện                                                                | 2     | 1    | 1   |  | BB |
| 6                               |  | Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ và Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam (Tự chọn)         | 3     | 2    | 1   |  | TC |
| 7                               |  | Chính sách đối ngoại của Trung Quốc và quan hệ Trung Quốc - Việt Nam (Tự chọn) | 3     | 2    | 1   |  | TC |
| 8                               |  | Thực tế chuyên môn 2                                                           | 3     | 1    | 2   |  | BB |
| <b>Tổng số tín chỉ học phần</b> |  |                                                                                | 16/19 | 8/10 | 8/9 |  |    |

### Học kỳ 6

| STT                             | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN                                             | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT |      | Mã HP học trước/tiên quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|---------------------------------|-------|----------------------------------------------------------|------------|---------|------|----------------------------|------------------|
|                                 |       |                                                          |            | LT      | TH   |                            |                  |
| 1                               |       | Những vấn đề toàn cầu                                    | 2          | 1       | 1    |                            | BB               |
| 2                               |       | Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh (Tự chọn) | 2          | 1       | 1    |                            | TC               |
| 3                               |       | Quan hệ quốc tế ở châu Á – Thái Bình Dương (Tự chọn)     | 2          | 1       | 1    |                            | TC               |
| 4                               |       | EU và quan hệ EU - Việt Nam (Tự chọn)                    | 3          | 2       | 1    |                            | TC               |
| 5                               |       | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam (Tự chọn)              | 2          | 2       | 1    |                            | TC               |
| 6                               |       | Toàn cầu hóa (Tự chọn)                                   | 2          | 1       | 1    |                            | TC               |
| 7                               |       | Các tổ chức quốc tế (Tự chọn)                            | 2          | 1       | 1    |                            | TC               |
| 8                               |       | E-V Translation (Tự chọn)                                | 2          | 1       | 1    |                            | TC               |
| 9                               |       | Interpreting (Tự chọn)                                   | 2          | 1       | 1    |                            | TC               |
| 10                              |       | Thực tập tốt nghiệp                                      | 4          | 0       | 3    |                            | BB               |
| <b>Tổng số tín chỉ học phần</b> |       |                                                          | 15/23      | 7/10    | 8/11 |                            |                  |

### Học kỳ 7:

| STT | Mã HP | TÊN HỌC PHẦN                                    | SỐ TÍN CHỈ | SỐ TIẾT |    | Mã HP học trước/tiên quyết | Bắt buộc/Tự chọn |
|-----|-------|-------------------------------------------------|------------|---------|----|----------------------------|------------------|
|     |       |                                                 |            | LT      | TH |                            |                  |
|     |       | Một số vấn đề tôn giáo đương đại (Tự chọn)      | 2          | 1       | 1  |                            | TC               |
|     |       | Văn hóa chính trị (Tự chọn)                     | 2          | 1       | 1  |                            | TC               |
|     |       | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột (Tự chọn) | 2          | 1       | 1  |                            | TC               |

|                                 |                                                     |      |     |     |  |    |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------|------|-----|-----|--|----|
|                                 | An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế (Tự chọn) | 2    | 1   | 1   |  | TC |
|                                 | Khoá luận tốt nghiệp                                | 5    | 0   | 5   |  | BB |
| <b>Tổng số tín chỉ học phần</b> |                                                     | 9/13 | 2/4 | 7/9 |  |    |

## 8.2 Xây dựng chương trình chi tiết và các môn học tự chọn

Định hướng xây dựng chương trình đào tạo Cử nhân Quốc tế học trình độ đại học:

Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng chương trình chi tiết theo chương trình khung giáo dục đại học trình độ đại học, ngành Quốc tế học được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển chương trình theo kiểu cấu trúc đào tạo cử nhân, đồng thời tham khảo thêm chương trình và đề cương chi tiết học phần của các cơ sở giáo dục có uy tín khác của Việt Nam.

Môn học tự chọn do Đại học Thủ Dầu Một lựa chọn và xây dựng theo định hướng của chương trình và phù hợp với điều kiện của trường, bảo đảm sự phù hợp với đặc điểm đào tạo và truyền thống của tỉnh Bình Dương, không trùng với các môn học bắt buộc.

+ Về phần nội dung: Bố trí các học phần đại cương trước, các học phần chuyên ngành học sau, chú trọng đến thực tập, thực hành nghề nghiệp.

+ Về phương pháp, phương tiện và tổ chức: Chương trình được biên soạn theo hướng tinh giản giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu và thảo luận có chú ý đúng mức tình hình cụ thể trong nước và từng bước hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

+ Về đánh giá kết quả đào tạo: thực hiện theo quy chế của Trường Đại học Thủ Dầu Một, hướng đến việc đánh giá năng lực của người học

## 8.3 Tài liệu dạy học và tài liệu nghiên cứu, tham khảo

Ngoài các giáo trình và tài liệu tham khảo của các viện, trường chuyên ngành, Đại học Thủ Dầu Một cũng chủ động biên soạn tài liệu, giáo trình phục vụ dạy học và nghiên cứu, tham khảo.

## 8.4 Khoá luận tốt nghiệp

- Tổ chức cho sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp (hoặc tương đương) nhưng phù hợp với quy chế chung, đặc điểm của từng trường và khoá đào tạo.

- Tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp.

## 8.5 Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bình Dương, ngày      tháng      năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**TS Ngô Hồng Điệp**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ<sup>2</sup>**  
**GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN**

- Cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Thành phần Đoàn kiểm tra
- Các nội dung kiểm tra:

**1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở**

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành

| TT                | Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại                     | Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp | Chuyên ngành được đào tạo                                                 | Năm, nơi tham gia giảng dạy | Đúng/ Không đúng với hồ sơ | Ghi chú |
|-------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------|---------|
| Ngành Quốc tế học |                                                           |                                                             |                                                                           |                             |                            |         |
| 1                 | Ngô Hồng Điệp, 1975, Phó Hiệu Trưởng                      | Tiến sĩ, Việt Nam, 2009                                     | Sử học – Lịch sử thế giới - Quan hệ quốc tế                               | 2009, ĐH Thủ Dầu Một        |                            |         |
| 2                 | Nguyễn Hoàng Huế, 1985, giảng viên                        | Tiến sĩ, Việt Nam, 2013                                     | Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế                                        | 2015, ĐH Thủ Dầu Một        |                            |         |
| 3                 | Nguyễn Phương Lan, 1971, giảng viên                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2007                                     | Lịch sử Thế giới cổ - trung đại                                           | 2010, ĐH Thủ Dầu Một        |                            |         |
| 4                 | Nguyễn Hà Trang, 1988, Phó Trưởng Bộ môn Lịch sử Thế giới | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2013                                | - Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế<br>- NCS. Quốc tế học – chuyên ngành | 2014, ĐH Thủ Dầu Một        |                            |         |

<sup>2</sup> Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

|    |                                                       |                                |                                                                    |                      |  |  |
|----|-------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------|--|--|
|    |                                                       |                                | Quan hệ quốc tế                                                    |                      |  |  |
| 5  | Lư Nguyễn Nguyệt Quế, 1984, giảng viên                | Thạc sĩ, Việt Nam, 2011        | Châu Á học – Quan hệ quốc tế                                       | 2012, ĐH Thủ Dầu Một |  |  |
| 6  | Bùi Đức Anh, 1977, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế       | Thạc sĩ, NCS, Trung Quốc, 2007 | - Đông Phương học<br>- Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế          | 2010, ĐH Thủ Dầu Một |  |  |
| 7  | Lý Văn Ngoan, 1979, Phó Trưởng phòng Đào tạo          | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2009   | - Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế                               | 2010, ĐH Thủ Dầu Một |  |  |
| 8  | Phan Duy Anh, 1990, giảng viên                        | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2015   | - ThS. Chính trị học<br>- NCS. Chính trị quốc tế                   | 2015, ĐH Thủ Dầu Một |  |  |
| 9  | Nguyễn Hữu Hào, 1981, Phó Trưởng Bộ môn Chính trị học | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2010   | - ThS. Lịch Sử Đảng CSVN<br>- NCS. Chính trị học                   | 2011, ĐH Thủ Dầu Một |  |  |
| 10 | Huỳnh Tâm Sáng, 1990, giảng viên                      | NCS, VN, 2014                  | - CN. Quan hệ quốc tế<br>- NCS. Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế | 2015, ĐH Thủ Dầu Một |  |  |
| 11 | Vũ Đăng Khoa, 1974, giảng viên                        | Thạc sĩ, Úc, 2012              | Luật Hành chính và Hải quan Quốc tế                                | 2012, ĐH Thủ Dầu Một |  |  |
| 12 | Lê Thị Hồng Liễu, 1989, giảng viên                    | Thạc sĩ, Việt Nam, 2016        | - CN. Luật quốc tế<br>- ThS. Luật                                  | 2013, ĐH Thủ Dầu Một |  |  |



|    |                                          |                                 |                                                             |                            |  |  |
|----|------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------|--|--|
|    |                                          |                                 | Dân sự và<br>Tổ tụng<br>dân sự                              |                            |  |  |
| 13 | Võ Kim Hà,<br>1961, giảng viên           | Tiến sĩ, Việt<br>Nam, 2012      | Ngôn ngữ<br>học so<br>sánh                                  | 2014, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 14 | Trần Ngọc<br>Minh, 1985,<br>giảng viên   | Thạc sĩ, NCS,<br>Việt Nam, 2012 | TESOL                                                       | 2013, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 15 | Trần Ngọc Mai,<br>1985, giảng viên       | Thạc sĩ, NCS,<br>Việt Nam, 2011 | TESOL                                                       | 2013, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 16 | Lâu Mộng Thu,<br>1986, giảng viên        | Thạc sĩ, NCS,<br>Việt Nam, 2012 | TESOL                                                       | 2013, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 17 | Hồ Trung Hậu,<br>1986, giảng viên        | Thạc sĩ, NCS,<br>Việt Nam, 2012 | Giảng dạy<br>tiếng Anh                                      | 2013, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 18 | Nguyễn Thanh<br>Vân, 1979,<br>giảng viên | Thạc sĩ, NCS,<br>Việt Nam, 2012 | - Ngôn ngữ<br>học                                           | 2016, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 19 | Bùi Thị Kim<br>Loan, 1982,<br>giảng viên | Thạc sĩ, NCS,<br>Việt Nam, 2011 | - TESOL<br>- Ngôn ngữ<br>học so<br>sánh đối<br>chiếu        | 2017, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 20 | Vương Quốc<br>Khanh, 1983,<br>giảng viên | Thạc sĩ, NCS,<br>VN, 2009       | - ThS: Lịch<br>sử thế giới<br>- NCS:<br>Lịch sử<br>Việt Nam | 2009, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 21 | Ngô Minh Sang,<br>1983, giảng<br>viên,   | Thạc sĩ, NCS,<br>Việt Nam, 2007 | Lịch sử<br>Việt Nam                                         | 2010, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 22 | Đinh Thị Yên,<br>1982, giảng viên        | Thạc sĩ, Việt<br>Nam, 2010      | Dân tộc<br>học                                              | 2011, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 23 | Nguyễn Văn<br>Thắng, 1977,<br>giảng viên | Tiến sĩ, Việt<br>Nam,           | Lịch sử<br>Việt Nam                                         | 2015, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 24 | Lê Tuấn Anh,<br>1984, giảng viên         | Thạc sĩ, NCS,<br>Việt Nam, 2010 | - ThS: Lịch<br>sử Đảng                                      | 2010, ĐH<br>Thủ Dầu        |  |  |

|    |                                                                    |                                 |                                            |                            |  |  |
|----|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------|--|--|
|    |                                                                    |                                 | CSVN<br>- NCS:<br>Lịch sử<br>Việt Nam      | Một                        |  |  |
| 25 | Nguyễn Thị<br>Hoài Phương,<br>1977 Trưởng Bộ<br>môn Địa lý         | Thạc sĩ, NCS,<br>Việt Nam, 2006 | Địa lý học                                 | 2007, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 26 | Nguyễn Thị<br>Hồng Trang,<br>1987, Phó<br>trưởng Bộ môn<br>Luật HC | Thạc sĩ, Việt<br>Nam, 2014      | Luật hiến<br>pháp và<br>luật hành<br>chính | 2013, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 27 | Đinh Thị Thu<br>Phượng, 1989,<br>giảng viên                        | Thạc sĩ, Việt<br>Nam, 2014      | Ngôn ngữ<br>học                            | 2014, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 28 | Trần Thị Thủy,<br>1981, Trưởng<br>Bộ môn                           | Thạc sĩ, Việt<br>Nam, 2010      | Triết học                                  | 2003, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 29 | Trần Trung<br>chung, 1983,<br>giảng viên                           | Thạc sĩ, Việt<br>Nam, 2015      | Hồ Chí<br>Minh học                         | 2011, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |
| 30 | Nguyễn Hoàng<br>Dũng, 1979,<br>giảng viên                          | Thạc sĩ, Việt<br>Nam, 2010      | Xã hội học                                 | 2014, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một |  |  |

## 1.2. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

| TT                       | Họ và tên, năm<br>sinh, chức vụ<br>hiện tại | Chức danh khoa<br>học, năm phong;<br>Học vị, nước,<br>năm tốt nghiệp | Chuyên<br>ngành<br>được đào<br>tạo | Năm, nơi<br>tham gia<br>giảng dạy | Đúng/<br>Không<br>đúng với<br>hồ sơ | Ghi<br>chú |
|--------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------|
| <b>Ngành Quốc tế học</b> |                                             |                                                                      |                                    |                                   |                                     |            |
| 1                        | Bùi Sỹ Vương,<br>1987                       | Kỹ sư                                                                | Công nghệ<br>thông tin             | Đại học<br>Thủ Dầu<br>Một         |                                     |            |
| 2                        | Nguyễn Đình<br>Thọ, 1985                    | Thạc sĩ                                                              | Công nghệ<br>thông tin             | Đại học<br>Thủ Dầu<br>Một         |                                     |            |

## 2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

### 2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

| Số | Loại phòng | Số | Diện | Danh mục trang thiết bị chính | Đúng/ |  |
|----|------------|----|------|-------------------------------|-------|--|
|----|------------|----|------|-------------------------------|-------|--|

| TT  | học<br>(Phòng học,<br>giảng đường,<br>phòng học đa<br>phương tiện,<br>phòng học<br>ngoại ngữ,<br>phòng máy<br>tính...) | lượng | tích<br>(m2) | hỗ trợ giảng dạy           |             |                                   |                      | Không<br>đúng<br>với hồ<br>sơ | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------|----------------------------|-------------|-----------------------------------|----------------------|-------------------------------|------------|
|     |                                                                                                                        |       |              | Tên<br>thiết bị            | Số<br>lượng | Phục vụ<br>học<br>phần/môn<br>học | Diện<br>tích<br>(m2) |                               |            |
| 1   | Phòng học                                                                                                              | 156   | 5000         | Projector                  | 1           | Các học<br>phần                   |                      |                               |            |
| 2   | Giảng đường<br>80 chỗ ngồi                                                                                             | 3     | 480          | Projector                  | 1           | Các học<br>phần                   |                      |                               |            |
| ... | Giảng đường<br>100 chỗ ngồi                                                                                            | 3     | 600          | Projector                  | 1           | Các học<br>phần                   |                      |                               |            |
|     | Hội trường đa<br>năng - 450<br>chỗ ngồi                                                                                | 1     | 900          | Projector                  | 1           | Các học<br>phần                   |                      |                               |            |
|     | Phòng máy<br>tính                                                                                                      | 5     |              | Máy vi<br>tính             | 222         |                                   |                      |                               |            |
|     |                                                                                                                        |       |              | Máy tính<br>xách tay       | 22          |                                   |                      |                               |            |
|     |                                                                                                                        |       |              | Màn<br>hình                | 66          |                                   |                      |                               |            |
|     |                                                                                                                        |       |              | Đầu<br>Video-<br>CD        | 10          |                                   |                      |                               |            |
|     |                                                                                                                        |       |              | Projector                  | 79          |                                   |                      |                               |            |
|     |                                                                                                                        |       |              | Micro<br>không<br>dây, loa | 42          |                                   |                      |                               |            |

## 2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

| Số<br>TT | Tên phòng thí<br>nghiệm, xưởng,<br>trạm trại, cơ sở<br>thực hành | Diện<br>tích<br>(m2) | Danh mục trang thiết bị chính<br>hỗ trợ thí nghiệm, thực hành |             |                                    | Đúng/<br>Không<br>đúng<br>với hồ<br>sơ | Ghi<br>chú |
|----------|------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------|
|          |                                                                  |                      | Tên thiết bị                                                  | Số<br>lượng | Phục vụ<br>môn học<br>/học<br>phần |                                        |            |
| 1        |                                                                  |                      | -<br>-<br>-                                                   |             |                                    |                                        |            |

|     |  |  |   |  |  |  |  |
|-----|--|--|---|--|--|--|--|
| 2   |  |  | - |  |  |  |  |
|     |  |  | - |  |  |  |  |
|     |  |  | - |  |  |  |  |
| ... |  |  |   |  |  |  |  |

### 2.3. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 252 m<sup>2</sup>; trong đó diện tích phòng đọc: 100 m<sup>2</sup>
- Số chỗ ngồi: 100; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 32
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0 do công ty Tinh Vân cung cấp
- Số lượng sách, giáo trình: 7596 đầu sách, 90.694 bản sách.
- Sách, giáo trình điện tử: 1.887

Ngoài ra, Thư viện còn có 3.110 file bài trích toàn văn báo - tạp chí các lĩnh vực và mua quyền truy cập 6 cơ sở dữ liệu trong ngoài nước: Proquest central, Credo Reference, SpringerLink, Tài liệu KH&CN VN, Báo cáo kết quả NCKH đề tài các cấp, Tailieu.vn

- Lượng truy cập trung bình 429 lượt/ngày.
- Liên thông trao đổi: Thư viện có 1.272 ebook nằm trên trang Tailieu.vn (<http://elib.tdmu.edu.vn/>) có trao đổi với hơn 50 trường ĐH, CĐ cùng mua CSDL của Tailieu.vn.

### 2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

| Số T T | Tên giáo trình                                                     | Tên tác giả               | Nhà xuất bản            | Năm xuất bản | Số bản | Sử dụng cho môn học/ học phần                   | Đúng/ Không đúng với hồ sơ | Ghi chú |
|--------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------|--------------|--------|-------------------------------------------------|----------------------------|---------|
| 1      | Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nguyễn | Nguyễn Viết Thông         | NXB. Chính trị quốc gia | 2011         | 20     | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin |                            |         |
| 2      | Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh                                    | Phạm Ngọc Anh             | NXB. Chính trị quốc gia | 2011         | 50     | Tư tưởng Hồ Chí Minh                            |                            |         |
| ...    | Giáo trình Đường lối                                               | Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng | NXB. Chính trị          | 2012         | 3      | Đường lối CM của                                |                            |         |

|  |                                   |                                                                                       |                                      |      |    |                                                  |  |  |
|--|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------|----|--------------------------------------------------|--|--|
|  | CM của ĐCSVN                      | Quang                                                                                 | quốc gia                             |      |    | ĐCSVN                                            |  |  |
|  | Lịch sử văn minh thế giới         | Vũ Dương Ninh (CB)                                                                    | NXB. Giáo dục                        | 2014 | 9  | Lịch sử văn minh thế giới                        |  |  |
|  | Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam | Trần Quốc Vượng                                                                       | NXB. Giáo dục                        | 2010 | 5  | Cơ sở văn hóa Việt Nam                           |  |  |
|  | Phương pháp nghiên cứu khoa học   | Ngô Đình Qua                                                                          | NXB. Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh | 2013 | 5  | Vấn đề nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế |  |  |
|  | Giáo trình Logic học đại cương    | Nguyễn Như Hải                                                                        | NXB. Giáo dục Việt Nam               | 2011 | 5  | Logic học đại cương                              |  |  |
|  | Xã hội học                        | Huỳnh Công Bá                                                                         | NXB Thuận Hóa                        | 2012 | 5  | Xã hội học đại cương                             |  |  |
|  | Tâm lí học đại cương              | Nguyễn Thị Vân Hương (chủ biên), Nguyễn Thị Yến, Ngô Thị Kim Dung và những người khác | NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật    | 2014 | 2  | Tâm lí học đại cương                             |  |  |
|  | Giáo trình Tiếng Việt thực hành   | Nguyễn Đức Dân, Trần Thị Ngọc Lang                                                    | NXB. Đại học Quốc gia TP HCM         | 2012 | 10 | Tiếng Việt thực hành                             |  |  |
|  | Giáo trình Quản trị học           | Phạm Thế Trị                                                                          | NXB Đại học Quốc gia TP HCM          | 2016 |    | Quản trị học đại cương                           |  |  |
|  | Dân tộc học đại cương             | Lê Sĩ Giáo, Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng                                    | NXB. Giáo dục                        | 2009 | 10 | Nhân học đại cương                               |  |  |
|  | Giáo trình                        | Nguyễn Việt                                                                           |                                      | 200  |    | Tin học đại                                      |  |  |

|  |                                                                                     |                                                                                 |                                 |          |    |                                        |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------|----|----------------------------------------|--|--|
|  | ứng dụng<br>tin học                                                                 | Dũng                                                                            |                                 | 8        |    | cương                                  |  |  |
|  | Giáo trình<br>Giáo dục<br>Quốc<br>phòng - An<br>ninh Tập 1,                         | Đào Huy Hiệp<br>và nhóm tác giả                                                 | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam    | 201<br>2 | 3  | Giáo dục<br>quốc<br>phòng - an<br>ninh |  |  |
|  | Giáo trình<br>Giáo dục<br>Quốc<br>phòng - An<br>ninh Tập 2                          | Nguyễn Tiến<br>Hải và nhóm<br>tác giả                                           | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam    | 201<br>1 | 11 | Giáo dục<br>quốc<br>phòng - an<br>ninh |  |  |
|  | Hỏi đáp<br>những vấn<br>đề cơ bản<br>của chính<br>trị học                           | Lưu Văn An,<br>Dương Xuân<br>Ngọc                                               | NXB.<br>Chính trị<br>Hành chính | 201<br>2 | 20 | Chính trị<br>học đại<br>cương          |  |  |
|  | Lịch sử thế<br>giới cổ đại                                                          | Lương Ninh<br>(ch.b.)                                                           | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam    | 201<br>0 | 5  | Lịch sử thế<br>giới đại<br>cương       |  |  |
|  | Lịch sử thế<br>giới Trung<br>đại                                                    | Nguyễn Gia<br>Phu                                                               | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam    | 200<br>9 | 12 | Lịch sử thế<br>giới đại<br>cương       |  |  |
|  | Lịch sử thế<br>giới cận<br>đại                                                      | Vũ Dương<br>Ninh                                                                | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam    | 200<br>9 | 12 | Lịch sử thế<br>giới đại<br>cương       |  |  |
|  | Lịch sử thế<br>giới hiện<br>đại : 1917-<br>1995                                     | Nguyễn Anh<br>Thái (ch.b.)                                                      | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam    | 200<br>9 | 17 | Lịch sử thế<br>giới đại<br>cương       |  |  |
|  | Tiến trình<br>lịch sử Việt<br>Nam                                                   | Nguyễn Quang<br>Ngọc (CB)                                                       | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam    | 201<br>0 | 5  | Lịch sử<br>Việt Nam<br>đại cương       |  |  |
|  | Đại cương<br>lịch sử Việt<br>Nam toàn<br>tập: Từ thời<br>nguyên<br>thủy đến<br>2000 | GS. Trương<br>Hữu Quýnh,<br>GS. Đinh Xuân<br>Lâm, PGS. Lê<br>Mậu Hân<br>(ch.b.) | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam    | 200<br>9 | 12 | Lịch sử<br>Việt Nam<br>đại cương       |  |  |
|  | Đại cương<br>lịch sử Việt                                                           | Trương Hữu<br>Quýnh (ch.b.)                                                     | NXB. Giáo<br>dục Việt           | 201<br>0 | 3  | Lịch sử<br>Việt Nam                    |  |  |

|  |                                                                                                                     |                                |                                            |          |                    |                                                    |  |  |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------|----------|--------------------|----------------------------------------------------|--|--|
|  | Nam. T.1,<br>Từ thời<br>nguyên<br>thủy đến<br>1858                                                                  |                                | Nam                                        |          |                    | đại cương                                          |  |  |
|  | Đại cương<br>lịch sử Việt<br>Nam. T.2,<br>1858-1945                                                                 | Đinh Xuân<br>Lâm (ch.b.)       | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam               | 201<br>0 | 5                  | Lịch sử<br>Việt Nam<br>đại cương                   |  |  |
|  | Đại cương<br>lịch sử Việt<br>Nam. T.3,<br>1945-2006                                                                 | Lê Mậu Hãn<br>(ch.b.)          | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam               | 201<br>0 | 5                  | Lịch sử<br>Việt Nam<br>đại cương                   |  |  |
|  | Địa chính<br>trị trong<br>chiến lược<br>và chính<br>sách phát<br>triển quốc<br>gia                                  | Nguyễn Văn<br>Dân              | NXB.<br>Chính trị<br>Quốc gia –<br>Sự thật | 201<br>4 | 10                 | Địa chính<br>trị                                   |  |  |
|  | Giáo trình<br>Lý luận về<br>nhà nước<br>và pháp luật<br>(Dùng cho<br>đào tạo đại<br>học và sau<br>đại học<br>Luật)  | PGS.TS.<br>Nguyễn Văn<br>Động  | NXB. Giáo<br>dục Việt<br>Nam               | 201<br>0 | 5                  | Pháp luật<br>đại cương                             |  |  |
|  | Chiến tranh<br>và chống<br>chiến tranh<br>Sự sống<br>còn của loài<br>người ở<br>buổi bình<br>minh của<br>thế kỷ XXI | Alvin và Heidi<br>Toffler      | NXB.<br>Chính trị<br>Quốc gia              | 199<br>5 | Bản<br>điệ<br>n tử | An ninh và<br>xung đột<br>trong quan<br>hệ quốc tế |  |  |
|  | Ngoại giao<br>Việt Nam<br>hiện đại vì<br>sự nghiệp<br>đổi mới                                                       | Vũ Dương<br>Huân (chủ<br>biên) | Lưu hành<br>nội bộ                         | 200<br>2 | 1                  | Lịch sử<br>ngoại giao<br>Việt Nam                  |  |  |



|  |                                                                                |                                   |                               |      |             |                                                       |  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|------|-------------|-------------------------------------------------------|--|--|
|  | Vai trò của Việt Nam trong ASEAN                                               | Trung tâm Dữ kiện – Tư liệu TTXVN | NXB. Thông tấn                | 2007 | Bản điện tử | Các tổ chức quốc tế ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam |  |  |
|  | Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương                             | Phạm Quang Minh                   | NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội  | 2015 | 5           | Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương    |  |  |
|  | Quan hệ giữa ba trung tâm tư bản (Mỹ - Tây Âu - Nhật Bản) sau chiến tranh lạnh | Phạm Thành Dung                   | NXB. Lý luận Chính trị        | 2004 | 2           | Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh        |  |  |
|  | Một số vấn đề về quan hệ quốc tế trong giai đoạn hiện nay                      | Vũ Quang Đản                      | NXB. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh | 2008 | 1           | Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh        |  |  |
|  | Cục diện thế giới đến 2020                                                     | Phạm Bình Minh                    | NXB. Chính trị Quốc gia       | 2010 | 2           | Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh        |  |  |
|  | Quyền lực trong Quan hệ quốc tế: lịch sử và vấn đề                             | Hoàng Khắc Nam                    | NXB Văn hóa thông tin         | 2011 | 5           | Nhập môn Quan hệ quốc tế                              |  |  |
|  | Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc                                 | Hoàng Khắc Nam                    | NXB. Chính trị Quốc gia       | 2014 | 5           | Lịch sử quan hệ quốc tế                               |  |  |

|  |                                                                                                                                                                             |                                                                                       |                             |      |   |                             |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------|---|-----------------------------|--|--|
|  | nhìn lịch sử                                                                                                                                                                |                                                                                       |                             |      |   |                             |  |  |
|  | Lịch sử Quan hệ quốc tế: Từ đầu thời cận đại đến kết thúc thế chiến thứ hai                                                                                                 | Vũ Dương Ninh                                                                         | NXB. Đại học Sư phạm Hà Nội | 2012 | 5 | Lịch sử quan hệ quốc tế     |  |  |
|  | Lịch sử Quan hệ quốc tế                                                                                                                                                     | Bogaturov Aleksey Demosfenovich , Averkov Viktor Viktorovich; Đặng Quang Chung (dịch) | NXB. Chính trị quốc gia     | 2015 | 5 | Lịch sử quan hệ quốc tế     |  |  |
|  | Lịch sử quan hệ quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc Á - Phi - Mỹ La tinh (từ năm 1918 đến năm 1995) : Giáo trình đào tạo giáo viên Trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm | Nguyễn Anh Thái                                                                       | NXB. Giáo dục               | 1998 | 2 | Lịch sử quan hệ quốc tế     |  |  |
|  | Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975 - 2002)                                                                                                             | Vũ Dương Huân                                                                         | NXB. Giáo dục               | 2002 | 1 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam |  |  |
|  | Ngoại giao                                                                                                                                                                  | Nguyễn Đình                                                                           | NXB.                        | 200  | 5 | Lịch sử                     |  |  |

|  |                                                                                         |                                                                        |                                 |      |   |                                       |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------|---|---------------------------------------|--|--|
|  | Việt Nam 1945 – 2000                                                                    | Bin                                                                    | Chính trị quốc gia              | 5    |   | ngoại giao Việt Nam                   |  |  |
|  | Nghệ thuật ngoại giao Việt Nam với cuộc đàm phán Paris                                  | Nguyễn Khắc Huỳnh                                                      | Nxb. Chính trị quốc gia         | 2012 | 5 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam           |  |  |
|  | Ngoại giao Việt Nam góc nhìn và suy ngẫm                                                | Nguyễn Khắc Huỳnh                                                      | NXB. Chính trị quốc gia         | 2011 | 5 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam           |  |  |
|  | Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tư liệu của chính quyền Sài Gòn (2 tập)        | Cục văn thư và lưu trữ Nhà nước – Trung tâm lưu trữ quốc gia II (2012) | NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội | 2012 | 5 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam           |  |  |
|  | Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940-2010)                                          | Vũ Dương Ninh                                                          | NXB. Chính trị quốc gia         | 2014 | 5 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam           |  |  |
|  | Hợp tác ở biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế                                         | Trần Nam Tiến                                                          | NXB. Văn hóa – Văn nghệ         | 2014 | 3 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |  |
|  | Yêu sách "đường lưỡi bò" phi lý của Trung Quốc và chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông | Nguyễn Bá Diên                                                         | NXB. Thông tin và Truyền thông  | 2015 | 2 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |  |
|  | Những vấn đề liên quan                                                                  | Trần Duy Hải                                                           | NXB. Tri Thức                   | 2013 | 5 | Biển Đông: vấn                        |  |  |

|  |                                                                                  |                                                                 |                                       |      |   |                                       |  |  |
|--|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------|---|---------------------------------------|--|--|
|  | đền chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông                              |                                                                 |                                       |      |   | đề hợp tác và xung đột                |  |  |
|  | Sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 và tham vọng của Trung Quốc độc chiếm Biển Đông | Trần Ngọc Vương (ch.b.)                                         | NXB. Thông tin và Truyền thông        | 2015 | 3 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |  |
|  | Biển Đông - Cuộc tìm kiếm đồng thuận nan giải                                    | G.M. Lokshin; E.V. Kobelev (ch.b.); Văn Thắng, Quang Anh (dịch) | NXB. Chính trị quốc gia               | 2016 | 3 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |  |
|  | Sự hiện diện của các cường quốc ở Biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế          | Nguyễn Tuấn Khanh (ch.b.)                                       | NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh | 2015 | 3 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |  |
|  | Chủ quyền Việt Nam trên biển Đông và Hoàng Sa - Trường Sa                        | Nguyễn Đình Đầu                                                 | NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh | 2014 | 2 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |  |
|  | Về vấn đề biển Đông                                                              | Nguyễn Ngọc Trường                                              | NXB. Chính trị quốc gia               | 2014 | 3 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |  |
|  | Những yêu sách đối kháng của Việt Nam                                            | Brice M. Claget ; Nguyễn Quang Vinh, Cao                        | NXB. Chính trị quốc gia               | 2011 | 5 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung     |  |  |

|  |                                                                                          |                                         |                                   |      |   |                                       |  |  |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|------|---|---------------------------------------|--|--|
|  | và Trung Quốc ở khu vực bãi ngầm Tư Chính và Thanh Long trong biển Đông                  | Xuân Thụ (dịch)                         |                                   |      |   | đột                                   |  |  |
|  | Địa lý tự nhiên biển Đông                                                                | Nguyễn Văn Âu                           | NXB. Đại học quốc gia Hà Nội      | 2008 | 5 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |  |
|  | Giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay : Sách chuyên khảo | Phạm Thanh Hà                           | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật | 2011 | 3 | Toàn cầu hóa                          |  |  |
|  | Chủ quyền quốc gia dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa và vấn đề đặt ra với Việt Nam       | Phạm Văn Rân, Nguyễn Hoàng Giáp         | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật | 2010 | 2 | Toàn cầu hóa                          |  |  |
|  | Thế giới phẳng: Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ 21                                      | Thomas Friedman, (Nguyễn Quang A – dịch | NXB. Trẻ                          | 2014 | 3 | Toàn cầu hóa                          |  |  |
|  | Giáo trình tôn giáo học                                                                  | Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn            | NXB. Đại học Sư phạm              | 2014 | 5 | Một số vấn đề tôn giáo đương đại      |  |  |
|  | 10 tôn giáo lớn trên thế giới                                                            | Hoàng Tâm Xuyên (cb)                    | NXB. Chính trị quốc gia -         | 2012 | 4 | Một số vấn đề tôn giáo đương đại      |  |  |

|  |                                                                             |                                        |                                   |      |    |                                   |  |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|------|----|-----------------------------------|--|--|
|  |                                                                             |                                        | Sự thật                           |      |    |                                   |  |  |
|  | Giáo trình kinh tế quốc tế : Chương trình cơ sở                             | Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (ch.b) | NXB. Đại học Kinh tế quốc dân     | 2012 | 10 | Quan hệ kinh tế quốc tế đại cương |  |  |
|  | Giáo trình kinh tế quốc tế                                                  | Hoàng Thị Chinh (c.b)                  | NXB. Thống kê                     | 2010 | 20 | Quan hệ kinh tế quốc tế đại cương |  |  |
|  | Ngoại giao và công tác ngoại giao                                           | Vũ Dương Huân                          | NXB. Chính trị quốc gia           | 2012 | 5  | Nghiệp vụ ngoại giao              |  |  |
|  | Ngoại giao đa phương trong hệ thống quan hệ quốc tế đương đại               | Lưu Thúy Hồng                          | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật | 2015 | 3  | Nghiệp vụ ngoại giao              |  |  |
|  | Giáo trình nhập môn khu vực học và Việt Nam học                             | Trần Lê Bảo                            | NXB. Đại học sư phạm              | 2013 | 5  | Khu vực học đại cương             |  |  |
|  | Việt Nam trong thế giới Đông A: Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học | Nguyễn Văn Kim                         | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật | 2011 | 15 | Khu vực học đại cương             |  |  |
|  | Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN: Tầm nhìn tới năm 2025                     | Luận Thùy Dương                        | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật | 2017 | 2  | Các tổ chức quốc tế               |  |  |
|  | Hỏi đáp về cộng đồng                                                        | Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn                | NXB. Thông tin                    | 2016 | 2  | Các tổ chức quốc                  |  |  |

|  |                                                               |                                  |                                       |      |   |                                            |  |  |
|--|---------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|------|---|--------------------------------------------|--|--|
|  | kinh tế ASEAN                                                 | Anh Thu (ch.b.)                  | và Truyền thông                       |      |   | tế                                         |  |  |
|  | Định vị kinh tế Việt Nam trong cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)  |                                  | NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh | 2016 | 2 | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam          |  |  |
|  | Lịch sử văn hóa Đông Nam Á                                    | Phạm Đức Dương                   | NXB. Văn hóa - Thông tin              | 2013 | 8 | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam          |  |  |
|  | Văn hóa Đông Nam Á                                            | Đỗ Tiến Sâm, Phạm Duy Đức (ch.b) | NXB. Chính trị quốc gia               | 2010 | 3 | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam          |  |  |
|  | Văn hóa Đông Nam Á                                            | Nguyễn Tấn Đắc                   | NXB. Khoa học - Xã hội                | 2010 | 5 | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam          |  |  |
|  | Giáo trình Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương | Phạm Quang Minh                  | NXB. Đại học quốc gia Hà Nội          | 2015 | 5 | Quan hệ quốc tế ở châu Á – Thái Bình Dương |  |  |
|  | Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến 2020             | Phạm Bình Minh (ch.b.)           | NXB. Chính trị quốc gia               | 2011 | 5 | Chính sách đối ngoại Việt Nam              |  |  |
|  | Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới   | Phạm Bình Minh                   | NXB. Chính trị quốc gia               | 2011 | 5 | Chính sách đối ngoại Việt Nam              |  |  |
|  | Hỏi và đáp về tình hình thế giới và                           | Học viện ngoại giao              | NXB. Chính trị quốc gia               | 2012 | 5 | Chính sách đối ngoại Việt Nam              |  |  |



|  |                                                                                                                                                       |                           |                                         |          |    |                                              |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------|----------|----|----------------------------------------------|--|--|
|  | chính sách<br>đối ngoại<br>của Đảng<br>và nhà<br>nước ta                                                                                              |                           |                                         |          |    |                                              |  |  |
|  | Văn kiện<br>Đảng thời<br>kỳ đổi mới<br>(Đại hội VI,<br>VII, VIII,<br>IX) : Về<br>nhiệm vụ<br>an ninh -<br>quốc phòng<br>và chính<br>sách đối<br>ngoại | Đảng Cộng sản<br>Việt Nam | NXB.<br>Chính trị<br>quốc gia           | 200<br>5 | 4  | Chính sách<br>đối ngoại<br>Việt Nam          |  |  |
|  | Văn hóa<br>chính trị và<br>lịch sử dưới<br>góc nhìn<br>văn hóa<br>chính trị                                                                           | Phạm Hồng<br>Tung         | NXB.<br>Chính trị<br>quốc gia           | 201<br>0 | 1  | Văn hóa<br>chính trị                         |  |  |
|  | Hướng tới<br>xây dựng<br>quan hệ đối<br>tác chiến<br>lược Việt<br>Nam - Hoa<br>Kỳ                                                                     | Ngô Xuân Bình             | NXB.<br>Khoa học<br>Xã hội              | 201<br>4 | 2  | Hoa Kỳ và<br>Quan hệ<br>Hoa Kỳ -<br>Việt Nam |  |  |
|  | Quan hệ<br>Việt Nam -<br>Hoa Kỳ :<br>thực trạng<br>và triển<br>vọng                                                                                   | Trần Nam Tiến             | NXB.<br>Thông tin<br>và truyền<br>thông | 201<br>0 | 3  | Hoa Kỳ và<br>Quan hệ<br>Hoa Kỳ -<br>Việt Nam |  |  |
|  | Quan hệ<br>Hoa Kỳ -<br>Asean<br>2001-2020                                                                                                             | Nguyễn Thiết<br>Sơn       | NXB. Từ<br>diễn Bách<br>khoa            | 201<br>2 | 3  | Hoa Kỳ và<br>Quan hệ<br>Hoa Kỳ -<br>Việt Nam |  |  |
|  | Quản trị<br>quan hệ<br>công chúng                                                                                                                     | Lưu Văn<br>Nghiem         | NXB. Đại<br>học Kinh<br>tế Quốc         | 201<br>1 | 10 | Quan hệ<br>công<br>chúng                     |  |  |

|  |                                                                                        |                                                       |                                       |      |    |                    |  |  |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------|------|----|--------------------|--|--|
|  |                                                                                        |                                                       | dân                                   |      |    |                    |  |  |
|  | PR lý luận & ứng dụng : Chiến lược PR chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức phi chính phủ | Đinh Thị Thúy Hằng (ch.b.)                            | NXB. Lao động                         | 2015 | 3  | Quan hệ công chúng |  |  |
|  | PR - Từ chưa biết đến chuyên gia                                                       | Hoàng Xuân Phương                                     | NXB. Lao động                         | 2015 | 3  | Quan hệ công chúng |  |  |
|  | Giáo trình Công pháp Quốc tế (quyển 1)                                                 | Trần Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Yên (ch.b)            | NXB. Hồng Đức                         | 2013 | 10 | Luật quốc tế       |  |  |
|  | Giáo trình Công pháp Quốc tế (quyển 2)                                                 | Trần Thị Thùy Dương, Trần Thăng Long                  | NXB. Hồng Đức                         | 2013 | 10 | Luật quốc tế       |  |  |
|  | Giáo trình tư pháp quốc tế                                                             | Bành Quốc Tuấn                                        | NXB. Chính trị quốc gia               | 2017 | 4  | Luật quốc tế       |  |  |
|  | Giáo trình Tư pháp quốc tế                                                             | Nguyễn Bá Diên (ch.b)                                 | NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội          | 2011 | 5  | Luật quốc tế       |  |  |
|  | Tư pháp quốc tế                                                                        | Lê Thị Nam Giang                                      | NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh | 2014 | 5  | Luật quốc tế       |  |  |
|  | Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội thế giới                                            | Bùi Thị Hải Yến                                       | NXB. Giáo dục Việt Nam                | 2012 | 5  | Địa lý thế giới    |  |  |
|  | Địa lí các châu lục. T.1, Những vấn đề địa lí toàn cầu, châu Phi,                      | Nguyễn Phi Hạnh, Ông Thị Đan Thanh, Nguyễn Đình Giang | NXB. Đại học sư phạm                  | 2007 | 49 | Địa lý thế giới    |  |  |

|  |                                                          |                  |                             |      |   |                  |  |  |
|--|----------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------|------|---|------------------|--|--|
|  | châu Âu và châu Mỹ                                       |                  |                             |      |   |                  |  |  |
|  | Các nước và một số lãnh thổ trên thế giới                | Hoàng Phong Hà   | NXB. Chính trị quốc gia     | 2013 | 3 | Địa lý thế giới  |  |  |
|  | The art of public speaking                               | Stephen E. Lucas | Boston : McGraw Hill        | 2001 | 5 | Public Speaking  |  |  |
|  | Academic writing : a handbook for international students | Stephen Bailey   | New York : Routledge        | 2011 | 1 | Academic English |  |  |
|  | Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh     | Nguyễn Quốc Hùng | NXB Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh | 2012 | 4 | Interpreting     |  |  |

## 2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

| Số TT | Tên sách chuyên khảo/tạp chí | Tên tác giả Đơn vị xuất bản                             | Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản | Số bản | Sử dụng cho môn học/học phần | Đúng/Không đúng với hồ sơ | Ghi chú |
|-------|------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|------------------------------|---------------------------|---------|
| 1     | Nghiên cứu quốc tế           | Bộ ngoại giao - Học viện ngoại giao                     | ISSN :1859-0608                    | 1      |                              |                           |         |
| 2     | Tạp chí Nghiên cứu châu Âu   | Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu châu Âu | ISSN :0868-3581                    | 1      |                              |                           |         |

|   |                                                        |                                                                                                          |                     |   |  |  |  |
|---|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---|--|--|--|
| 3 | Tạp chí<br>nghiên<br>cứu Đông<br>Nam Á                 | Viện<br>Khoa<br>học Xã<br>hội Việt<br>Nam -<br>Viện<br>Nghiên<br>cứu<br>Đông<br>Nam Á                    | ISSN :0868-<br>2739 | 1 |  |  |  |
| 4 | Tạp chí<br>Nghiên<br>cứu<br>Trung<br>Quốc              | Viện<br>Khoa<br>học Xã<br>hội Việt<br>Nam -<br>Viện<br>Nghiên<br>cứu<br>trung<br>Quốc                    | ISSN :0868-<br>3670 | 1 |  |  |  |
| 5 | Những<br>vấn đề<br>kinh tế và<br>chính trị<br>thế giới | Viện<br>Hàn lâm<br>Khoa<br>học Xã<br>hội Việt<br>Nam -<br>Viện<br>kinh tế<br>và chính<br>trị thế<br>giới | ISSN :0868-<br>2984 | 1 |  |  |  |
| 6 | Tạp chí<br>Nghiên<br>cứu Lịch<br>sử                    | Viện<br>Hàn lâm<br>Khoa<br>học Xã<br>hội Việt<br>Nam -<br>Viện sử<br>học                                 | ISSN :0866-<br>7497 |   |  |  |  |
| 7 | Tạp chí<br>Lịch sử<br>quân sự                          | Bộ quốc<br>phòng -<br>Viện<br>Lịch sử                                                                    | ISSN :086-<br>7683  |   |  |  |  |

|   |                            |                                                                                                     |                     |  |  |  |  |
|---|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--|--|--|--|
|   |                            | quân sự<br>Việt<br>Nam                                                                              |                     |  |  |  |  |
| 8 | Tạp chí<br>Lịch sử<br>Đảng | Viện<br>Lịch sử<br>Đảng -<br>Học viện<br>chính trị<br>- Hành<br>chính<br>quốc gia<br>Hồ Chí<br>Minh | ISSN :0936-<br>8477 |  |  |  |  |

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

*Bình Dương, ngày      tháng      năm 2019*

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**TS Ngô Hồng Điệp**

## ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO<sup>3</sup>

Tên ngành: Quốc tế học; Mã số: 73106010

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo;  
Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương.

### I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

#### 1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

##### \* Tổng quan

- Trường Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐTTg, ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương. Trường chính

thức đi vào hoạt động vào tháng 10 năm 2009.

- Tên tiếng Anh: THU DAU MOT UNIVERSITY (TDMU)

- Cơ quan chủ quản: Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương

- Địa chỉ của Trường: Số 06, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Điện thoại: 0274.3822.518 Fax: 0274.3837.150

- Website: <http://tdmu.edu.vn>

- Loại trường: Công lập

- Sứ mệnh của trường là Đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực.

- Về tổ chức, Trường có 01 Chủ tịch Hội đồng Trường và 04 Phó Hiệu trưởng, 13 phòng, ban chức năng, 11 Khoa, 10 trung tâm, 2 Viện, tạp chí và Trung tâm Y tế.

- Về nhân sự, Tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại trường là 732 người, trong đó có 16 PGS.TS, 114 TS, 502 ThS (109 NCS) tỷ lệ TS/GV 20,6%

Trường Đại học Thủ Dầu Một là trường Đại học trọng điểm đặt dưới sự quản lý của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và các vùng phụ cận.

Hiện nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Đại học Thủ Dầu Một đào tạo 9 ngành Thạc sĩ và 30 ngành đại học với quy mô 15.045 sinh viên (13.112 sinh viên hệ chính quy và 1933 sinh viên hệ thường xuyên) và 780 học viên cao học. Hầu hết sinh viên tốt nghiệp ra trường đều có việc làm.

Đặc biệt, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục nước ngoài nhằm tiếp cận, trao đổi chương trình đào tạo tiên tiến và trao

<sup>3</sup> Phụ lục III (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

đổi giảng viên. Thời gian qua, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với các tổ chức giáo dục và Trường Đại học nước ngoài như Đại học Woosung (Hàn Quốc), Học viện văn hóa quốc tế Thiên Tân (Trung Quốc).

Hình thức đào tạo đại học các ngành trên là hệ chính quy tập trung, vừa làm vừa học, liên thông và bồi dưỡng ngắn hạn. Chương trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp đối với sinh viên được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo thực hiện tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn nhận thức rõ những thay đổi trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu về phương diện quốc gia lẫn quốc tế cũng như nhu cầu cần thiết phải có một hướng tiến cận hoàn toàn mới đối với nền giáo dục đại học. Để đáp ứng khả năng và yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với công nghệ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường đã phát triển theo định hướng là Trường đại học đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; các chương trình đào tạo đều tiếp cận phương pháp CDIO và “hòa hợp tích cực”; hiện đang tiến hành xây dựng 6 chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao và dự kiến đánh giá 4 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA.

#### **\* Về công tác quản trị đại học**

Trường thực hiện mô hình quản trị đại học 02 cấp: cấp Trường và cấp khoa; phân cấp quản lý và phân quyền tự chủ cho các khoa chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao. Công tác quản lý có nhiều chuyên biến tích cực; bộ máy được sắp xếp hợp lý. Đã ban hành các quy định, quy chế, quy trình để giải quyết công việc. Đã xây dựng quy chế phối hợp giữa các phòng, ban, khoa; cơ chế kiểm tra, giám sát. Trang thông tin của Trường được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, là kênh thông tin chủ lực đẩy mạnh truyền thông cho nhà trường, tạo dựng thương hiệu và quảng bá hình ảnh.

#### **\* Về công tác bảo đảm chất lượng**

Hiện nay, nhà trường đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các ngành học, ở cả hệ chính quy và thường xuyên. Công tác đào tạo của trường được quản lý bằng phần mềm Edusoft, tích hợp các tiện ích: đăng ký môn học, đến nhập điểm, xem thời khóa biểu.... Từ năm học 2014-2015 triển khai thực hiện đề xướng CDIO để phát triển chất lượng đào tạo một cách toàn diện và có hệ thống. Đây được xem là hướng cải tiến mới mà Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các đại học thành viên đang tích cực áp dụng. CDIO là kim chỉ nam hướng dẫn công tác chất lượng đào tạo được thực hiện liên tục và hiệu quả. Bảo đảm vững chắc từng bước đạt được các tiêu chuẩn kiểm định Việt Nam, khu vực (AUN) và thế giới như chiến lược đặt ra. Năm 2014, hoàn thành đánh giá trong. Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoàn thành đánh giá trong và được xếp hạng thứ 196 trên tổng số 345 trường Đại học ở Việt Nam. Thành lập Ban phát triển chất lượng đào tạo, là lực lượng nòng cốt, chuyên trách và điều phối việc cải tiến nội dung, chất lượng theo CDIO của toàn Trường. Mục tiêu là để chương trình đạo tạo được cải tiến không ngừng và chất lượng đào tạo luôn được nâng lên. Năm 2017, Đại học Thủ Dầu Một là trường đại học công lập đầu tiên của tỉnh Bình Dương được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục-Đào tạo và hiện đang là thành viên liên kết của tổ chức AUN, hướng đến kiểm định các chương trình đào tạo.

## **2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### **2.1 Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quốc tế học**

Trong bối cảnh Việt Nam đang từng bước thúc đẩy quá trình hội nhập khu vực và quốc tế một cách chủ động, mạnh mẽ; Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là tỉnh có mức độ phát triển kinh tế - xã hội cao; thời gian qua, đã triển khai Chương trình hành động về hội nhập kinh tế quốc tế và đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng. Với chính sách “Trái chiếu hoa mời gọi đầu tư”, Bình Dương đã nổi lên như một hiện tượng về thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, thực hiện hiệu quả đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. Thực tế đó đặt ra bài toán cung cấp nguồn nhân lực phục vụ cho lĩnh vực hoạt động gắn với yếu tố nước ngoài không chỉ ở Bình Dương mà rộng hơn còn cho cả khu vực Đông Nam Bộ, nhưng hiện nay, mức độ đào tạo có tính hệ thống, chuyên nghiệp cung cấp nhân lực đảm bảo yêu cầu này chưa được thực hiện đúng mức.

Dự kiến nhu cầu nhân lực cho ngành đào tạo riêng địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2020 cần trên 700 người, , trong đó: quản lý nhà nước khoảng 160 người (các sở ngành cấp tỉnh: 30 người, 10 quận - huyện: 30 người, 100 phường – xã: 100 người); khối sư phạm 300 người và khối doanh nghiệp khoảng 240 người; riêng với ngành Quốc tế học, kết quả khảo sát bước đầu riêng ở một số đơn vị sử dụng lao động tại tỉnh Bình Dương cho thấy nhu cầu đến năm 2025 khoảng 200 người. Chính vì vậy, việc phát triển đào tạo ngành cử nhân Quốc tế học tại Trường ĐH Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của tỉnh và vùng về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn.

### **2.2 Kết quả đào tạo trình độ Đại học, Cao đẳng đối với những ngành đang đào tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một**

Năm đầu khi mới thành lập, Trường chỉ đào tạo 06 ngành đại học và 06 ngành cao đẳng với tổng quy mô sinh viên 2.288. Đến nay, Trường đã đào tạo 30 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, 09 ngành cao học, với tổng quy mô 15.045 sinh viên và 780 học viên cao học, tăng gấp 07 lần sau 07 năm hoạt động. Sau 07 năm hoạt động, Trường đã có 5.780 sinh viên tốt nghiệp với tỉ lệ khá giỏi cao: 45%. Hầu hết sinh viên ra trường đều tìm được việc làm phù hợp (tỉ lệ 80%), đặc biệt sinh viên ngành sư phạm được người sử dụng lao động đánh giá cao. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên đã định hình và có bước tiến bước đầu. Trường đã tạo ra một sân chơi khoa học và đã có 76 đề tài nghiên cứu của sinh viên thực hiện, có 14 đề tài được trao giải, trong đó có 01 đề tài được gửi đi tham gia xét chọn đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ. Sinh viên của Trường đạt giải cao trong các cuộc thi: 05 giải khuyến khích cuộc thi Olympic Vật lý lần thứ XVI; 02 giải ba và giải ba toàn đoàn cuộc thi Olympic Toán học lần thứ XXI; 02 giải cá nhân xuất sắc, 01 giải nhì và giải ba tập thể Olympic các môn khoa học Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.....Thành tích này chứng tỏ chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được nâng cao.



### **2.3 Giới thiệu về Khoa sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành Quốc tế học**

Khoa Sử được thành lập tách từ Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, hiện nguồn nhân lực khoa gồm 39 cán bộ giảng viên (20 nữ, 19 nam). Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm 5 bộ môn là:

- Bộ môn Lịch sử Việt Nam: 17 giảng viên (6 nữ, 11 nam), trong đó có 5 tiến sĩ, 11 thạc sĩ, 1 tiến sĩ thỉnh giảng
- Bộ môn Lịch sử Thế giới: 7 giảng viên (1 nam, 6 nữ), trong đó có 2 tiến sĩ, 4 thạc sĩ và 4 giảng viên ngoài khoa cùng sinh hoạt chuyên môn
- Bộ môn Lịch sử Đảng: 4 giảng viên (4 nam) là 4 thạc sĩ
- Bộ môn Địa lý: 6 giảng viên (4 nữ, 2 nam) gồm 6 thạc sĩ
- Bộ môn Chính trị học: 2 giảng viên (2 nam) là 2 thạc sĩ
- Văn phòng khoa: 3 viên chức

Ngoài ra, nhà trường còn có đội ngũ đông đảo cán bộ có học vị tiến sĩ, thạc sĩ khoa từ các khoa như Khoa học Giáo dục, Hành chính – Luật, Công tác xã hội, Kinh tế, Ngoại ngữ tham gia giảng dạy và đội ngũ đông đảo các nhà khoa học là cộng tác viên thuộc các lĩnh vực chủ yếu của ngành đào tạo này ở các trường đại học, viện nghiên cứu đóng trên địa bàn TP Hồ Chí Minh và Bình Dương.

Trường cũng đã thiết lập mạng lưới liên kết các trường đại học nước ngoài, các nhà khoa học quốc tế sẵn sàng hợp tác và chia sẻ với Trường trong việc giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực này.

Được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay Khoa Sử đang đào tạo 03 ngành gồm: 01 ngành cử nhân sư phạm lịch sử - ở trình độ đại học; 1 ngành cử nhân chính trị học – trình độ đại học; 01 ngành cử nhân địa lý – trình độ đại học.

### **2.4 Lý do đăng ký mở ngành Quốc tế học**

Quốc tế học là ngành học đã được giảng dạy ở nhiều trường đại học trên thế giới và Việt Nam; đây là một trong những ngành học truyền thống và rất cơ bản ở các Viện, Trường đại học lớn trên thế giới, là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành như kinh tế học, luật học, sử học, chính trị học... Mỗi ngành đều có cách tiếp cận đơn ngành, bộ phận đối với Quốc tế học. Đây là ngành học mang tính liên ngành, nhưng vẫn có những đặc thù riêng về đối tượng, phương pháp nghiên cứu.

Quá trình toàn cầu hóa đã khiến cho đời sống quốc tế ngày càng diễn ra hết sức sôi động với quy mô rộng lớn trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa...; và không một quốc gia nào có thể tồn tại biệt lập trong bối cảnh phát triển đó. Việc nghiên cứu các vấn đề quốc tế đã trở thành một nhiệm vụ cấp bách của nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc nghiên cứu những vấn đề quốc tế sẽ phục vụ đắc lực cho việc hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại của một quốc gia, đồng thời cũng nhằm triển khai có kết quả đường lối đó trong quá trình thực hiện đường lối quốc tế. Nghiên cứu quốc tế nói chung giúp các nước có những bài học kinh nghiệm từ bên ngoài về xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội để bảo vệ quốc gia, từ đó chọn lựa vận dụng vào điều kiện, hoàn cảnh của đất nước mình. Thực tiễn cho thấy Quốc tế học là một ngành học quan trọng, độc lập, có ý nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là tỉnh có mức độ phát triển kinh tế - xã hội cao; thời gian qua, đã triển khai Chương trình hành động về hội nhập kinh tế quốc tế và đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng. Với chính sách “Trải chiều hoa mời gọi đầu tư”, Bình Dương đã nổi lên như một hiện tượng về thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, thực hiện hiệu quả đường lối đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. Hiện nay, Bình Dương có 30 khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung, hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh ở các lĩnh vực khác nhau. Bình Dương có 32.000 doanh nghiệp trong nước và 3.300 công ty nước ngoài. Từ năm 2010, Bình Dương luôn thuộc nhóm có mức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài cao nhất cả nước. Thực tế đó đặt ra bài toán cung cấp nguồn nhân lực có chuyên môn, hiểu biết là rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương nói riêng và khu vực Đông Nam Bộ nói chung; đặc biệt là phục vụ cho lĩnh vực hoạt động gắn với yếu tố nước ngoài. Để giải quyết những yêu cầu trên, một trong nhiệm vụ quan trọng là thực hiện chương trình đào tạo **Cử nhân Quốc tế học** trình độ đại học để tăng cường về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trong thời gian tới.

Đại học Thủ Dầu Một xác định sứ mệnh là đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực; trên cơ sở đó đang thực hiện công tác đào tạo với đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực và việc thực hiện đào tạo **Cử nhân Quốc tế học** trong bối cảnh hiện nay là hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường cũng như đáp ứng các yêu cầu thực tế của xã hội.

## 2.5 Căn cứ chính đăng ký mở ngành đào tạo

- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết vào hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;
- Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;
- Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 24/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thủ Dầu Một Bình Dương, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương.
- Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng.
- Căn cứ công văn số 3281/BGD&ĐT-GDDH ngày 30/06/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16/04/2015;
- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực

mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

- Căn cứ nhu cầu xã hội, khả năng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

## **II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### **2.1 Năng lực của Trường Đại học Thủ Dầu Một**

#### **2.1.1 Về nhân sự**

Tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại Trường Đại học Thủ Dầu Một là 732 người, trong đó có 16 PGS.TS, 114 TS, 502 ThS (109 NCS) tỷ lệ TS/GV 20,6%. Liên quan trực tiếp đến ngành Quốc tế học, hiện Đại học Thủ Dầu Một có 25 giảng viên, trong đó có 5 Tiến sĩ, 4 Thạc sĩ, 16 Nghiên cứu sinh gắn với các chuyên ngành Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Chính trị học, Luật, Ngôn ngữ Anh, Địa lý... với định hướng nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành Quốc tế học. Tất cả các giảng viên trên đều là giảng viên cơ hữu tại trường, có đầy đủ bằng cấp chuyên môn và các chứng chỉ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giảng viên, đã có kinh nghiệm đứng lớp nhiều năm đồng thời có kinh nghiệm, kết quả nhất định trong công tác nghiên cứu khoa học; đảm bảo việc phụ trách các học phần trong Chương trình.

Ngoài ra, để đảm bảo công tác đào tạo, khoa phụ trách còn nhận được sự hỗ trợ từ các khoa, viện, trung tâm, phòng, ban trong trường về lực lượng giảng viên cho các học phần thuộc khối kiến thức đại, cương, cơ sở ngành khác cũng như các kỹ thuật viên, nhân viên các bộ phận.

Bên cạnh đó còn thường xuyên mời các chuyên gia từ các cơ sở đào tạo có uy tín khác trong cả nước đến để cộng tác, chia sẻ, học tập kinh nghiệm để từ đó nâng cao chuyên môn.

#### **Danh sách giảng viên:**

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b> | <b>Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b> | <b>Chuyên ngành được đào tạo</b>            | <b>Năm, nơi tham gia giảng dạy</b> | <b>Học phần/môn học, dự kiến đảm nhiệm</b>                                                             |
|-----------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Ngô Hồng Điệp, 1975, Phó Hiệu Trưởng         | Tiến sĩ, Việt Nam, 2009                                            | Sử học – Lịch sử thế giới - Quan hệ quốc tế | 2009, ĐH Thủ Dầu Một               | - Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh<br>- Vấn đề nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế |
| 2         | Nguyễn Hoàng Huế, 1985,                      | Tiến sĩ, Việt Nam, 2013                                            | Lịch sử thế giới –                          | 2015, ĐH Thủ Dầu                   | - Nhập môn nghiên cứu khoa                                                                             |

|   |                                                           |                                |                                                                                           |                      |                                                                                                                        |
|---|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | giảng viên                                                |                                | Quan hệ quốc tế                                                                           | Một                  | học<br>- Quan hệ quốc tế ở châu Á – Thái Bình Dương<br>- Lịch sử Quan hệ quốc tế                                       |
| 3 | Nguyễn Phương Lan, 1971, giảng viên                       | Tiến sĩ, Việt Nam, 2007        | Lịch sử Thế giới cổ - trung đại                                                           | 2010, ĐH Thủ Dầu Một | - Lịch sử thế giới đại cương<br>- ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam                                                    |
| 4 | Nguyễn Hà Trang, 1988, Phó Trưởng Bộ môn Lịch sử Thế giới | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2013   | - Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế<br>- NCS. Quốc tế học – chuyên ngành Quan hệ quốc tế | 2014, ĐH Thủ Dầu Một | - Nghiệp vụ ngoại giao<br>- Nhập môn Quan hệ quốc tế<br>- Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ và Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam |
| 5 | Lư Nguyễn Nguyệt Quế, 1984, giảng viên                    | Thạc sĩ, Việt Nam, 2011        | Châu Á học – Quan hệ quốc tế                                                              | 2012, ĐH Thủ Dầu Một | - Tổ chức sự kiện<br>- Nhập môn khu vực học                                                                            |
| 6 | Bùi Đức Anh, 1977, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế           | Thạc sĩ, NCS, Trung Quốc, 2007 | - Đông Phương học<br>- Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế                                 | 2010, ĐH Thủ Dầu Một | - Quan hệ công chúng<br>- Những vấn đề toàn cầu                                                                        |
| 7 | Lý Văn Ngoan, 1979, Phó Trưởng phòng Đào tạo              | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2009   | - Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế                                                      | 2010, ĐH Thủ Dầu Một | - Các tổ chức quốc tế<br>- Toàn cầu hóa                                                                                |
| 8 | Phan Duy Anh, 1990, giảng viên                            | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2015   | - ThS. Chính trị học<br>- NCS. Chính trị quốc tế                                          | 2015, ĐH Thủ Dầu Một | - Tư tưởng Hồ Chí Minh<br>- Địa chính trị<br>- Thể chế chính trị các nước trên thế giới                                |

|    |                                                       |                              |                                                                    |                      |                                                                                                      |
|----|-------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9  | Nguyễn Hữu Hào, 1981, Phó Trưởng Bộ môn Chính trị học | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2010 | - ThS. Lịch Sử Đảng CSVN<br>- NCS. Chính trị học                   | 2011, ĐH Thủ Dầu Một | - Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam<br>- Văn hóa chính trị<br>- Chính trị học đại cương |
| 10 | Huỳnh Tâm Sáng, 1990, giảng viên                      | NCS, VN, 2014                | - CN. Quan hệ quốc tế<br>- NCS. Lịch sử thế giới – Quan hệ quốc tế | 2015, ĐH Thủ Dầu Một | - An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế                                                          |
| 11 | Vũ Đăng Khoa, 1974, giảng viên                        | Thạc sĩ, Úc, 2012            | Luật Hành chính và Hải quan Quốc tế                                | 2012, ĐH Thủ Dầu Một | - Quan hệ kinh tế quốc tế đại cương                                                                  |
| 12 | Lê Thị Hồng Liễu, 1989, giảng viên                    | Thạc sĩ, Việt Nam, 2016      | - CN. Luật quốc tế<br>- ThS. Luật Dân sự và Tố tụng dân sự         | 2013, ĐH Thủ Dầu Một | - Luật quốc tế                                                                                       |
| 13 | Võ Kim Hà, 1961, giảng viên                           | Tiến sĩ, Việt Nam, 2012      | Ngôn ngữ học so sánh                                               | 2014, ĐH Thủ Dầu Một | - Interpreting                                                                                       |
| 14 | Trần Ngọc Minh, 1985, giảng viên                      | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012 | TESOL                                                              | 2013, ĐH Thủ Dầu Một | - E-V Translation                                                                                    |
| 15 | Trần Ngọc Mai, 1985, giảng viên                       | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2011 | TESOL                                                              | 2013, ĐH Thủ Dầu Một | - Public Speaking                                                                                    |
| 16 | Lâu Mộng Thu, 1986, giảng viên                        | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012 | TESOL                                                              | 2013, ĐH Thủ Dầu Một | - Academic English                                                                                   |
| 17 | Hồ Trung Hậu, 1986, giảng viên                        | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012 | Giảng dạy tiếng Anh                                                | 2013, ĐH Thủ Dầu Một | - Tiếng Anh 1                                                                                        |
| 18 | Nguyễn Thanh Vân, 1979, giảng viên                    | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2012 | - Ngôn ngữ học                                                     | 2016, ĐH Thủ Dầu Một | - Tiếng Anh 2                                                                                        |

|    |                                                        |                              |                                                     |                      |                                                                                                         |
|----|--------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19 | Bùi Thị Kim Loan, 1982, giảng viên                     | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2011 | - TESOL<br>- Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu         | 2017, ĐH Thủ Dầu Một | - Tư duy biện luận ứng dụng                                                                             |
| 20 | Vương Quốc Khanh, 1983, giảng viên                     | Thạc sĩ, NCS, VN, 2009       | - ThS: Lịch sử thế giới<br>- NCS: Lịch sử Việt Nam  | 2009, ĐH Thủ Dầu Một | - Lịch sử văn minh thế giới<br>- Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột                                  |
| 21 | Ngô Minh Sang, 1983, giảng viên                        | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2007 | Lịch sử Việt Nam                                    | 2010, ĐH Thủ Dầu Một | - Một số vấn đề tôn giáo đương đại                                                                      |
| 22 | Đinh Thị Yến, 1982, giảng viên                         | Thạc sĩ, Việt Nam, 2010      | Dân tộc học                                         | 2011, ĐH Thủ Dầu Một | - Cơ sở văn hóa Việt Nam<br>- Dân tộc học đại cương                                                     |
| 23 | Nguyễn Văn Thắng, 1977, giảng viên                     | Tiến sĩ, Việt Nam,           | Lịch sử Việt Nam                                    | 2015, ĐH Thủ Dầu Một | - Lịch sử Việt Nam đại cương<br>- Chính sách đối ngoại Việt Nam<br>- EU và quan hệ EU - Việt Nam        |
| 24 | Lê Tuấn Anh, 1984, giảng viên                          | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2010 | - ThS: Lịch sử Đảng CSVN<br>- NCS: Lịch sử Việt Nam | 2010, ĐH Thủ Dầu Một | - Lịch sử ngoại giao Việt Nam<br>- Chính sách đối ngoại của Trung Quốc và quan hệ Trung Quốc - Việt Nam |
| 25 | Nguyễn Thị Hoài Phương, 1977, Trưởng Bộ môn Địa lý     | Thạc sĩ, NCS, Việt Nam, 2006 | Địa lý học                                          | 2007, ĐH Thủ Dầu Một | - Môi trường và phát triển<br>- Kinh tế học đại cương<br>- Địa lý thế giới                              |
| 26 | Nguyễn Thị Hồng Trang, 1987, Phó trưởng Bộ môn Luật HC | Thạc sĩ, Việt Nam, 2014      | Luật hiến pháp và luật hành chính                   | 2013, ĐH Thủ Dầu Một | - Luật pháp Việt Nam                                                                                    |
| 27 | Đinh Thị Thu Phương, 1989,                             | Thạc sĩ, Việt Nam, 2014      | Ngôn ngữ học                                        | 2014, ĐH Thủ Dầu Một | - Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt                                                                      |



|    |                                           |                            |                    |                            |                                                                               |
|----|-------------------------------------------|----------------------------|--------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|    | giảng viên                                |                            |                    | Một                        |                                                                               |
| 28 | Trần Thị Thủy,<br>1981, Trưởng<br>Bộ môn  | Thạc sĩ, Việt<br>Nam, 2010 | Triết học          | 2003, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một | - Những nguyên lý<br>cơ bản của chủ<br>nghĩa Mác –<br>Lênin                   |
| 29 | Trần Trung<br>chung, 1983,<br>giảng viên  | Thạc sĩ, Việt<br>Nam, 2015 | Hồ Chí<br>Minh học | 2011, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một | - Logic học đại<br>cương                                                      |
| 30 | Nguyễn Hoàng<br>Dũng, 1979,<br>giảng viên | Thạc sĩ, Việt<br>Nam, 2010 | Xã hội học         | 2014, ĐH<br>Thủ Dầu<br>Một | - Thống kê trong<br>nghiên cứu khoa<br>học xã hội<br>-Xã hội học đại<br>cương |

#### Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên

| TT | Họ và tên, năm<br>sinh, chức vụ<br>hiện tại | Chức danh khoa<br>học, năm phong;<br>Học vị, nước, năm<br>tốt nghiệp | Phụ trách<br>PTN, thực<br>hành | Phòng thí nghiệm,<br>thực hành phục vụ<br>học phần/môn học<br>nào trong chương<br>trình đào tạo |
|----|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Bùi Sỹ Vương,<br>1987                       | Kỹ sư Công nghệ<br>thông tin                                         | Phòng máy vi<br>tính           | Tin học căn bản                                                                                 |
| 2  | Nguyễn Đình<br>Thọ, 1985                    | ThS. Công nghệ<br>thông tin                                          | Phòng máy vi<br>tính           | Tin học căn bản                                                                                 |

#### 2.2.2 Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

##### \* Tổng quan về cơ sở vật chất hiện có

- Tổng diện tích: 643.630,5 (m<sup>2</sup>)
- Diện tích cho giảng đường/hội trường/phòng học: 18.928,5 (m<sup>2</sup>); trong đó:
  - + Phòng học: 156 phòng (từ 20 đến 100 chỗ ngồi, 2 hội trường lớn 200 và 700 chỗ ngồi)
  - + Phòng máy tính: 9 phòng (638,3 m<sup>2</sup>) với 222 máy tính; đa số có cấu hình DUAL CORE-E5500, RAM 1GB, Card mạng, màn hình, bàn phím...; nối mạng cục bộ; đường truyền Interne Lease LINE 4Mb/s kết nối Internet cho các phòng máy tính; đường truyền Nadsl 14Mb/s kết nối cho các phòng, khoa và cho hệ thống Interne không dây trong toàn trường hỗ trợ nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên,...
  - + Phòng học ngoại ngữ: 20 phòng (600 m<sup>2</sup>)
  - + Phòng nhạc, họa: 5 phòng (844,5 m<sup>2</sup>)
  - + Thư viện – Trung tâm học liệu: 5 phòng (1980 m<sup>2</sup>)
  - + Phòng thí nghiệm: 16 phòng (4654 m<sup>2</sup>)
  - + Xưởng thực tập, thực hành: 14 phòng (18.928,5 m<sup>2</sup>)
  - + Nhà tập đa năng: 1 (836,5 m<sup>2</sup>)

**\* Trung tâm Thông tin Thư viện**

- Diện tích thư viện: 1.980 m<sup>2</sup>; Diện tích phòng đọc: 1.410 m<sup>2</sup>
- Số chỗ ngồi: 468 ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0
- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn;
- Tài liệu điện tử: sách 2.750, bài báo 5.600

Riêng đối với ngành Quốc tế học, hệ thống tài liệu tại thư viện cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, nghiên cứu của sinh viên. Hằng năm, thư viện đều tiến hành cập nhật, bổ sung tài liệu trên cơ sở đề xuất từ các giảng viên, Bộ môn, Khoa và thông tin từ các đơn vị xuất bản trong cả nước.

**Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo ngành Quốc tế học**

| Số TT | Tên giáo trình                                                     | Tên tác giả                     | Nhà xuất bản                         | Năm xuất bản | Số bản | Sử dụng cho môn học/ học phần                    | Ghi chú |
|-------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|--------------|--------|--------------------------------------------------|---------|
| 1     | Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nguyễn | Nguyễn Viết Thông               | NXB. Chính trị quốc gia              | 2011         | 20     | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin   |         |
| 2     | Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh                                    | Phạm Ngọc Anh                   | NXB. Chính trị quốc gia              | 2011         | 50     | Tư tưởng Hồ Chí Minh                             |         |
| 3     | Giáo trình Đường lối CM của ĐCSVN                                  | Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang | NXB. Chính trị quốc gia              | 2012         | 3      | Đường lối CM của ĐCSVN                           |         |
| 4     | Lịch sử văn minh thế giới                                          | Vũ Dương Ninh (CB)              | NXB. Giáo dục                        | 2014         | 9      | Lịch sử văn minh thế giới                        |         |
| 5     | Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam                                  | Trần Quốc Vượng                 | NXB. Giáo dục                        | 2010         | 5      | Cơ sở văn hóa Việt Nam                           |         |
| 6     | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                    | Ngô Đình Qua                    | NXB. Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh | 2013         | 5      | Vấn đề nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế |         |
| 7     | Giáo trình Logic học đại cương                                     | Nguyễn Như Hải                  | NXB. Giáo dục Việt Nam               | 2011         | 5      | Logic học đại cương                              |         |



|    |                                                 |                                                                                       |                                   |      |    |                               |  |
|----|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------|----|-------------------------------|--|
| 8  | Xã hội học                                      | Huỳnh Công Bá                                                                         | NXB Thuận Hóa                     | 2012 | 5  | Xã hội học đại cương          |  |
| 9  | Tâm lí học đại cương                            | Nguyễn Thị Vân Hương (chủ biên), Nguyễn Thị Yên, Ngô Thị Kim Dung và những người khác | NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật | 2014 | 2  | Tâm lí học đại cương          |  |
| 10 | Giáo trình Tiếng Việt thực hành                 | Nguyễn Đức Dân, Trần Thị Ngọc Lang                                                    | NXB. Đại học Quốc gia TP HCM      | 2012 | 10 | Tiếng Việt thực hành          |  |
| 11 | Dân tộc học đại cương                           | Lê Sĩ Giáo, Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng                                    | NXB. Giáo dục                     | 2009 | 10 | Nhân học đại cương            |  |
| 12 | Giáo trình ứng dụng tin học                     | Nguyễn Việt Dũng                                                                      |                                   | 2008 |    | Tin học đại cương             |  |
| 13 | Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 1, | Đào Huy Hiệp và nhóm tác giả                                                          | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2012 | 3  | Giáo dục quốc phòng - an ninh |  |
| 14 | Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 2  | Nguyễn Tiến Hải và nhóm tác giả                                                       | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2011 | 11 | Giáo dục quốc phòng - an ninh |  |
| 15 | Hỏi đáp những vấn đề cơ bản của chính trị học   | Lưu Văn An, Dương Xuân Ngọc                                                           | NXB. Chính trị Hành chính         | 2012 | 20 | Chính trị học đại cương       |  |
| 16 | Lịch sử thế giới cổ đại                         | Lương Ninh (ch.b.)                                                                    | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2010 | 5  | Lịch sử thế giới đại cương    |  |
| 17 | Lịch sử thế giới Trung đại                      | Nguyễn Gia Phú                                                                        | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2009 | 12 | Lịch sử thế giới đại cương    |  |
| 18 | Lịch sử thế giới cận đại                        | Vũ Dương Ninh                                                                         | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2009 | 12 | Lịch sử thế giới đại cương    |  |
| 19 | Lịch sử thế giới hiện đại : 1917-1995           | Nguyễn Anh Thái (ch.b.)                                                               | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2009 | 17 | Lịch sử thế giới đại cương    |  |

|    |                                                                                             |                                                                  |                                   |      |             |                                           |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------|-------------|-------------------------------------------|--|
| 20 | Tiến trình lịch sử Việt Nam                                                                 | Nguyễn Quang Ngọc (CB)                                           | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2010 | 5           | Lịch sử Việt Nam đại cương                |  |
| 21 | Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập: Từ thời nguyên thủy đến 2000                           | GS. Trương Hữu Quýnh, GS. Đinh Xuân Lâm, PGS. Lê Mậu Hãn (ch.b.) | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2009 | 12          | Lịch sử Việt Nam đại cương                |  |
| 22 | Đại cương lịch sử Việt Nam. T.1, Từ thời nguyên thủy đến 1858                               | Trương Hữu Quýnh (ch.b.)                                         | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2010 | 3           | Lịch sử Việt Nam đại cương                |  |
| 23 | Đại cương lịch sử Việt Nam. T.2, 1858-1945                                                  | Đinh Xuân Lâm (ch.b.)                                            | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2010 | 5           | Lịch sử Việt Nam đại cương                |  |
| 24 | Đại cương lịch sử Việt Nam. T.3, 1945-2006                                                  | Lê Mậu Hãn (ch.b.)                                               | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2010 | 5           | Lịch sử Việt Nam đại cương                |  |
| 25 | Địa chính trị trong chiến lược và chính sách phát triển quốc gia                            | Nguyễn Văn Dân                                                   | NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật | 2014 | 10          | Địa chính trị                             |  |
| 26 | Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật (Dùng cho đào tạo đại học và sau đại học Luật)  | PGS.TS. Nguyễn Văn Động                                          | NXB. Giáo dục Việt Nam            | 2010 | 5           | Pháp luật đại cương                       |  |
| 27 | Chiến tranh và chống chiến tranh Sự sống còn của loài người ở buổi bình minh của thế kỷ XXI | Alvin và Heidi Toffler                                           | NXB. Chính trị Quốc gia           | 1995 | Bản điện tử | An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế |  |
| 28 | Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới                                           | Vũ Dương Huân (chủ biên)                                         | Lưu hành nội bộ                   | 2002 | 1           | Lịch sử ngoại giao Việt Nam               |  |
| 29 | Vai trò của Việt Nam trong ASEAN                                                            | Trung tâm Dữ kiện – Tư liệu TTXVN                                | NXB. Thông tấn                    | 2007 | Bản điện tử | Các tổ chức quốc tế                       |  |

|    |                                                                                |                                                 |                               |      |   |                                                    |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|------|---|----------------------------------------------------|--|
|    |                                                                                |                                                 |                               |      |   | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam                  |  |
| 30 | Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương                             | Phạm Quang Minh                                 | NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội  | 2015 | 5 | Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương |  |
| 31 | Quan hệ giữa ba trung tâm tư bản (Mỹ - Tây Âu - Nhật Bản) sau chiến tranh lạnh | Phạm Thành Dung                                 | NXB. Lý luận Chính trị        | 2004 | 2 | Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh     |  |
| 32 | Một số vấn đề về quan hệ quốc tế trong giai đoạn hiện nay                      | Vũ Quang Đản                                    | NXB. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh | 2008 | 1 | Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh     |  |
| 33 | Cục diện thế giới đến 2020                                                     | Phạm Bình Minh                                  | NXB. Chính trị Quốc gia       | 2010 | 2 | Quan hệ giữa các nước lớn sau Chiến tranh lạnh     |  |
| 34 | Quyền lực trong Quan hệ quốc tế: lịch sử và vấn đề                             | Hoàng Khắc Nam                                  | NXB Văn hóa thông tin         | 2011 | 5 | Nhập môn Quan hệ quốc tế                           |  |
| 35 | Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử                    | Hoàng Khắc Nam                                  | NXB. Chính trị Quốc gia       | 2014 | 5 | Lịch sử quan hệ quốc tế                            |  |
| 36 | Lịch sử Quan hệ quốc tế: Từ đầu thời cận đại đến kết thúc thế chiến thứ hai    | Vũ Dương Ninh                                   | NXB. Đại học Sư phạm Hà Nội   | 2012 | 5 | Lịch sử quan hệ quốc tế                            |  |
| 37 | Lịch sử Quan hệ quốc tế                                                        | Bogaturov Aleksey Demosfenovich, Averkov Viktor | NXB. Chính trị quốc gia       | 2015 | 5 | Lịch sử quan hệ quốc tế                            |  |

|    |                                                                                                                                                                             |                                                                        |                                 |      |   |                                       |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------|---|---------------------------------------|--|
|    |                                                                                                                                                                             | Viktorovich;<br>Đặng Quang<br>Chung (dịch)                             |                                 |      |   |                                       |  |
| 38 | Lịch sử quan hệ quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc Á - Phi - Mỹ La tinh (từ năm 1918 đến năm 1995) : Giáo trình đào tạo giáo viên Trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm | Nguyễn Anh Thái                                                        | NXB. Giáo dục                   | 1998 | 2 | Lịch sử quan hệ quốc tế               |  |
| 39 | Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975 - 2002)                                                                                                             | Vũ Dương Huân                                                          | NXB. Giáo dục                   | 2002 | 1 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam           |  |
| 40 | Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000                                                                                                                                             | Nguyễn Đình Bin                                                        | NXB. Chính trị quốc gia         | 2005 | 5 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam           |  |
| 41 | Nghệ thuật ngoại giao Việt Nam với cuộc đàm phán Paris                                                                                                                      | Nguyễn Khắc Huỳnh                                                      | Nxb. Chính trị quốc gia         | 2012 | 5 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam           |  |
| 42 | Ngoại giao Việt Nam góc nhìn và suy ngẫm                                                                                                                                    | Nguyễn Khắc Huỳnh                                                      | NXB. Chính trị quốc gia         | 2011 | 5 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam           |  |
| 43 | Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tư liệu của chính quyền Sài Gòn (2 tập)                                                                                            | Cục văn thư và lưu trữ Nhà nước – Trung tâm lưu trữ quốc gia II (2012) | NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội | 2012 | 5 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam           |  |
| 44 | Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940-2010)                                                                                                                              | Vũ Dương Ninh                                                          | NXB. Chính trị quốc gia         | 2014 | 5 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam           |  |
| 45 | Hợp tác ở biên Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế                                                                                                                             | Trần Nam Tiến                                                          | NXB. Văn hóa – Văn nghệ         | 2014 | 3 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |
| 46 | Yêu sách "đường                                                                                                                                                             | Nguyễn Bá                                                              | NXB.                            | 2015 | 2 | Biển Đông:                            |  |

|    |                                                                                                               |                                                                 |                                       |      |   |                                       |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------|---|---------------------------------------|--|
|    | lưỡi bò" phi lý của Trung Quốc và chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông                                       | Diễn                                                            | Thông tin và Truyền thông             |      |   | vấn đề hợp tác và xung đột            |  |
| 47 | Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông                                    | Trần Duy Hải                                                    | NXB. Tri Thức                         | 2013 | 5 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |
| 48 | Sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 và tham vọng của Trung Quốc độc chiếm Biển Đông                              | Trần Ngọc Vương (ch.b.)                                         | NXB. Thông tin và Truyền thông        | 2015 | 3 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |
| 49 | Biển Đông - Cuộc tìm kiếm đồng thuận nan giải                                                                 | G.M. Lokshin; E.V. Kobelev (ch.b.); Văn Thắng, Quang Anh (dịch) | NXB. Chính trị quốc gia               | 2016 | 3 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |
| 50 | Sự hiện diện của các cường quốc ở Biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế                                       | Nguyễn Tuấn Khanh (ch.b.)                                       | NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh | 2015 | 3 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |
| 51 | Chủ quyền Việt Nam trên biển Đông và Hoàng Sa - Trường Sa                                                     | Nguyễn Đình Đầu                                                 | NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh | 2014 | 2 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |
| 52 | Về vấn đề biển Đông                                                                                           | Nguyễn Ngọc Trường                                              | NXB. Chính trị quốc gia               | 2014 | 3 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |
| 53 | Những yêu sách đối kháng của Việt Nam và Trung Quốc ở khu vực bãi ngầm Tư Chính và Thanh Long trong biển Đông | Brice M. Claget ; Nguyễn Quang Vinh, Cao Xuân Thự (dịch)        | NXB. Chính trị quốc gia               | 2011 | 5 | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |

|    |                                                                                          |                                          |                                   |      |    |                                       |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------|------|----|---------------------------------------|--|
| 54 | Địa lý tự nhiên biển Đông                                                                | Nguyễn Văn Âu                            | NXB. Đại học quốc gia Hà Nội      | 2008 | 5  | Biển Đông: vấn đề hợp tác và xung đột |  |
| 55 | Giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay : Sách chuyên khảo | Phạm Thanh Hà                            | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật | 2011 | 3  | Toàn cầu hóa                          |  |
| 56 | Chủ quyền quốc gia dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa và vấn đề đặt ra với Việt Nam       | Phạm Văn Rân, Nguyễn Hoàng Giáp          | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật | 2010 | 2  | Toàn cầu hóa                          |  |
| 57 | Thế giới phẳng: Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ 21                                      | Thomas Friedman, (Nguyễn Quang A – dịch) | NXB. Trẻ                          | 2014 | 3  | Toàn cầu hóa                          |  |
| 58 | Giáo trình tôn giáo học                                                                  | Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn             | NXB. Đại học Sư phạm              | 2014 | 5  | Một số vấn đề tôn giáo đương đại      |  |
| 59 | 10 tôn giáo lớn trên thế giới                                                            | Hoàng Tâm Xuyên (cb)                     | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật | 2012 | 4  | Một số vấn đề tôn giáo đương đại      |  |
| 60 | Giáo trình kinh tế quốc tế : Chương trình cơ sở                                          | Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (ch.b)   | NXB. Đại học Kinh tế quốc dân     | 2012 | 10 | Quan hệ kinh tế quốc tế đại cương     |  |
| 61 | Giáo trình kinh tế quốc tế                                                               | Hoàng Thị Chinh (c.b)                    | NXB. Thống kê                     | 2010 | 20 | Quan hệ kinh tế quốc tế đại cương     |  |
| 62 | Ngoại giao và công tác ngoại giao                                                        | Vũ Dương Huân                            | NXB. Chính trị quốc gia           | 2012 | 5  | Nghệ thuật ngoại giao                 |  |
| 63 | Ngoại giao đa phương trong hệ thống quan hệ quốc tế đương đại                            | Lưu Thúy Hồng                            | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật | 2015 | 3  | Nghệ thuật ngoại giao                 |  |
| 64 | Giáo trình nhập                                                                          | Trần Lê Bảo                              | NXB. Đại                          | 2013 | 5  | Khu vực                               |  |

|    |                                                                             |                                         |                                       |      |    |                                            |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|------|----|--------------------------------------------|--|
|    | môn khu vực học và Việt Nam học                                             |                                         | học sư phạm                           |      |    | học đại cương                              |  |
| 65 | Việt Nam trong thế giới Đông Á: Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học | Nguyễn Văn Kim                          | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật     | 2011 | 15 | Khu vực học đại cương                      |  |
| 66 | Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN: Tầm nhìn tới năm 2025                     | Luận Thùy Dương                         | NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật     | 2017 | 2  | Các tổ chức quốc tế                        |  |
| 67 | Hỏi đáp về cộng đồng kinh tế ASEAN                                          | Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Anh Thu (ch.b.) | NXB. Thông tin và Truyền thông        | 2016 | 2  | Các tổ chức quốc tế                        |  |
| 68 | Định vị kinh tế Việt Nam trong cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)                |                                         | NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh | 2016 | 2  | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam          |  |
| 69 | Lịch sử văn hóa Đông Nam Á                                                  | Phạm Đức Dương                          | NXB. Văn hóa - Thông tin              | 2013 | 8  | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam          |  |
| 70 | Văn hóa Đông Nam Á                                                          | Đỗ Tiến Sâm, Phạm Duy Đức (ch.b.)       | NXB. Chính trị quốc gia               | 2010 | 3  | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam          |  |
| 71 | Văn hóa Đông Nam Á                                                          | Nguyễn Tấn Đắc                          | NXB. Khoa học - Xã hội                | 2010 | 5  | ASEAN và quan hệ ASEAN – Việt Nam          |  |
| 72 | Giáo trình Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương               | Phạm Quang Minh                         | NXB. Đại học quốc gia Hà Nội          | 2015 | 5  | Quan hệ quốc tế ở châu Á – Thái Bình Dương |  |
| 73 | Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến 2020                           | Phạm Bình Minh (ch.b.)                  | NXB. Chính trị quốc gia               | 2011 | 5  | Chính sách đối ngoại Việt Nam              |  |
| 74 | Đường lối chính sách đối ngoại                                              | Phạm Bình Minh                          | NXB. Chính trị                        | 2011 | 5  | Chính sách đối ngoại                       |  |



|    |                                                                                                                      |                            |                                |      |    |                                     |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|------|----|-------------------------------------|--|
|    | Việt Nam trong giai đoạn mới                                                                                         |                            | quốc gia                       |      |    | Việt Nam                            |  |
| 75 | Hỏi và đáp về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước ta                                     | Học viện ngoại giao        | NXB. Chính trị quốc gia        | 2012 | 5  | Chính sách đối ngoại Việt Nam       |  |
| 76 | Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX) : Về nhiệm vụ an ninh - quốc phòng và chính sách đối ngoại | Đảng Cộng sản Việt Nam     | NXB. Chính trị quốc gia        | 2005 | 4  | Chính sách đối ngoại Việt Nam       |  |
| 77 | Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị                                                         | Phạm Hồng Tung             | NXB. Chính trị quốc gia        | 2010 | 1  | Văn hóa chính trị                   |  |
| 78 | Hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Hoa Kỳ                                                      | Ngô Xuân Bình              | NXB. Khoa học Xã hội           | 2014 | 2  | Hoa Kỳ và Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam |  |
| 79 | Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ : thực trạng và triển vọng                                                                 | Trần Nam Tiến              | NXB. Thông tin và truyền thông | 2010 | 3  | Hoa Kỳ và Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam |  |
| 80 | Quan hệ Hoa Kỳ - Asean 2001-2020                                                                                     | Nguyễn Thiết Sơn           | NXB. Từ điển Bách khoa         | 2012 | 3  | Hoa Kỳ và Quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam |  |
| 81 | Quản trị quan hệ công chúng                                                                                          | Lưu Văn Nghiêm             | NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân  | 2011 | 10 | Quan hệ công chúng                  |  |
| 82 | PR lý luận & ứng dụng : Chiến lược PR chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức phi chính phủ                               | Đinh Thị Thúy Hằng (ch.b.) | NXB. Lao động                  | 2015 | 3  | Quan hệ công chúng                  |  |
| 83 | PR - Từ chưa biết                                                                                                    | Hoàng Xuân                 | NXB. Lao                       | 2015 | 3  | Quan hệ                             |  |

|    |                                                                                      |                                                       |                                       |      |    |                  |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------|------|----|------------------|--|
|    | đến chuyên gia                                                                       | Phương                                                | động                                  |      |    | công chúng       |  |
| 84 | Giáo trình Công pháp Quốc tế (quyển 1)                                               | Trần Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Yên (ch.b)            | NXB. Hồng Đức                         | 2013 | 10 | Luật quốc tế     |  |
| 85 | Giáo trình Công pháp Quốc tế (quyển 2)                                               | Trần Thị Thùy Dương, Trần Thăng Long                  | NXB. Hồng Đức                         | 2013 | 10 | Luật quốc tế     |  |
| 86 | Giáo trình tư pháp quốc tế                                                           | Bành Quốc Tuấn                                        | NXB. Chính trị quốc gia               | 2017 | 4  | Luật quốc tế     |  |
| 87 | Giáo trình Tư pháp quốc tế                                                           | Nguyễn Bá Diên (ch.b)                                 | NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội          | 2011 | 5  | Luật quốc tế     |  |
| 88 | Tư pháp quốc tế                                                                      | Lê Thị Nam Giang                                      | NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh | 2014 | 5  | Luật quốc tế     |  |
| 89 | Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội thế giới                                          | Bùi Thị Hải Yến                                       | NXB. Giáo dục Việt Nam                | 2012 | 5  | Địa lý thế giới  |  |
| 90 | Địa lí các châu lục. T.1, Những vấn đề địa lí toàn cầu, châu Phi, châu Âu và châu Mỹ | Nguyễn Phi Hạnh, Ông Thị Đan Thanh, Nguyễn Đình Giang | NXB. Đại học sư phạm                  | 2007 | 49 | Địa lý thế giới  |  |
| 91 | Các nước và một số lãnh thổ trên thế giới                                            | Hoàng Phong Hà                                        | NXB. Chính trị quốc gia               | 2013 | 3  | Địa lý thế giới  |  |
| 92 | The art of public speaking                                                           | Stephen E. Lucas                                      | Boston : McGraw Hill                  | 2001 | 5  | Public Speaking  |  |
| 93 | Academic writing : a handbook for international students                             | Stephen Bailey                                        | New York : Routledge                  | 2011 | 1  | Academic English |  |
| 94 | Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh                                 | Nguyễn Quốc Hùng                                      | NXB Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh           | 2012 | 4  | Interpreting     |  |

**Danh mục tạp chí nghiên cứu ngành Quốc tế học**

| <b>Số TT</b> | <b>Tên sách chuyên khảo/tạp chí</b>        | <b>Tên tác giả<br/>Đơn vị xuất bản</b>                                     | <b>Nhà xuất bản<br/>số, tập, năm<br/>xuất bản</b> | <b>Số bản</b> | <b>Sử dụng<br/>cho môn<br/>học/học<br/>phần</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------|
| 1            | Nghiên cứu quốc tế                         | Bộ ngoại giao<br>- Học viện ngoại giao                                     | ISSN :1859-0608                                   | 1             | Các học phần                                    |                |
| 2            | Tạp chí Nghiên cứu châu Âu                 | Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu châu Âu                    | ISSN :0868-3581                                   | 1             | Các học phần                                    |                |
| 3            | Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á              | Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu Đông Nam Á                 | ISSN :0868-2739                                   | 1             | Các học phần                                    |                |
| 4            | Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc              | Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu trung Quốc                 | ISSN :0868-3670                                   | 1             | Các học phần                                    |                |
| 5            | Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới | Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện kinh tế và chính trị thế giới | ISSN :0868-2984                                   | 1             | Các học phần                                    |                |
| 6            | Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử                 | Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện sử học                        | ISSN :0866-7497                                   |               | Các học phần                                    |                |
| 7            | Tạp chí Lịch sử quân sự                    | Bộ quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam                              | ISSN :086-7683                                    |               | Các học phần                                    |                |
| 8            | Tạp chí Lịch sử Đảng                       | Viện Lịch sử Đảng - Học viện chính trị -                                   | ISSN :0936-8477                                   |               | Các học phần                                    |                |

|  |  |                                       |  |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------|--|--|--|--|
|  |  | Hành chính<br>quốc gia Hồ<br>Chí Minh |  |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------|--|--|--|--|

Ngoài ra, Trường Đại học Thủ Dầu Một còn dự kiến đầu tư xây dựng cơ sở Trường mới tại Khu Đô thị và Công nghiệp Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Tổng Diện tích khu đất khoảng 57,6 hecta, được quy hoạch xây dựng định hình rõ 03 khu vực: Khu vực xây dựng Trường Đại học, khu vực xây dựng Ký túc xá sinh viên, khu vực xây dựng Trường phổ thông năng khiếu Đại học Thủ Dầu Một. Với quy mô từng dự án cụ thể như sau:

+ **Công trình - Trường Đại học Thủ Dầu Một:** Quy mô sinh viên: 24.500 SV Diện tích đất xây dựng công trình: 86.114,52 m<sup>2</sup>

- Tổng diện tích sàn xây dựng : 241.936,3 m<sup>2</sup>

- Tổng giá trị xây dựng công trình khoảng 2.600 tỷ đồng

+ **Công trình - Trường phổ thông Năng khiếu:** quy mô 1.620 học sinh

+ **Công trình - Ký túc xá sinh viên:** quy mô 14.000 chỗ ở.

### 2.1.3 Về Nghiên cứu Khoa học

- Hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm cho học tập và nghiên cứu

Bắt đầu từ năm 2015, Trường mạnh dạn đầu tư máy móc hiện đại, phục vụ cho thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực tự nhiên và môi trường. Điển hình là máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) giá trị hơn 1,6 tỷ đồng; máy quang phổ hồng ngoại chuyển đổi Fourier (638 triệu đồng); máy quang phổ hấp thụ UVvis/NIR (470 triệu đồng)....

- Huy động tối đa các nguồn lực tài chính và con người của cả nước để thực hiện các dự án khoa học

Thông qua Đề án nghiên cứu khoa học về Đông Nam Bộ, Trường đang thực hiện là đầu mối liên kết các nhà khoa học của vùng, của cả nước; các cơ sở, đơn vị nghiên cứu như: các Sở khoa học Công nghệ các tỉnh thành Đông Nam Bộ, các Viện nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, Quỹ phát triển công nghệ quốc gia Nafosted, các Trường đại học....để thực hiện các đề tài gắn liền với miền Đông Nam Bộ và phục vụ cho phát triển kinh tế- xã hội của vùng và đặc biệt là cho tỉnh Bình Dương.

Trong những năm gần đây, Trường đã tổ chức thành công các Hội thảo Quốc gia: “Chiến thắng Điện Biên Phủ- Những vấn đề lịch sử”, “20 năm đô thị hóa Nam Bộ- Lý luận và thực tiễn” (2014), “20 năm đô thị hóa Bình Dương- Những vấn đề thực tiễn” (2015)... Các Hội thảo Quốc tế: “Nền móng và giải pháp địa kỹ thuật xây dựng” (2013), “Việt Nam- 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập” (2015), Hội thảo quốc tế Công nghệ và quản lý xanh IFGTM lần VI – 2016 chủ đề “Tăng trưởng xanh - Con đường hướng đến phát triển bền vững” với sự tham gia của các học giả nổi tiếng của Việt Nam và thế giới như: GS,TSKH Vũ Minh Giang (Phó chủ tịch Hội khoa học lịch sử Việt Nam), GS.TS. Bùi Cách Tuyến – Nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường, GS. Tusboi (Đại học Waseda, Nhật Bản, GS. Thayer (Học viện quốc phòng Úc)....

Giảng viên nghiên cứu khoa học của Trường từ chỗ chỉ đạt tỷ lệ 18,41% năm 2010, đã lên 74,06% năm 2015. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học từ 3,64% năm 2013,

đã tăng lên 10,59% năm 2015. Đây là những con số đáng khích lệ và cho thấy bước chuyển biến tích cực, tạo thành phong trào nghiên cứu khoa học mạnh mẽ trong tập thể Trường đại học Thủ Dầu Một. Đặc biệt, năm 2014 một đề tài khoa học của sinh viên đã đạt giải ba cuộc thi tài năng khoa học trẻ do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (tên đề tài: Tổng hợp và nghiên cứu hoạt tính sinh học của vật liệu y sinh Hydroxyapatite từ vỏ trứng”).

Số bài báo cáo khoa học được đăng trên các tạp chí, kỷ yếu Hội thảo trong nước: 920 bài; Số bài báo nước ngoài: 99 bài; Số báo cáo khoa học tại các Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế: 101 bài; Hoàn thành 15 giáo trình.... Từ khi bắt đầu thành lập Trường đại học Thủ Dầu Một cho đến nay, Trường đã thực hiện:

+ 01 đề tài cấp Nhà nước 2013-2015 do Quỹ phát triển khoa học Công nghệ Quốc gia Nafosted tài trợ “Cải tiến hiệu năng của các thuật toán điều khiển tắc nghẽn Multipath TCP”

+ 07 đề tài cấp tỉnh và 238 đề tài cấp trường. Hiện trường đang chú trọng tập trung nghiên cứu các đề tài liên quan mật thiết đến Bình Dương và Đông Nam Bộ là: “Sự bùng phát của cây lục bình trên địa bàn tỉnh Bình Dương và đề xuất giải pháp kiểm soát hiệu quả”; “Dân nghèo Bình Dương- Đông Nam Bộ- Thực trạng và các giải pháp giảm nghèo mang tính bền vững”; “Chiến lược phát triển bền vững không gian đô thị Bình Dương trong quan hệ tổng thể miền Đông Nam Bộ- Tầm nhìn 2020-2030”; “Nghiên cứu xử lý Protein trong laxe cao su tự nhiên đạt chuẩn quốc tế bằng Polyscarite”; công trình Nuôi nấm Đông Trùng hạ thảo trong phòng thí nghiệm (sản phẩm Đông Trùng hạ thảo do nhóm giảng viên khoa Tài nguyên Môi trường nghiên cứu đã vinh dự nhận giấy chứng nhận và cúp vàng sở hữu trí tuệ “Sản phẩm tin cậy-Dịch vụ hoàn hảo-Nhãn hiệu ưa dùng năm 215” của Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Viện Sở hữu trí tuệ Quốc tế).

- Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một hoạt động hiệu quả và có uy tín. Từ năm 2011 xuất bản định kỳ 6 số/năm, đăng tải các bài báo khoa học của các nhà nghiên cứu, cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên cao học trong và ngoài trường. Hội đồng chức danh giáo sư cấp Nhà nước đã dùng Tạp chí để tính điểm trong phong hàm PGS, GS các lĩnh vực Sử học- Khảo cổ học- Dân tộc học và Tâm lý học. Tạp chí đã xuất bản được 21 số, đăng tải 242 bài báo khoa học có chất lượng. Trung tâm nghiên cứu và phát triển, Ban biên dịch bước đầu triển khai kế hoạch hoạt động góp phần làm cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường thêm phong phú, đa dạng.

#### **2.1.4. Về hợp tác quốc tế**

Từ năm 2013 đến năm 2015, Trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giảng viên đi học tập kinh nghiệm nước ngoài. Điển hình như: Học tập, trao đổi kinh nghiệm tại trường Đại học Thammasat (Vương Quốc Thái Lan); Tham dự “Diễn đàn giáo dục Đài – Việt lần thứ 3” (Trường Đại học Nghĩa Thu, thành phố Cao Hùng); Tham dự Hội nghị CDIO thế giới lần thứ 11 (Trường Đại học Công nghệ thông tin Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc) và thực hiện thành công báo cáo xin gia nhập Tổ chức CDIO thế giới. Hiện nay, Trường Đại học Thủ Dầu Một là thành viên thứ 3 của Việt Nam gia nhập tổ chức CDIO thế giới sau Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Duy Tân và là thành viên liên kết của tổ chức AUN.

Hoạt động quan hệ quốc tế của Trường không ngừng mở rộng, Trường đã đón tiếp nhiều đối tác đến từ các nước: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, đoàn đại diện Cộng đồng Pháp ngữ (Agence Universitaire de la Francophonie - AUF), đại diện Tổng lãnh sự Hoa Kỳ tại thành phố Hồ Chí Minh, đại sứ quán Australia tại Hà Nội; tiếp đoàn đại biểu Trường Đại học Kyungsung, Viện trao đổi văn hóa quốc tế Hàn Quốc, Trường Nhật ngữ An (Nhật Bản), Đại học Nam Columbia, Đại học Nam Queensland (Australia), Đại học Hull (Vương quốc Anh). Ký biên bản ghi nhớ hợp tác với đại học Woosong về thành lập Trung tâm Hàn Ngữ, trao đổi chương trình đào tạo và giảng viên, ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Học viện Bình Đông (Đài Loan) để hợp tác đào tạo cho doanh nhân Đài Loan đang làm việc tại các tỉnh Đông Nam Bộ. Hiện Trường đang cùng Trường Đại học Kyungsung thực hiện các bước cần thiết để thành lập Trung tâm ngôn ngữ Hàn- Việt đặt tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Ngoài ra, hiện nay Trường đang đào tạo 25 sinh viên của nước Lào, theo học các ngành Quản trị- Kinh doanh, Tài chính- Ngân hàng và Công nghệ thông tin.

## **2.2 Về Chương trình đào tạo và Kế hoạch đào tạo:**

Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo mô hình và chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín trong nước cũng như khảo sát ý kiến từ đại diện các đơn vị sử dụng lao động và đã thông qua sự thẩm định về mặt chuyên môn một cách chặt chẽ của các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực. Chương trình được thiết kế với 120 tín chỉ, bao gồm Kiến thức giáo dục đại cương (22TC), Kiến thức cơ sở ngành (23TC), kiến thức ngành (29TC), và cốt lõi chuyên ngành (46TC) trang bị kiến thức kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, an ninh quốc phòng, khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp nghiên cứu khoa học; đồng thời sinh viên được trang bị hệ thống kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa; quan trọng là khối kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ định hướng chuyên sâu gắn với chuyên ngành quốc tế học như ngoại ngữ mang tính ứng dụng và học thuật, luật quốc tế, kinh tế quốc tế, chính trị quốc tế, nghiệp vụ ngoại giao, tổ chức sự kiện, quan hệ công chúng; ngoài ra, sinh viên còn được tham gia các học phần thực tế chuyên môn, kiến tập, thực tập nghề nghiệp để tích lũy và rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cần có nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng trong tương lai.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**TS. Ngô Hồng Điệp**



# DANH SÁCH LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN<sup>4</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC CÁ NHÂN

|                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. Thông tin chung về cá nhân</b>                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1. Họ và tên: Họ và tên: Ngô Hồng Diệp                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 2. Ngày, tháng, năm sinh: 29/10/1975                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 3. Nam, nữ: Nam                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 4. Địa chỉ: Số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, Tx Thủ Dầu Một, Bình Dương    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 5. Điện thoại: (Cơ quan) 0650. 3822518 (Nhà riêng): Mob: 0905.260.986.             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 6. Fax: 0650.3837.150                                                              | E-mail: { HYPERLINK                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| "mailto:ngohong_diệp@yahoo.com" }                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 7. Chức vụ: Phó Hiệu Trưởng                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 8. Cơ quan công tác: Trường Đại học Thủ Dầu Một                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| - Tên người lãnh đạo cơ quan: TS. Nguyễn Văn Hiệp                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| - Điện thoại người lãnh đạo cơ quan: 0913 860 175                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| - Địa chỉ cơ quan: Số 6, đường Trần Văn Ôn, Phường Phú Hòa Tx Thủ Dầu Một          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>II. Trình độ đào tạo</b>                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>1. Trình độ chuyên môn</b>                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| - Học vị: Tiến sĩ                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| - Năm nhận bằng: 2008                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| - Chuyên ngành đào tạo: Lịch sử Thế giới cận đại và hiện đại                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| - Học hàm:                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>2. Quá trình và nơi đào tạo, chuyên ngành đào tạo (từ bậc đại học trở lên):</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1. Đại học:                                                                        | Hệ đào tạo: Chính quy<br>Thời gian đào tạo từ năm 1994 đến năm 1998.<br>Nơi học (trường, thành phố): Đại học Sư phạm - Đại học Huế<br>Ngành học: Lịch sử<br>Tên luận văn tốt nghiệp: Công cuộc khẩn hoang của Triều Nguyễn nửa đầu TK XIX<br>Thời gian bảo vệ: tháng 5/ 1998 tại trường ĐHSP Huế<br>Người hướng dẫn: Thái Quang Trung |
| 2. Thạc sĩ:                                                                        | Hệ đào tạo: Tập trung<br>Thời gian đào tạo từ năm 2000 đến năm 2002<br>Nơi học (trường, thành phố): Đại học Sư phạm - Đại học Huế<br>Ngành học: Lịch sử Thế giới<br>Tên luận văn: Quan hệ Nhật Bản - ASEAN 1967 -1997<br>Thời gian bảo vệ: tháng 11/ 2002 tại trường ĐHSP Huế<br>Người hướng dẫn: PGS TS. Nguyễn Văn Tận              |
| 3. Tiến sĩ:                                                                        | Hệ đào tạo: Tập trung<br>Thời gian đào tạo từ năm 2003 đến năm 2008<br>Nơi học: Đại học Huế<br>Ngành học: Lịch sử Thế giới cận đại và hiện đại<br>Tên luận án: Quan hệ Nhật Bản - ASEAN 1975 - 2000                                                                                                                                   |

<sup>4</sup> Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



Người hướng dẫn: PGS TS. Nguyễn Văn Tận

**3. Các khoá học chuyên môn khác đã hoàn thành**

1. Lĩnh vực: Cử nhận Anh văn  
- Năm: 1997  
- Nơi đào tạo: Huế
2. Lĩnh vực: Tập huấn về chương trình CDSP và đào tạo giáo viên THCS  
- Năm: 2004  
- Nơi đào tạo: Hà Nội
3. Lĩnh vực: Bồi dưỡng giáo viên cốt cán theo chương trình mới  
- Năm: 2006  
- Nơi đào tạo: Hà Nội
4. Lĩnh vực: Bồi dưỡng kỹ năng KT ĐG trắc nghiệm khách quan  
- Năm: 2005  
- Nơi đào tạo: Hà Nội
5. Lĩnh vực: Kiểm định chất lượng giáo dục và vai trò lãnh đạo  
- Năm: 2015  
- Nơi đào tạo: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh
6. Lĩnh vực: Quality and quality Management workshop  
- Năm: 2016  
- Nơi đào tạo: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

**III. Kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy**

1. Tên lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy, số năm kinh nghiệm:  
Lịch sử thế giới cận – hiện đại. Có hơn 10 năm kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy
2. Các đề tài (dự án) đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài (dự án) xét chọn, tuyển chọn:

| 2.1 | Tên đề tài (dự án) đã chủ trì                                                                                                                                                         | Cơ quan chủ trì đề tài (dự án) | Năm bắt đầu - kết thúc |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|
| 1   | Một số vấn đề về lịch sử thế giới cận - hiện đại cần trang bị cho sinh viên dân tộc ngành lịch sử hệ CDSP                                                                             | DAPT GV THCS                   | 2006 - 2007            |
| 2.2 | Tên đề tài (dự án) đã tham gia                                                                                                                                                        | Cơ quan chủ trì đề tài (dự án) | Năm bắt đầu - kết thúc |
| 1   | Nghiên cứu đề xuất biện pháp rèn luyện cho sinh viên phương pháp tìm hiểu thực tế để có hiểu biết về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội nơi công tác theo yêu cầu của chuẩn | Dự án Tiểu học                 | 2005 - 2006            |
| 2   | Nội dung phương pháp xây dựng hồ sơ giáo dục và giảng dạy của giáo viên tiểu học                                                                                                      | Dự án Tiểu học                 | 2005 - 2006            |

**IV. Thành tựu nghiên cứu trong 5 năm gần nhất**

**1. Giải thưởng về khoa học – công nghệ**

| TT | Hình thức và nội dung giải thưởng | Năm tặng thưởng |
|----|-----------------------------------|-----------------|
|----|-----------------------------------|-----------------|

**2. Các xuất bản phẩm chủ yếu**

| TT | Tên ấn phẩm | Tên tạp chí | Năm |
|----|-------------|-------------|-----|
|----|-------------|-------------|-----|

|    | (công trình, bài báo, ...)                                                                                                                  | (đã đăng tải ấn phẩm)                                | xuất bản |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------|
| 1  | Điểm tương đồng và dị biệt giữa ASEAN và EU: Những thách thức trong bối cảnh toàn cầu hóa                                                   | Tạp chí Nghiên cứu châu Âu                           | 2005     |
| 2  | Những nhân tố tác động đến đầu tư trực tiếp của Nhật Bản vào ASEAN giai đoạn từ 1973 đến 2003                                               | Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á                        | 2005     |
| 3  | Xác lập vai trò an ninh chính trị của Nhật Bản ở Đông Nam Á trong thập niên đầu thời kỳ sau Chiến tranh lạnh                                | Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á                        | 2007     |
| 4  | Đầu tư trực tiếp (FDI) của Nhật Bản vào Việt Nam giai đoạn 1986 -2006                                                                       | Tạp chí Khoa học và Giáo dục, ĐHSP Huế               | 2007     |
| 5  | Học thuyết Fukuda - một góc nhìn từ phía các nước ASEAN                                                                                     | Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á                        | 2007     |
| 6  | Vài nét về hợp tác văn hóa giữa Nhật Bản và ASEAN                                                                                           | Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á                        | 2009     |
| 7  | Đầu tư của Nhật Bản vào ASEAN thời kỳ những năm 1990                                                                                        | Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á                        | 2009     |
| 8  | Quá trình phát triển đô thị ở Bình Dương (1975-2015)                                                                                        | Hội thảo khoa học quốc tế                            | 2014     |
| 9  | Khoa học xã hội và nhân văn với việc phát huy nguồn lực trí tuệ Việt Nam phục vụ sự nghiệp chấn hưng đất nước thế kỷ XXI                    | Hội thảo khoa học quốc tế                            | 2014     |
| 10 | Hà Nội - Huế - Sài Gòn, từ tinh thần “Ngày Nam Bộ kháng chiến” đến tinh thần “Là cây một cội, là con một nhà”                               | Hội thảo khoa học quốc gia                           | 2015     |
| 11 | Nhìn lại quan hệ kinh tế Việt Nam - Hoa Kỳ (2000 - 2015)                                                                                    | Hội thảo khoa học quốc gia                           | 2015     |
| 12 | Phát huy tinh thần “Đi trước” của Nam bộ kháng chiến trong nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Đại học Thủ Dầu Một.                      | Hội thảo khoa học                                    | 2015     |
| 13 | Hợp tác kinh tế trong hành lang kinh tế Đông – Tây (1998-2014) hiện thực hóa quá trình hội nhập kinh tế khu vực của Việt Nam                | Hội thảo khoa học quốc gia                           | 2015     |
| 14 | Hợp tác trong tam giác phát triển Việt Nam – Lào- Campuchia của các tỉnh Tây nguyên (1999 -2014) góp phần mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại | Hội thảo khoa học quốc gia                           | 2015     |
| 15 | Phát huy sức mạnh mềm văn hóa- yếu tố quan trọng trong đấu tranh với Trung Quốc phạm chủ quyền biển đảo của Việt Nam ở Biển Đông.           | Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc, số 12/2015, tr 71-80. | 2015     |
| 16 | Thành tựu hội nhập khu vực của Việt Nam nhìn từ quá trình hợp tác trong tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia                      | Hội thảo khoa học quốc gia                           | 2016     |

|                                                                   |                                                                                                       |                                                                |             |
|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------|
|                                                                   | của các tỉnh tây nguyên (1999-2004)                                                                   |                                                                |             |
| <b>3. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp đã được cấp</b> |                                                                                                       |                                                                |             |
| TT                                                                | Tên và nội dung văn bằng                                                                              | Năm cấp văn bằng                                               |             |
| <b>4. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn</b>              |                                                                                                       |                                                                |             |
| TT                                                                | Tên công trình                                                                                        | Quy mô và địa chỉ áp dụng                                      | Năm áp dụng |
| 1                                                                 | Một số vấn đề lịch sử thế giới cận-hiện đại cần trang bị cho sinh viên dân tộc ngành Lịch sử, hệ CĐSP | Các trường Cao đẳng có đào tạo học sinh dân tộc trên toàn quốc | 2007        |
| 2                                                                 | Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới-Tập 1                                                            | Các trường đại học, cao đẳng                                   | 2017        |

Bình Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2016

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**



**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PGS-TS. Hoàng Trọng Quyền**

**Người khai lý lịch**

**TS. Ngô Hồng Điệp**

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING  
HUE UNIVERSITY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independent - Freedom - Happiness

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC HUẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

THE PRESIDENT OF HUE UNIVERSITY

On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee  
for the Doctoral Dissertation:  
Diss. at Hue on 27 September, 2009

HAS CONFERRED UPON

Mr. Ngo Hong Diep

Born 29 Oct, 1975 in Gia Lai

THE DEGREE OF

**DOCTOR OF PHILOSOPHY**

In **History**

Given under the seal of Hue University  
this nineteenth day of January 2009

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước

CHỖNG THỰC DAN SẠO ĐƯNG VỚI BAN CHỈNH  
SỐ CHỖNG THỰC DAN SẠO ĐƯNG VỚI BAN CHỈNH  
Ngày... Tháng... Năm... NHẬN HỌC VI VÀ CẤP BẰNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP  
PHÒNG TƯ PHÁP



**SỬ HỌC**

Cho Ông Ngô Hồng Điệp

Đỗ Công Luận ngày 29/10/1975 tại Gia Lai



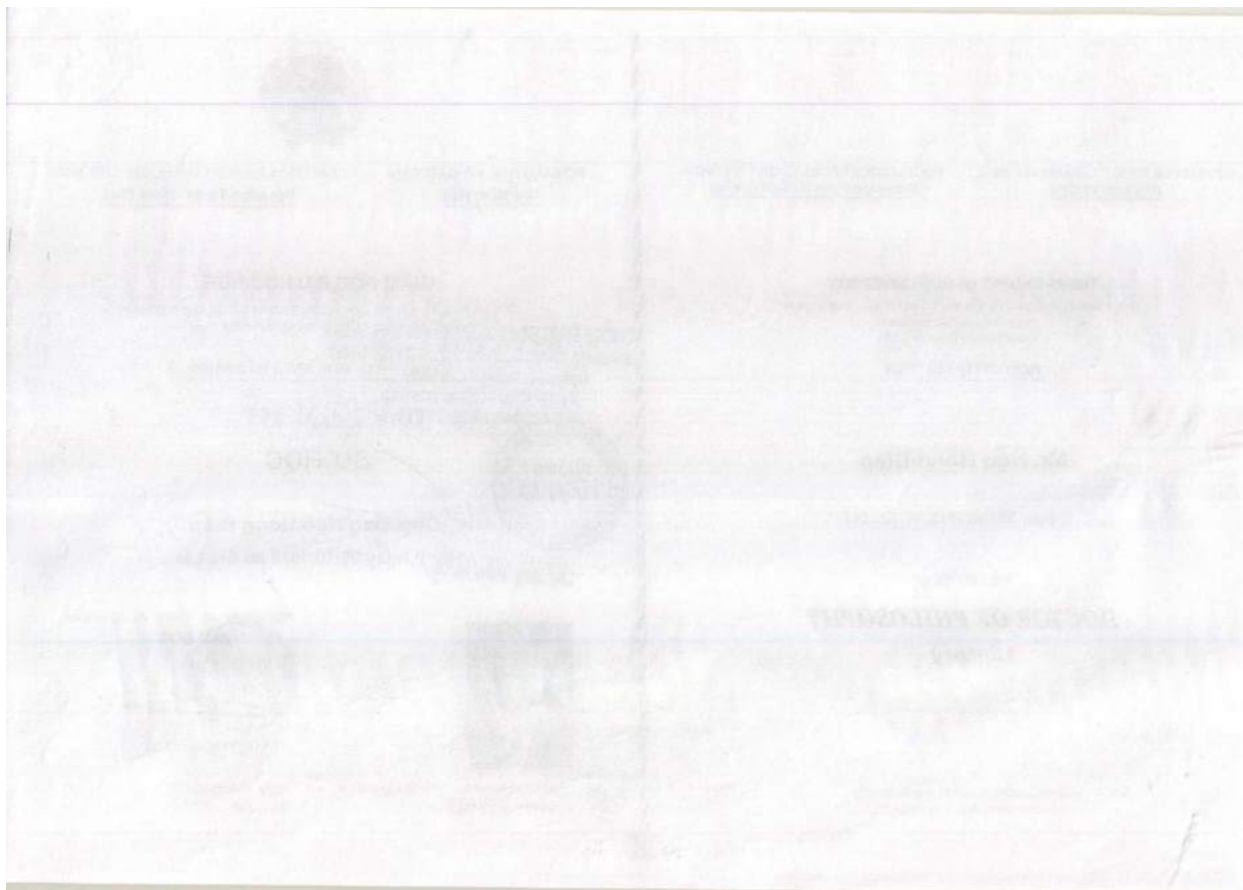
Huế, ngày 19 tháng 01 năm 2009

GIÁM ĐỐC  
ĐẠI HỌC  
HUẾ

NGUYỄN VĂN TOÀN

Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số... 012  
Số bằng: 00002E ngày 19/01/2009  
Số vào sổ: 02.2





**Phụ lục IV**  
(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

## **LÝ LỊCH KHOA HỌC**

### **I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG HUẾ      Giới tính: Nam  
Ngày, tháng, năm sinh: 18/02/1985      Nơi sinh: Vĩnh Lại. Lâm Thao, Phú Thọ.  
Quê quán: Vĩnh Lại, Lâm Thao, Phú Thọ Dân tộc: Kinh  
Học vị cao nhất: Tiến sĩ      Năm, nước nhận học vị: 2014, Việt Nam  
Chức danh khoa học cao nhất:      Năm bổ nhiệm:  
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên  
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Sử, Trường Đại học Thủ  
Dầu Một  
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Khoa Sử, Trường Đại học Thủ Dầu Một  
Điện thoại liên hệ: CQ:      NR:      DD: 0984881265  
Fax:      Email: huenh@tdmu.edu.vn

### **II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Đại học:**

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Phú Xuân; Ngành học: Lịch sử; Nước  
đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2007; Bằng đại học 2: Ngôn ngữ Anh; Năm tốt  
nghệ: 2011.

#### **2. Sau đại học**

- Thạc sĩ chuyên ngành: Lịch sử thế giới; Năm cấp bằng: 2010; Nơi đào tạo: Đại  
học Huế
- Tiến sĩ chuyên ngành: Lịch sử thế giới; Năm cấp bằng: 2014; Nơi đào tạo: Đại học  
Huế
- Tên luận án: Tiến trình hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế  
Đông Tây (1998 - 2010)

#### **3. Ngoại ngữ:**

1. Anh văn
- 2.

Mức độ sử dụng: Đọc tài liệu  
Mức độ sử dụng:

### **III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

| Thời gian            | Nơi công tác               | Công việc đảm nhiệm |
|----------------------|----------------------------|---------------------|
| Từ 9/2007 đến 5/2015 | Trường Đại học Phú Xuân    | Giảng viên          |
| Từ 6/2015 đến nay    | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên          |

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu                                                                          | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Quan hệ kinh tế Việt Nam – Lào (2000 - 2008)                                                   | 2010 - 2011                | Đề tài NCKH cấp trường             | Chủ nhiệm                         |
| 2  | Quá trình hình thành và phát triển của Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo (1998 - 2010) | 2012 - 2013                | Đề tài NCKH cấp trường             | Chủ nhiệm                         |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                                                                                                           | Năm công bố | Tên tạp chí                        |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------|
| 1  | Nhìn lại quá trình hợp tác của các nước nằm trong hành lang kinh tế Đông Tây (1998 – 2009)                                                               | 2010        | Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á      |
| 2  | Vai trò của Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây                                                                | 2013        | Tây, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á |
| 3  | Nhìn lại quan hệ kinh tế Việt Nam - Ấn Độ (2000 - 2014)                                                                                                  | 2016        | Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á |
| 4  | Vai trò của Việt Nam trong quan hệ hợp tác kinh tế với Lào và Campuchia trong những năm đầu thế kỷ XXI                                                   | 2010        | NXB Khoa học xã hội                |
| 5  | Hợp tác phát triển du lịch giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây (1998 - 2010)                                                                  | 2015        | NXB Thông tin và truyền thông      |
| 6  | Tác động của tiến trình hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây (1998-2014) đối với sự hình thành và phát triển Cộng đồng kinh tế | 2015        | NXB Khoa học xã hội                |



|    |                                                                                                                                               |      |                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | ASEAN                                                                                                                                         |      |                                                                                                                                                                                                                                     |
| 7  | Hợp tác kinh tế trong Hành lang kinh tế Đông Tây (1998-2014) - Hiện thực hóa quá trình hội nhập kinh tế khu vực của Việt Nam                  | 2015 | NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                                                 |
| 8  | Hợp tác trong tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia của các tỉnh Tây Nguyên (1999 - 2014) góp phần mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại | 2015 | NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                                                 |
| 9  | Vai trò của Việt Nam trong quan hệ hợp tác kinh tế với Lào và Campuchia trong những năm đầu thế kỷ XXI                                        | 2010 | NXB Khoa học xã hội                                                                                                                                                                                                                 |
| 10 | Tác động của các cuộc cải cách dân chủ Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ 2                                                                | 2008 | Hội nghị khoa học quốc tế 30 năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản hội nhập và phát triển                                                                                                                                                 |
| 11 | Nhìn lại quan hệ kinh tế Việt - Lào thập niên đầu của thế kỷ XXI                                                                              | 2011 | Hội thảo quốc tế Quan hệ Việt Nam – Asean – Taiwan, ĐH Huế - ĐH Chinan (Đài Loan) – Đại học Khoa học Huế - Viện nghiên cứu Đông Nam Á.                                                                                              |
| 12 | Strengthen Cooperation in East West Corridor Economic Development Motivate Central Provinces Economic                                         | 2012 | The Fifth SNRU International Conference on Cooperation for Development on the East – West Economic Corridor : Cooperation Networks for Sustainable Development towards ASEAN Community”, Sakon Nakhon Rajabhat University, Thailand |
| 13 | Role in the East West Economic Corridor                                                                                                       | 2013 | The Sixth SNRU International Conference on Cooperation for Development on the East – West Economic Corridor : Strategic Development for ASEAN Community”, Sakon Nakhon Rajabhat University, Thailand                                |
| 14 | Role of Lao Bao Specially Commercial Economic Zone on the EWEC                                                                                | 2013 | The Sixth SNRU International Conference on Cooperation for Development on the East – West Economic Corridor : Strategic Development for ASEAN Community”, Sakon Nakhon Rajabhat University, Thailand                                |
| 15 | Quan hệ kinh tế Nhật Bản - Việt Nam, Lào và                                                                                                   | 2015 | Hội thảo quốc tế “Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản: Hội nhập và phát triển”,                                                                                                                                                             |

|    |                                                                                                                                                                                           |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Campuchia từ sau chiến tranh lạnh đến nay                                                                                                                                                 |      | 2015, Đại học KHXH&NV-ĐHQG-HCM.                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 16 | Vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa và lối sống đô thị ở thành phố Huế, thành phố văn hóa ASEAN                                                                                            | 2015 | Hội thảo quốc tế “Tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu lịch sử đô thị Việt Nam”, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – ĐHQGHN,                                                                                                                                                                                           |
| 17 | Tiến trình hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây (1998-2014), hiện thực hóa của quá trình hợp tác giữa các nước thành viên nhằm xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN | 2015 | Hội thảo Quốc tế “Việt Nam - Đông Nam Á: Hội thập và phát triển”, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh), Viện Nghiên cứu phát triển phương Đông - Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Viện Dân tộc học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Trường Silpakorn (Thái Lan) |
| 18 | Bảo vệ nhà vườn Huế - Góp phần xây dựng Huế trở thành đô thị “Sinh thái và thân thiện với môi trường”                                                                                     | 2015 | Hội thảo Quốc tế lần III “Giảng dạy, nghiên cứu Việt Nam học và tiếng Việt - Những vấn đề lí luận và thực tiễn                                                                                                                                                                                                           |
| 19 | Hợp tác kinh tế của các tỉnh Tây Nguyên trong tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia (1999 - 2014) góp phần thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Campuchia                                 | 2016 | Hội thảo quốc tế, “Thực trạng và triển vọng ứng dụng mô hình quản lý dựa vào cộng đồng ở Việt Nam và Campuchia”, Viện kinh tế và chính trị thế giới - Vụ hợp tác quốc tế, Bộ Khoa học và công nghệ                                                                                                                       |
| 20 | Đẩy mạnh hợp tác trong hành lang kinh tế Đông Tây góp phần thúc đẩy quan hệ kinh tế Việt Nam - Ấn Độ                                                                                      | 2016 | Hội thảo khoa học quốc tế “Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới”, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                                                        |
| 21 | Nghiên cứu loại hình du lịch xuyên quốc gia từ thực tiễn hợp tác phát triển du lịch giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây (1998 - 2010)                                          | 2016 | Hội thảo khoa học quốc tế “Các loại hình du lịch hiện đại”, Đại học Charles de Gaulle – Lille 3 (Cộng hòa Pháp), Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Sài Gòn                                                                                                                                                          |

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2018

Người khai kí tên

TS Nguyễn Hoàng Huế

THE SOCIALIST-REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẢN SA

THE PRESIDENT OF  
HUE UNIVERSITY

GIÁM ĐỐC  
ĐẠI HỌC HUẾ

confers  
THE DEGREE OF  
DOCTOR OF PHILOSOPHY  
in WORLD HISTORY

cấp  
BẰNG TIẾN SĨ  
LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Upon: Mr (Ms) **Nguyen Hoang Hue**

Cho: **Ông Nguyễn Hoàng Huế**

Born on: **18/02/1985**

Sinh ngày: **18/02/1985**

Given under the seal of Hue University

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: **gđđ**.....Quyển số: **03**...../TP/CT-SCT

02-01-1985

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 10 năm 201

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHÚ HỘI

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. NGUYỄN VĂN TOÀN

Serial number: 0000068

Reference number: 418

Số hiệu: 0000068

*Lê Thị Thanh Tâm*  
Số cấp bằng: 418

OF EDUCATION AND TRAINING  
HUE UNIVERSITY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC HUẾ



BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

THE PRESIDENT OF HUE UNIVERSITY  
e Recommendation of the Scientific and Training Council  
has conferred upon

Mr. Nguyen Hoang Hue

Born 18 Feb, 1985 in Phu Tho

THE DEGREE OF  
MASTER OF ARTS  
In History

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 03 Quyền số: 3 TP/CT-SCT  
05-01-2015

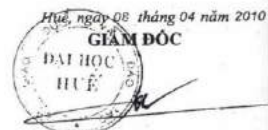
Cho Ông Nguyễn Hoàng Huệ  
Sinh ngày 18/02/1985 tại Phú Thọ



Given under the seal of Hue University  
this eighth day of April 2010

Lê Thị Thanh Tâm

Số hiệu bằng 001034  
Số vào sổ cấp bằng 3P.4385



PGS. TS. NGUYỄN VĂN TOÀN



**Phụ lục IV**  
(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

---

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

**I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

Họ và tên: NGUYỄN PHƯƠNG LAN      Giới tính: Nữ  
Ngày, tháng, năm sinh: 22/10/1971      Nơi sinh: Hà Nội  
Quê quán: Điện Minh, Điện Bàn Quảng Nam      Dân tộc: Kinh  
Học vị cao nhất: Tiến sỹ      Năm, nước nhận học vị: 2007, Việt Nam  
Chức danh khoa học cao nhất:      Năm bổ nhiệm:  
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):  
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Sử  
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 482/28A, Lê Quang Định, P11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM  
Điện thoại liên hệ: CQ: 0273837800      NR:      DD:  
Fax:      Email: phuonglan1071@gmail.com

**II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Đại học:**

Hệ đào tạo: Chính quy  
Nơi đào tạo: Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội  
Ngành học: Lịch sử  
Nước đào tạo: Việt Nam  
Năm tốt nghiệp: 1992  
Bằng đại học 2:  
Năm tốt nghiệp:

**2. Sau đại học**

- Thạc sỹ chuyên ngành: Lịch sử Thế giới
- Năm cấp bằng: 1998
- Nơi đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Tiến sỹ chuyên ngành: Lịch sử Thế giới
- Năm cấp bằng: 2007
- Nơi đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tên luận án: Vương triều Mogol và vị trí của nó trong lịch sử

- 3. Ngoại ngữ:** 1. Tiếng Anh  
2.

Mức độ sử dụng: Giao tiếp cơ bản, đọc tài liệu

Mức độ sử dụng:

### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian           | Nơi công tác                                         | Công việc đảm nhiệm                                        |
|---------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Từ 1993 - 2002      | Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh | Giảng viên Khoa Lịch sử                                    |
| Từ 2002 - 2009      | Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh | Giảng viên Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh                       |
| Từ 10/2010 - 7/2011 | Trường ĐH Thủ Dầu Một                                | Giảng viên Khoa Lý luận chính trị                          |
| Từ 7/2011 - 11/2013 | Trường ĐH Thủ Dầu Một                                | Khoa KHXH&NV, Phó khoa kiêm Trưởng bộ môn Lịch sử - Địa lý |
| Từ 11/2013 - 6/2016 | Trường ĐH Thủ Dầu Một                                | Phó Khoa Sử, Phụ trách khoa Sử                             |
| Từ 6/2016 - nay     | Trường ĐH Thủ Dầu Một                                | Giảng viên khoa Sử                                         |

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu            | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|----------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Xây dựng văn hóa Đảng theo TTHCM | 2009                       | Trường                             | Chủ nhiệm                         |
| 2  | Người Ấn ở TPHCM                 | 2014 - 2016                | Thành phố                          | Tham gia                          |

#### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                              | Năm công bố | Tên tạp chí                |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|
| 1  | <i>Chính sách về dân tộc và tôn giáo của hoàng đế Akbar ở Ấn Độ thời kỳ</i> | 2007        | Tạp chí Nghiên cứu lịch sử |

|   |                                                                   |      |                               |
|---|-------------------------------------------------------------------|------|-------------------------------|
|   | Mogol                                                             |      |                               |
| 2 | Sự phát triển "đỉnh cao"<br>của Ấn Độ dưới thời hoàng<br>đế Akbar | 2007 | Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á |

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Xác nhận của cơ quan

TR. HIỆU TRƯỞNG  
TP. TỔ CH.



Thư viện Công Danh

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)



TS. Nguyễn Phương Lan



**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
Independence - Freedom - Happiness

**THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING**

On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee  
for the Doctoral Dissertations  
held at Hanoi University of Education

HAS CONFERRED UPON

Ms. *Nguyen Phuong Lan*  
Born 22/10/1971 in Ha Noi

THE DEGREE OF  
**DOCTOR OF PHILOSOPHY**

In History

Given under the seal of the Ministry of Education and Training  
this Twenty Fifth day of December 2007



**BẢN SAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước

họp ngày 31 tháng 08 năm 2007  
tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

**CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG**

**TIẾN SĨ**

**SỬ HỌC**

Chức vụ: *Nguyen Phuong Lan*  
CHỨC VỤ BAN SÁCH DÙNG YÊU BÀN CHÍNH  
Số chứng thực: Sinh ngày 22/10/1971 tại Hà Nội  
Biên số: U. 1 SC/TBS

Ngày: 29-04-2010 Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2007

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TM UBND PHƯƠNG DỊCH VON**



Số bằng: 00/2007 CHỦ TỊCH

THỦ TƯỚNG

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

## I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

- Họ và tên: Nguyễn Hà Trang
- Ngày, tháng, năm sinh: 23/01/1988
- Quê quán: Hà Nội
- Học vị cao nhất: Thạc sỹ
- Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Phó Trưởng Bộ môn
- Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Bộ môn: Lịch sử Thế giới – Khoa Sử - Đại học Thủ Dầu Một
- Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Khoa Sử - Đại học Thủ Dầu Một
- Điện thoại liên hệ: - DD: 0126.7713.023
- Fax:

1. Đại học:

- Hệ đào tạo: chính quy
- Nơi đào tạo: Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM
- Ngành học: Lịch sử Thế giới; Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 2010

- Thạc sĩ chuyên ngành: Lịch sử Thế giới
- Năm cấp bằng: 2013
- Nơi đào tạo: Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM
- Nghiên cứu sinh chuyên ngành: Quốc tế học (khóa 2017-2020)
- Nơi đào tạo: Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội

- 3. Ngoại ngữ:** Anh văn **Mức độ sử dụng:** Khá

| Thời gian       | Nơi công tác               | Công việc đảm nhiệm                 |
|-----------------|----------------------------|-------------------------------------|
| Từ 2010 - 2013  | Quận ủy Quận 9 TP. HCM     | Chuyên viên                         |
| Từ 2014 đến nay | Trường đại học Thủ Dầu Một | - Giảng viên<br>- Phó Trưởng bộ môn |

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu                                                  | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Sự diện hiện của các cường quốc tại Biển Đông và tác động đến Việt Nam | 2013-2014                  | Trường                             | Thành viên                        |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

###### \* Sách

| TT | Tên sách                                                                | Nhà xuất bản             | Năm xuất bản | Tác giả/đồng tác giả | Bút danh | Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------|----------------------|----------|-------------------------------------------|
| 1  | Hợp tác ở Biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế                         | Văn hóa văn nghệ         | 2014         | Đồng tác giả         |          |                                           |
| 2  | Sự hiện diện của các cường quốc ở Biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế | Đại học Quốc gia TP. HCM | 2015         | Đồng tác giả         |          |                                           |

###### \* Bài viết

| TT | Tên công trình                                                                     | Năm công bố | Tên tạp chí/Hội thảo khoa học                                                                                              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Sự hiện diện của Ấn Độ ở Biển Đông trong bối cảnh hiện nay: Một cách tiếp cận,     | 2017        | Hội thảo Quốc tế “45 năm quan hệ Việt Nam - Ấn Độ: thành tựu và triển vọng”, 5/2017, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam |
| 2  | Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại ở Đông Nam Á của Mỹ thời kỳ Tổng thống B. Obama | 2016        | Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (1859 – 2325)                                                                    |
| 3  | Việt Nam – Hoa Kỳ: quan hệ đối tác toàn diện                                       | 2015        | Hội thảo Quốc tế “Việt Nam 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập (1975 - 2015)”, 4/2015, Đại học Thủ                   |

|   |                                                                       |      |                                                                                                |
|---|-----------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                       |      | Dầu Mọt                                                                                        |
| 4 | Nhận thức của một số nước lớn về vấn đề tranh chấp Biển Đông          | 2015 | Hội thảo Khoa học Cán bộ trẻ các Trường ĐHSP toàn quốc lần thứ V, 2015, ĐHSPHN 2               |
| 5 | Vai trò của biển trong tiếp biến văn hóa đối với nền văn hóa Trung bộ | 2015 | Hội thảo Quốc gia “Văn hóa biển đảo – nguồn lực phát triển bền vững”, 2015, Đại học Quảng Bình |

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2018

Xác nhận của cơ quan

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)



*[Handwritten signature]*

ThS. Nguyễn Hà Trang

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES  
HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

**Master of Arts**  
**WORLD HISTORY**

UPON : **NGUYỄN HÀ TRANG**  
BORN ON : **Jan. 23rd, 1988** IN : **Khanh Hoa**  
GRADUATED ON : **June 29th, 2013**

Số đăng ký : **233-13**  
(Registration N°)

XM: **06901/30KH2/2013**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
CẤP

**Bằng Thạc sĩ**  
**Tịch sử thế giới**

CHO : **Nguyễn Hà Trang**  
SINH NGÀY **23/01/1988** TẠI : **Khanh Hoa**  
BẢO VỆ LUẬN ÁN NGÀY **29** . THÁNG **6** . NĂM **2013**

TP. Hồ Chí Minh, ngày **30** . tháng **10** . năm **2013**



PGS.TS. **Võ Văn Sơn**



Số: 2402/QĐ-XHNV

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đề tài và người hướng dẫn luận án tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ban hành kèm theo Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 03/03/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học được ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/5/2011 và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 3050/QĐ-ĐHQGHN ngày 17/9/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trường khoa Quốc tế học và Trường phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận đề tài và cán bộ hướng dẫn cho 04 nghiên cứu sinh của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, khóa QH-2017-X, ngành Quốc tế học (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Nghiên cứu sinh và cán bộ hướng dẫn có tên trong danh sách được hưởng các chế độ, quyền lợi và nhiệm vụ theo Quy chế đào tạo sau đại học hiện hành ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 3.** Trường phòng Đào tạo, Trường khoa Quốc tế học, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, cán bộ hướng dẫn và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HC-TH, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG ✓

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Hoàng Anh Tuấn

#### **Phụ lục IV**

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### **LÝ LỊCH KHOA HỌC**

#### **I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

Họ và tên: Lư Nguyễn Nguyệt Quế      Giới tính: Nữ  
Ngày, tháng, năm sinh: 16/11/1984      Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh  
Quê quán: TP. Hồ Chí Minh      Dân tộc: Kinh  
Học vị cao nhất: Thạc sĩ      Năm, nước nhận học vị: 2013  
Chức danh khoa học cao nhất:      Năm bổ nhiệm:  
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):  
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Lịch sử  
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 184/38/49/43 Âu Dương Lân P3.Q8.TP.HCM  
Điện thoại liên hệ: 0908302433 - CQ: 02743837800      NR:      DD:  
Fax:      Email:

#### **II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

##### **1. Đại học:**

Hệ đào tạo: Đại học; Nơi đào tạo: ĐH Mở TP. HCM; Ngành học: Đông Nam Á;  
Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2007.

##### **2. Sau đại học**

- Thạc sĩ chuyên ngành: Châu Á Học; Năm cấp bằng: 2012; Nơi đào tạo: ĐH  
KHXH&NV TP. HCM

- Tiến sĩ chuyên ngành:.....; Năm cấp bằng:.....; Nơi đào tạo:.....;

Tên luận án:....

##### **3. Ngoại ngữ:**

1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Trung Bình

2.

Mức độ sử dụng:

#### **III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

| Thời gian        | Nơi công tác          | Công việc đảm nhiệm    |
|------------------|-----------------------|------------------------|
| Từ 2012 đến 2013 | Trường ĐH Thủ Dầu Một | Chuyên viên Phòng QHQT |
| Từ 2013 đến nay  | Trường ĐH Thủ Dầu Một | Giảng viên Khoa Sử     |

{PAGE }



#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

###### 2.1 Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo:

| TT | Tên công trình                                                                                                                 | Năm công bố | Tên hội thảo                                                                                   |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Văn hóa cà phê Sài Gòn                                                                                                         | 2016        | Giảng dạy nghiên cứu Việt Nam học và Tiếng Việt – Những vấn đề lý thuyết và thực tiễn          |
| 2  | Chiến thắng Điện Biên Phủ với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới – một cách nhìn tổng quát                            | 2014        | Chiến thắng Điện Biên Phủ - những vấn đề lịch sử                                               |
| 3  | Nhận thức của các nước lớn về vấn đề tranh chấp biển Đông                                                                      | 2015        |                                                                                                |
| 4  | Vai trò của biển Đông đối với quá trình tiếp biến văn hóa trong nền văn hóa Trung Bộ                                           | 2015        | Văn hóa biển đảo – nguồn lực phát triển bền vững                                               |
| 5  | Việt Nam – Asean: mối quan hệ tương hỗ trong quá trình hội nhập và phát triển                                                  | 2017        | Khoa học cán bộ, GV trẻ và HVCH năm 2017                                                       |
| 6  | Vài nét về kinh tế - văn hóa nam bộ trong giai đoạn đầu khẩn hoang qua nghiên cứu của một số học giả trung quốc                | 2017        | Nam bộ từ năm 1698 đến nay qua nghiên cứu của người nước ngoài                                 |
| 7  | Tìm hiểu sự kiện Tết Mậu Thân 1968 – điểm nhấn trong cuộc chiến tranh trên mặt trận chính trị và tâm lý qua báo chí nước ngoài | 2018        | 50 năm cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968-2018) - Giá trị lý luận và thực tiễn |

###### 2.2 Đăng trên tạp chí trong nước

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|----------------|-------------|-------------|
|----|----------------|-------------|-------------|

{PAGE }

|   |                                       |      |                                        |
|---|---------------------------------------|------|----------------------------------------|
| 1 | Đạo gia tiên của người dân Tây Nam Bộ | 2015 | Tạp chí Khoa học ĐHQT Hồng Bàng, số 04 |
|---|---------------------------------------|------|----------------------------------------|

Xác nhận của cơ quan



...*01*..., ngày *11* tháng *03* năm *2018*

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

*[Signature]*  
Lê Mỹ Nguyệt Quê

{PAGE }

|                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM<br/>         Independence - Freedom - Happiness</p> <p>VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY<br/>         UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES</p> <p>HEREBY CONFERS THE DEGREE OF</p> | <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br/>         Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH<br/>         TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN</p> <p>CẤP</p>                                       |
| <p><b>Master of Arts</b><br/> <b>ASIAN STUDIES</b></p>                                                                                                                                                                                   | <p><b>Bằng Thạc sĩ</b><br/> <b>Chân Á học</b></p>                                                                                                                                                                                         |
| <p>UPON : LU NGUYEN NGUYET QUE.....<br/>         BORN ON : Nov. 16th. 1984 IN : Ho Chi Minh city.<br/>         GRADUATED ON : March 03rd. 2012.....</p>                                                                                  | <p>CHO: <i>Lu Nguyễn Nguyệt Quế</i><br/>         SINH NGÀY 16.11.1984 TẠI: TP. Hồ Chí Minh<br/>         BẢO VỆ LUẬN ÁN NGÀY : 03 . THÁNG . 3 . NĂM 2012</p>                                                                               |
| <p>Số đăng ký : 03-12<br/>         (Registration N°)<br/>         XM01648/71KH2..</p>                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                          |
|                                                                                                                                                                                                                                          | <p>TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 2.. năm 2012</p> <div data-bbox="954 802 1101 928">  </div> <p><i>[Signature]</i><br/>         PGS.TS. Võ Văn Sơn</p> |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành  
theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của  
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH...  
cấp

## BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY

ngành..... **Đông Nam Á học**.....

hạng..... **Khá**..... năm tốt nghiệp **2007**.....

và công nhận danh hiệu

*Cử nhân*

Số hiệu bằng

A **0084013**

Số vào sổ

**166-07/DNA03**

Chữ ký của người được cấp bằng

cho *Lê Nguyễn Nguyệt Quế*

sinh ngày **16/11/1984** tại **Tp. Hồ Chí Minh**...

**Tp. Hồ Chí Minh**, ngày **26**... tháng **11**... năm **2007**...

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

**PGS.TS. LÊ BẢO LÂM**

*ThS. Nguyễn Văn Nhân*



(Kèm theo Thông tư số: 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

## 107



硕士研究生

# 毕业证书



裴德英 先生/女士, 国籍 越南 一九七七年十一月一日生,  
于二〇〇四年九月至二〇〇七年六月在 中国近现代史 专业  
学习, 学制二年, 修完硕士研究生培养计划规定的全部课程, 成绩合格, 毕业  
论文答辩通过, 准予毕业。



获(院)所长: 饶子和

培(养)单位:

证书编号: 100551200702001323

二〇〇七年六月三十日

Nº 00003539

中华人民共和国教育部监制



NGHIÊN CỨU SINH THẠC SĨ

## BẰNG TỐT NGHIỆP

BẢN DỊCH

Ông **Bùi Đức Anh**, quốc tịch Việt Nam, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1977, từ tháng 09 năm 2004 đến tháng 06 năm 2007, học chuyên ngành **Lịch sử Trung Quốc cận hiện đại**, hệ hai năm, đã hoàn thành toàn bộ chương trình học theo quy định kế hoạch đào tạo nghiên cứu sinh thạc sĩ, thành tích đạt yêu cầu, đã thông qua bảo vệ luận văn tốt nghiệp, đồng ý cho tốt nghiệp.

Ngày 30 tháng 06 năm 2007

Đơn vị đào tạo: Đại học Nam Khai

Hiệu trưởng: Rao Zi He

(đã ký và đóng dấu)

Số bằng: 100551200702001323

Bộ Giáo dục nước CHND Trung Hoa giám chế

Tôi, Nguyễn Minh Ngọc Tú, CMND số: 280816875, cấp ngày 20/05/1999 tại Công an tỉnh Bình Dương, cam đoan đã dịch chính xác giấy tờ/văn bản này từ tiếng Trung sang tiếng Việt.

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người dịch

Nguyễn Minh Ngọc Tú

Chứng thực ông/bà Nguyễn Minh Ngọc Tú, CMND số: 280816875, cấp ngày 20/05/1999 tại Công an tỉnh Bình Dương đã ký trước mặt tôi.

Số chứng thực.....**112.1.1**.....Quyển số: 01.SCT/CK

Tại Phòng Tư pháp Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2013

Trưởng Phòng Tư pháp



*Đỗ Thị Thu Thủy*

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Lý Văn Ngoan
2. **Giới tính:** Nam
3. **Ngày sinh:** 06/10/1979
4. **Nơi sinh:** Bến Tre
5. **Nguyên quán:** Ấp Phú Tây – xã An Định – huyện Mỏ Cày Nam – Bến Tre.

### 6. Đơn vị công tác:

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Phòng Đào tạo  
Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Khảo thí, Tuyển sinh, Liên kết đào tạo.

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ Năm đạt học vị: 2009

### 8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....  
Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

### 9. Chức danh nghiên cứu: .....

10. **Chức vụ:** Phó trưởng Phòng Đào tạo

### 11. Liên lạc:

| TT |                 | Cơ quan                                                                                               | Cá nhân                                                                              |
|----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Địa chỉ         | Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06 đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | Số 23/15/18, đường Đoàn Thị Liên, khu 2, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương |
| 2  | Điện thoại/ fax | 0650.3821.491                                                                                         | 0902.908.430                                                                         |
| 3  | Email           | daotao@tdmu.edu.vn                                                                                    | ngoanlv@tdmu.edu.vn                                                                  |

**12. Trình độ ngoại ngữ:**

| TT | Tên ngoại ngữ | Nghe |     |    | Nói |     |    | Viết |     |    | Đọc hiểu tài liệu |     |    |
|----|---------------|------|-----|----|-----|-----|----|------|-----|----|-------------------|-----|----|
|    |               | Tốt  | Khá | TB | Tốt | Khá | TB | Tốt  | Khá | TB | Tốt               | Khá | TB |
| 1  | Tiếng Pháp    |      |     | X  |     |     | X  |      |     | X  |                   |     |    |
| 2  |               |      |     |    |     |     |    |      |     |    |                   |     |    |

**13. Thời gian công tác:**

| Thời gian        | Nơi công tác                              | Chức vụ                          |
|------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|
| Từ 2002 đến 2009 | Trường THPT An Thới, Mỏ Cày Nam, Bến Tre. | Giáo viên                        |
| Từ 2010 nay      | Trường Đại học Thủ Dầu Một – Bình Dương   | Phó trưởng Phòng Đào tạo đại học |

**14. Quá trình đào tạo:**

| Bậc đào tạo      | Thời gian   | Nơi đào tạo                     | Chuyên ngành     | Tên luận án tốt nghiệp                                                                          |
|------------------|-------------|---------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đại học          | 1998 – 2002 | Đại học Cần Thơ                 | Lịch sử          | Thi Tốt nghiệp                                                                                  |
| Thạc sĩ          | 2006 – 2009 | Trường Đại học KHXH & VN Tp.HCM | Lịch sử thế giới | Công cuộc cải tổ ở Liên Xô (1985 – 1991) - bài học kinh nghiệm cho công cuộc Đổi mới ở Việt Nam |
| Tiến sĩ          | 2016 – 2020 | Đại học Sư phạm Tp. HCM         | Lịch sử Việt Nam | Đang theo học năm thứ 2                                                                         |
| Tiến sĩ Khoa học |             |                                 |                  |                                                                                                 |

**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

| Văn bằng/ Chứng chỉ | Thời gian | Nơi đào tạo              | Tên khóa đào tạo                              |
|---------------------|-----------|--------------------------|-----------------------------------------------|
| Chứng chỉ           | 2010      | Đại học KHXH & NV Hà Nội | Lớp Bồi dưỡng Giảng viên tư tưởng Hồ Chí Minh |

**16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**

**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: Lịch sử



- Chuyên ngành: Lịch sử thể giới

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Quan hệ Quốc tế
2. Chính trị Quốc tế

**II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO**

**1. Đề tài/ dự án:**

| TT | Tên đề tài/ dự án                                    | Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình | Thời gian thực hiện | Kinh phí (triệu đồng) | Chủ nhiệm/ Tham gia | Ngày nghiệm thu | Kết quả |
|----|------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|-----------------|---------|
| 1  | Chủ nghĩa xã hội – những vấn đề lý luận và thực tiễn | Cấp trường                              | 01 năm              | 20.000.000            | Tham gia            | 06/9/2014       | Khá     |

**2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh: Không có**

| TT | Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh | Tên luận văn/ luận án | Năm tốt nghiệp | Bậc đào tạo | Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ) | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|---------------------------------------|-----------------------|----------------|-------------|-----------------------------------|--------------------------------------------|
| 1  |                                       |                       |                | Thạc sỹ     |                                   |                                            |
| 2  |                                       |                       |                | Tiến sỹ     |                                   |                                            |
|    |                                       |                       |                |             |                                   |                                            |

**III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ**

**1. Sách:**

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

| TT | Tên sách | Nhà xuất bản | Năm xuất bản | Tác giả/ đồng tác giả | Bút danh | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|----------|--------------|--------------|-----------------------|----------|--------------------------------------------|
| 1  |          |              |              |                       |          |                                            |
| 2  |          |              |              |                       |          |                                            |

**1.2. Sách xuất bản trong nước:**

| TT | Tên sách | Nhà xuất bản | Năm xuất bản | Tác giả/đồng tác giả | Bút danh | Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|----------|--------------|--------------|----------------------|----------|-------------------------------------------|
| 1  |          |              |              |                      |          |                                           |
| 2  |          |              |              |                      |          |                                           |

**2. Các bài báo:**

**2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:**

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản | Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không) | Điểm IF | Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|-------------------------------------------|
| 1  |                                                                                             |                                           |         |                                           |
| 2  |                                                                                             |                                           |         |                                           |

**2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:**

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản                                             | Số hiệu ISSN | Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số) | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------|---------|
| 1  | Lý Văn Ngoan: "Quan hệ thương mại giữa tỉnh Tây Ninh với Campuchia từ 2010 đến 2015". Tạp chí khoa học Đại học Sài Gòn tháng 8 năm 2016 | 1859-3208    |                                           |         |
| 2  |                                                                                                                                         |              |                                           |         |

**2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/Hội thảo Quốc tế:**

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức | Số hiệu ISBN | Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số) | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------|---------|
| 1  |                                                                                  |              |                                           |         |
| 2  |                                                                                  |              |                                           |         |

**2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):**

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>                                                                                                                                                                                       | <i>Số hiệu ISBN</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|----------------|
| 1         | Lý Văn Ngoan: “Tây Ninh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 ở miền Nam”. Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “50 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân (1968 – 2018) giá trị lý luận và thực tiễn”, Tổ chức ngày 26/01/2018 tại Trường Đại học Thủ Dầu Một |                     |                                                   |                |
| 2         |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                     |                                                   |                |

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

| <i>TT</i> | <i>Tên giải thưởng</i> | <i>Nội dung giải thưởng</i> | <i>Nơi cấp</i> | <i>Năm cấp</i> |
|-----------|------------------------|-----------------------------|----------------|----------------|
| 1         |                        |                             |                |                |
| 2         |                        |                             |                |                |

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế:

| <i>TT</i> | <i>Tên bằng</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Số hiệu</i> | <i>Năm cấp</i> | <i>Nơi cấp</i> | <i>Tác giả/ đồng tác giả</i> |
|-----------|-----------------|---------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|------------------------------|
| 1         |                 |                                                   |                |                |                |                              |
| 2         |                 |                                                   |                |                |                |                              |

##### 3. Bằng giải pháp hữu ích:

| <i>TT</i> | <i>Tên giải pháp</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Số hiệu</i> | <i>Năm cấp</i> | <i>Nơi cấp</i> | <i>Tác giả/ đồng tác giả</i> |
|-----------|----------------------|---------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|------------------------------|
| 1         |                      |                                                   |                |                |                |                              |
| 2         |                      |                                                   |                |                |                |                              |

##### 4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:



| TT | Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao | Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng | Năm chuyển giao | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|-------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------|
| 1  |                                                 |                                    |                 |                                            |
| 2  |                                                 |                                    |                 |                                            |

## V. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

| TT | Thời gian | Tên chương trình | Chức danh |
|----|-----------|------------------|-----------|
|    |           |                  |           |
|    |           |                  |           |

### 2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

| TT | Thời gian | Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo | Chức danh |
|----|-----------|-------------------------------------------|-----------|
|    |           |                                           |           |
|    |           |                                           |           |

### 3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

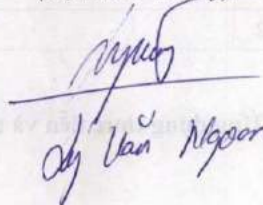
| TT | Thời gian | Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu | Nội dung tham gia |
|----|-----------|------------------------------------------------|-------------------|
|    |           |                                                |                   |
|    |           |                                                |                   |

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
  
PGS-TS. Hoàng Trọng Quyền

Bình Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người khai  
(Họ tên và chữ ký)

  
Nguyễn Văn Ngọc

BẢN SAO

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

Master of Arts  
WORLD HISTORY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CẤP

Bằng Thạc sĩ  
Tịch sử thế giới

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
UPON : **LY VAN NGOAN** ..... Số chứng thực: **20.8.2** ..... CHO: **Lý Văn Ngoan** .....  
BORN ON : **Oct 6th 1979** IN : **Ben Tre** ..... Quyền số **21** ..... TP/CC-SCT/SGT  
GRADUATED ON : **November 14th 2008** ..... Ngày **18** tháng **06** năm **2010** ..... SINH NGÀY : **06.10.1979** TẠI : **Bến Tre** .....  
CHỦ TỊCH UBND XÃ AN GIANG VỆ LUẬN AN NGÀY : **14** THÁNG **11** NĂM **2009**

Số đăng ký : **43-10** .....  
(Registration N°)

XM: **01095/71KH2**



TP. Hồ Chí Minh, ngày **30** tháng **06** năm **2010**



PGS.TS. Võ Văn Sơn

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

2. .... Mức độ sử dụng: .....
3. .... Mức độ sử dụng: .....

### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian            | Nơi công tác                                                                                   | Công việc đảm nhiệm    |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| Từ 2012 đến 2014     | Khoa Khoa học chính trị - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội | Trợ giảng              |
| Từ 6/2015 đến 6/2016 | Khoa Lịch sử - Trường Đại học Thủ Dầu Một                                                      | Trợ lý NCKH, trợ giảng |
| Từ 6/2016 đến nay    | Khoa Lịch sử - Trường Đại học Thủ Dầu Một                                                      | Giảng viên             |

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu          | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|--------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Triết lý chính trị Hồ Chí Minh | 2015 - 2016                | Đại học Quốc gia Hà Nội            | Thành viên                        |

2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                        | Năm công bố | Tên tạp chí               |
|----|-------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|
| 1  | Hồ Chí Minh với vấn đề nhân tài                       | 2010        | Tạp chí Lịch sử Đảng      |
| 2  | Bốn chữ “thật” trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh | 2013        | Tạp chí Lý luận chính trị |



|    |                                                                                                                                   |      |                                                         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------|
|    | Mình về xây dựng Đảng cầm quyền                                                                                                   |      |                                                         |
| 3  | Văn hóa – Một cách hiểu của Hồ Chí Minh trong Nhật ký trong tù                                                                    | 2013 | Tạp chí Nhịp cầu tri thức                               |
| 4  | Giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay                                                           | 2013 | Tạp chí Tuyên giáo                                      |
| 5  | Tăng cường sự tham gia chính trị của phụ nữ                                                                                       | 2014 | Trang thông tin điện tử Nhà xuất bản Chính trị quốc gia |
| 6  | Biến đổi cơ cấu xã hội – nghề nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế                    | 2015 | Tạp chí Xã hội học                                      |
| 7  | Phát triển kinh tế biển bền vững ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long trước biến đổi khí hậu                                        | 2015 | Tạp chí Tuyên giáo                                      |
| 8  | Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong cách mạng tháng Tám 1945 – Minh chứng của triết lý Hồ Chí Minh về chủ thể chính trị | 2015 | Tạp chí Khoa học xã hội TP HCM                          |
| 9  | Mối quan hệ giữa đảng chính trị và nhóm lợi ích trong nền chính trị Đức hiện đại                                                  | 2015 | Tạp chí Lý luận chính trị                               |
| 10 | Chống chủ nghĩa khủng bố - một thách thức trong tiến trình hình thành cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN                         | 2015 | Tạp chí Sinh hoạt lý luận                               |

|    |                                                                                                |      |                                     |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------------------------------|
| 11 | Mahatma Gandhi và Hồ Chí Minh – Tiếp cận so sánh triết học chính trị                           | 2016 | Tạp chí Cộng sản điện tử            |
| 12 | Triết lý chính trị Hồ Chí Minh: Cấu trúc, đặc điểm và giá trị                                  | 2016 | Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 13 | Sức mạnh của nhóm lợi ích truyền thông trong nền chính trị Mỹ hiện đại                         | 2016 | Tạp chí Lý luận chính trị           |
| 14 | Tác động của nhóm lợi ích giáo dục đến chính sách giáo dục ở Mỹ hiện nay                       | 2016 | Tạp chí Châu Mỹ ngày nay            |
| 15 | Nhận diện liên kết đảng chính trị - nhóm lợi ích trong nền chính trị Anh hiện đại              | 2016 | Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp  |
| 16 | Siêu ủy ban hành động chính trị - Sức mạnh mới của các nhóm lợi ích trong bầu cử ở Mỹ hiện nay | 2017 | Tạp chí Châu Mỹ ngày nay            |

Bình Dương, ngày 11 tháng 04 năm 2018.

Xác nhận của cơ quan



TL. HIỆU TRƯỞNG  
TP. TỔ CHỨC

Huỳnh Công Danh

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Phan Duy Anh



|                                                                                                                                                                                               |                                   |                                                                                                                                                               |                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM<br>Independence - Freedom - Happiness                                                                                                                           |                                   | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc                                                                                             |                     |
| VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI<br>RECTOR<br>VNU University of Social Sciences and Humanities<br>Confers                                                                                   |                                   | ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI<br>HIỆU TRƯỞNG<br>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn<br>Cấp                                                                   |                     |
| <b>THE DEGREE OF MASTER</b>                                                                                                                                                                   |                                   | <b>BẰNG THẠC SĨ</b>                                                                                                                                           |                     |
| In: <i>Politics</i>                                                                                                                                                                           | CHỨNG THỰC                        | Ngành: <i>Chính trị học</i>                                                                                                                                   |                     |
| Upon: <i>Mr. Phan Duy Anh</i>                                                                                                                                                                 | SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH                | Cho: <i>Ông Phan Duy Anh</i>                                                                                                                                  |                     |
| Date of birth: <i>14 July 1990</i>                                                                                                                                                            | NGÀY 24-02-2015                   | Sinh ngày: <i>14/7/1990</i>                                                                                                                                   | Tại: <i>Nghệ An</i> |
| Place of birth: <i>Nghệ An</i>                                                                                                                                                                | Số <i>11</i> Quyền <i>1</i> CT-BS | Hà Nội ngày 22 tháng 01 năm 2015                                                                                                                              |                     |
|  Award holder's signature:  |                                   |  GS-TS Nguyễn Văn Khánh<br>QĐ công nhận học vị và cấp bằng ngày 31/12/2014 |                     |
| HỒ VIỆT THANH                                                                                                                                                                                 |                                   | Số vào sổ: <i>3011CT/14</i> Số hiệu bằng: <i>01 022309</i>                                                                                                    |                     |



|                             |                                     |                                                                                                        |
|-----------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                             | Một                                 | cộng sản Việt Nam                                                                                      |
| Từ tháng 8 năm 2014 đến nay | Khoa Sử, Trường Đại học Thủ Dầu Một | Giảng dạy: Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, các môn học thuộc chuyên ngành Lịch sử Đảng |

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                                                                | Năm công bố | Tên tạp chí                           |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------|
| 1  | Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong bối cảnh hội nhập thị trường kinh tế ASEAN. Thực trạng và giải pháp. | 3/2016      | Tạp chí Trường Đại học Trà Vinh       |
| 2  | Chính quyền địa phương trong phân cấp quản lý nhà nước hiện nay.                                              | 11/2016     | Tạp chí Lý luận chính trị số          |
| 3  | Tâm vóc và giá trị lịch sử của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trong giải phóng dân tộc.   | 2015        | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế               |
| 4  | Một số giải pháp nhằm nâng cao tính tích cực                                                                  | 2015        | Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia |



|   |                                                                                                                                                        |      |                                       |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------|
|   | <i>dạy-học các môn Lý luận chính trị ở trường Đại học, cao đẳng thời kỳ Hội nhập quốc tế.</i>                                                          |      |                                       |
| 5 | <i>Nguyên cơ chiến tranh và ngăn ngừa khả năng chiến tranh của nước Việt Nam dân chủ công hòa giai đoạn 1945-1946</i>                                  | 2015 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường   |
| 6 | <i>Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.</i>                  | 2015 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường   |
| 7 | <i>Một số suy nghĩ về vai trò của chính quyền địa phương trong phân cấp quản lý hành chính ở nước ta hiện nay theo tinh thần Đại hội XII của Đảng.</i> | 2016 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia |
| 8 | <i>Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chính quyền địa phương ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.</i>                                            | 2016 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường   |
|   | <i>Phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương-địa phương của chính quyền tỉnh Bình Dương từ năm 1997 đến nay: Thành tựu và bài học</i>                  | 2016 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia |

|    |                                                                                               |      |                                       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------|
| 9  | Vai trò của chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước ở Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế | 2017 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia |
| 10 | Mâu thuẫn 19968 – Nghệ thuật chiến lược của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước          | 2018 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia |

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Xác nhận của cơ quan

Người khai ký tên



TL. HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Công Danh

ThS. Nguyễn Hữu Hào

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES  
HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

*Master of Arts*

VIETNAMESE COMMUNIST PARTY HISTORY

UPON :... NGUYEN HUU HAO .....  
BORN ON : Mar. 19th. 1981 . IN : Ha Bac .....  
GRADUATED ON : May 26th. 2010 .....

Số đăng ký : 223.10.  
(Registration N°)

XM: 01278/71KH2.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
CẤP

*Bằng Thạc sĩ*

*Tịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*

CHO : *Nguyễn Hữu Hào* .....  
SINH NGÀY 19.03.1981. TẠI : *Hà Bắc* .....  
BẢO VỆ LUẬN ÁN NGÀY 26... THÁNG 05. NĂM 2010

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28. tháng 10. năm 2010



HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Sơn



## LÝ LỊCH KHOA HỌC

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Huỳnh Tâm Sáng

2. **Giới tính:** Nam

3. **Ngày sinh:** 05/02/1990

4. **Nơi sinh:** Tây Ninh

5. **Nguyên quán:** Tây Ninh

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận:

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Viện Phát triển Chiến lược

7. **Học vị cao nhất:** Cử nhân      Năm đạt học vị: 2012

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

|  |  |
|--|--|
|  |  |
|  |  |

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:** Nghiên cứu viên

10. **Chức vụ:** Chuyên viên.....

11. **Liên lạc:**

| TT |                 | Cơ quan                                                                                                                                                 | Cá nhân                                                                   |
|----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Địa chỉ         | Viện Phát triển Chiến lược, Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.<br><br>Số 06 Trần Văn Ôn, Phường Phú Hòa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. | Số 65/7/13, Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. |
| 2  | Điện thoại/ fax | 0650 3837800                                                                                                                                            | 0974433209                                                                |
| 3  | Email           | { HYPERLINK "https://tdmu.edu.vn/" }                                                                                                                    | { HYPERLINK "mailto:huynhtamsang@gmail.com" }                             |

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

| TT | Tên ngoại ngữ | Nghe |     |    | Nói |     |    | Viết |     |    | Đọc hiểu tài liệu |     |    |
|----|---------------|------|-----|----|-----|-----|----|------|-----|----|-------------------|-----|----|
|    |               | Tốt  | Khá | TB | Tốt | Khá | TB | Tốt  | Khá | TB | Tốt               | Khá | TB |
| 1  | Tiếng Anh     | Tốt  |     |    | Tốt |     |    | Tốt  |     |    | Tốt               |     |    |
| 2  |               |      |     |    |     |     |    |      |     |    |                   |     |    |

### 13. Thời gian công tác:

| Thời gian         | Nơi công tác                                                                   | Chức vụ     |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1/2013<br>1/2014  | Khoa Quan hệ Quốc tế - Trường Đại học KHXH&NV TP.HCM                           | Chuyên viên |
| 7/2014<br>7/2015  | Khoa Sử - Trường Đại học Thủ Dầu Một                                           | Giảng viên  |
| 7/2015<br>2/2017  | Ban đề án Nghiên cứu khoa học về miền Đông Nam Bộ - Trường Đại học Thủ Dầu Một | Chuyên viên |
| 3/2017<br>11/2017 | Viện Đông Nam Bộ học - Trường Đại học Thủ Dầu Một                              | Chuyên viên |
| 12/2017 – nay     | Viện Phát triển Chiến lược - Trường Đại học Thủ Dầu Một                        | Chuyên viên |

### 14. Quá trình đào tạo:

| Bậc đào tạo      | Thời gian | Nơi đào tạo                                                                    | Chuyên ngành     | Tên luận án tốt nghiệp                                              |
|------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Đại học          | 2008-2012 | Khoa Quan hệ Quốc tế - Trường ĐH KHXH&NV TP.HCM                                | Quan hệ quốc tế  | BIÊN ĐỒNG TRONG CHIẾN LƯỢC TRỞ THÀNH CƯỜNG QUỐC BIÊN CỦA TRUNG QUỐC |
| Thạc sỹ          |           |                                                                                |                  |                                                                     |
| Tiến sỹ          | 2014-2018 | Khoa Sử học - Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam | Lịch sử thế giới | QUAN HỆ AUSTRALIA - VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 1991-2013              |
| Tiến sỹ Khoa học |           |                                                                                |                  |                                                                     |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

| <i>Văn bằng/<br/>Chứng chỉ</i> | <i>Thời gian</i> | <i>Nơi đào tạo</i> | <i>Tên khóa đào tạo</i> |
|--------------------------------|------------------|--------------------|-------------------------|
|                                |                  |                    |                         |
|                                |                  |                    |                         |
|                                |                  |                    |                         |
|                                |                  |                    |                         |

**16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu**

*11.1 Lĩnh vực chuyên môn:*

- **Lĩnh vực:** Khoa học Xã hội
- **Chuyên ngành:** Quan hệ Quốc tế
- **Chuyên môn:**

*11.2 Hướng nghiên cứu:*

1. Quan hệ quốc tế tại Đông Á.
2. Quan hệ quốc tế của Australia.
3. An ninh châu Á - Thái Bình Dương.
4. Địa chính trị.

**II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY**

**1. Đề tài/dự án**

| <i>TT</i> | <i>Tên đề tài/dự án</i>                                                | <i>Mã số &amp;<br/>cấp quản lý</i>                             | <i>Thời<br/>gian<br/>thực<br/>hiện</i> | <i>Kinh phí<br/>(triệu đồng)</i> | <i>Chủ<br/>nhiệm<br/>/Tham gia</i> | <i>Ngày<br/>nghiệm<br/>thu</i> | <i>Kết<br/>quả</i> |
|-----------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|--------------------|
| 1         | Sự hiện diện của các cường quốc tại Biển Đông và tác động đến Việt Nam | T2013-04,<br>Trường Đại học KHXH&NV – Đại học Quốc gia TP.HCM. | 1/2013-1/2014                          | 30 triệu                         | Tham gia                           | 29/5/2014                      | Tốt                |
| 2         | Sự hình thành và phát triển xung đột sắc tộc dưới góc                  | Trường Đại học                                                 | 4/2014-4/2015                          | 15 triệu                         | Tham gia                           | 28/5/2015                      | Tốt                |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

|   |                                                                          |                                       |           |  |                |           |     |
|---|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------|--|----------------|-----------|-----|
|   | nhìn của chủ nghĩa kiến tạo xã hội: Trường hợp chiến tranh Lybia (2011). | KHXX&NV<br>– Đại học Quốc gia TP.HCM. |           |  |                |           |     |
| 3 | Biển đảo Nam Bộ trong quá trình phát triển và hội nhập                   | Đại học Thủ Dầu Một                   | 2015-2016 |  | Đồng chủ nhiệm | 1/11/2016 | Tốt |

## 2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

| TT | Tên SV, HVCH, NCS | Tên luận án | Năm tốt nghiệp | Bậc đào tạo | Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|-------------------|-------------|----------------|-------------|-------------------------------------------|
| 1  |                   |             |                | Đại học     |                                           |
| 2  |                   |             |                | Thạc sĩ     |                                           |
|    |                   |             |                | Tiến sĩ     |                                           |

## III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

### 1. Sách

#### 1.1 Sách xuất bản Quốc tế

| TT | Tên sách | Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số) | Nhà xuất bản | Năm xuất bản | Tác giả/đồng tác giả | Bút danh |
|----|----------|-------------------------------------------|--------------|--------------|----------------------|----------|
| 1  |          |                                           |              |              |                      |          |
| 2  |          |                                           |              |              |                      |          |

#### 1.2. Sách xuất bản trong nước

| TT | Tên sách                                                            | Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số) | Nhà xuất bản                     | Năm xuất bản | Tác giả/đồng tác giả | Bút danh |
|----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|--------------|----------------------|----------|
| 1  | Hợp tác ở Biển Đông từ góc nhìn Quan hệ Quốc tế                     |                                           | Văn hóa – Văn nghệ               | 2014         | Đồng tác giả         |          |
| 2  | Biển Đông trong chiến lược trở thành cường quốc biển của Trung Quốc |                                           | Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh | 2015         | Tác giả              |          |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

|   |                                                                           |                                  |      |               |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|---------------|--|
| 3 | Sự hiện diện của các cường quốc ở Biển Đông từ góc nhìn Quan hệ Quốc tế   | Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh | 2015 | Đồng tác giả  |  |
| 4 | Ấn Độ với Đông Nam Á trong bối cảnh quốc tế mới                           | Văn hóa – Văn nghệ               | 2016 | Đồng tác giả  |  |
| 5 | Đông Á và Việt Nam trong thế kỷ XXI: Những vấn đề Chính trị - Kinh tế     | Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh | 2016 | Đồng tác giả  |  |
| 6 | Biển đảo Nam Bộ trong quá trình phát triển và hội nhập                    | Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh | 2017 | Đồng chủ biên |  |
| 7 | Góc nhìn cận cảnh: Thế giới và Biển Đông sau phán quyết của Tòa Trọng tài | Văn hóa – Văn nghệ               | 2017 | Đồng tác giả  |  |
| 8 | Gia Định Báo - Tờ báo Việt ngữ đầu tiên                                   | Văn hóa – Văn nghệ               | 2017 | Đồng tác giả  |  |
| 9 | Xuân Mậu Thân 1968 - Tầm vóc một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy           | Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh | 2018 | Đồng tác giả  |  |

## 2. Các bài báo

### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản                                                                                                                                                                                                                   | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không) | Điểm IF |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|
| 1  | Huynh Tam Sang (with Truong Minh Huy Vu), <i>Joint Development Possibilities in the South China Sea: a Vietnamese Perspective</i> , East Asia Policy, Volume 6, Number 2, Apr/Jun 2014, pp. 117-123, DOI: <a href="https://doi.org/10.1142/S179393051400021X">https://doi.org/10.1142/S179393051400021X</a> . |                                            | 1793-9305                                 |         |
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                            |                                           |         |

### 2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản                                                                   | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu ISSN | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------|---------|
| 1  | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Vai trò của ngoại giao trong việc thúc đẩy quan hệ kinh tế Việt Nam - Lào</i> , Tập san Khoa học Xã hội và Nhân văn, Số 59, 2013, tr. 236- |                                            |              |         |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }



|      |                                                                                                                                                                                                         |           |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 247. |                                                                                                                                                                                                         |           |  |
| 2    | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Trương Minh Huy Vũ), <i>Vai trò của liên minh Mỹ - Nhật trong quá trình "thể chế hóa" tranh chấp Biển Đông</i> , Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, Số 3 (192) – 2014, tr. 23-31. | 0868-3654 |  |
| 3    | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Trương Minh Huy Vũ), <i>Nhật Bản trong quá trình "thể chế hóa" tranh chấp Biển Đông</i> , Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, Số 6 (160) – 2014, tr. 10-18.                   | 0868-3646 |  |
| 4    | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Quá trình "Ấn Độ hóa" trong lịch sử Đông Nam Á – tiếp cận từ cơ sở "bản địa hóa"</i> , Tập san Khoa học Lịch sử, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Bình Dương, Số 35 – 7/2014, tr. 20-26.    |           |  |
| 5    | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Trung Quốc và tham vọng xây dựng đảo nhân tạo ở Biển Đông</i> , Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, Số 3 (169) - 2015, tr. 11-19.                                                         | 0868-3646 |  |
| 6    | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Việt Nam trong "Chính sách hướng Á" của Australia từ đầu thế kỷ XXI đến nay</i> , Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn, Số 15 (40) – Tháng 4/2016, tr. 62-72.                            | 1859-3208 |  |
| 7    | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Biển Đông trong quan hệ Ấn Độ - ASEAN từ năm 2009 đến nay</i> , Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, Số 6 (43) – 2016, tr. 9-17.                                                      | 0866-7314 |  |
| 8    | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Hoạt động ngoại giao văn hóa Australia – Việt Nam từ đầu thế kỷ XXI đến nay</i> , Tạp chí Khoa học xã hội, Số 214 – 06/2016, tr. 42-56.                                              | 1859-0136 |  |
| 9    | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Quan hệ thương mại Australia – Việt Nam từ đầu thế kỷ 21 đến nay</i> , Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, Số 9 (46) – 2016, tr. 61-69.                                              | 0866-7314 |  |
| 10   | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Quan hệ chính trị - ngoại giao Australia - Việt Nam từ sau Chiến tranh lạnh đến nay</i> , Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn, Số 23 (48) – Tháng 12/2016, tr. 126-138.                 | 1859-3208 |  |
| 11   | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Quan hệ Đối tác toàn diện Australia – Việt Nam - Thành tựu và triển vọng</i> , Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, Số 1 (50) – 2017, tr. 30-37.                                      | 0866-7314 |  |
| 12   | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Sáng kiến Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI của Trung Quốc và phản ứng của Ấn Độ</i> , Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, Số 3 (52) – 2017, tr. 10-19.                          | 0866-7314 |  |
| 13   | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Australia can dự vào biển Đông - Tiếp cận từ lý thuyết cân bằng rủi ro và hàm ý cho quan hệ Australia - Việt Nam</i> , Tạp chí Nghiên cứu                                            | 0866-7314 |  |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }



|    |                                                                                                                                                                                                        |  |           |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------|--|
|    | Ấn Độ và châu Á, Số 8 (57) – 2017, tr. 34-41.                                                                                                                                                          |  |           |  |
| 14 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Hoàng Văn Tuấn), <i>Hợp tác an ninh - quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ trong bối cảnh châu Á mới</i> , Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, Số 10 (59) – 2017, tr. 67-73.     |  | 0866-7314 |  |
| 15 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Những lựa chọn cho Australia trong việc thúc đẩy an ninh Biển Đông</i> , Tạp chí phát triển khoa học và công nghệ, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Tập 20, Số X1-2017, tr. 15-28. |  | 2588-1043 |  |

### 2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu ISBN  | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------|---------|
| 1  | Huynh Tam Sang (with Truong Minh Huy Vu), <i>A leader with or without followers? Analyzing China's cooperative initiatives in marine resource governance of the South China Sea</i> , “3rd International Conference on International Relations and Development (ICIRD 2013)”, 22-23 August 2013, Chulalongkorn University, Bangkok, Thailand.                                       |                                            |               |         |
| 2  | Huynh Tam Sang (with Truong Minh Huy Vu), <i>The role of Japan in conflict management in the East Sea disputes</i> , “Conference of Japan in the Age of Asia”, 08 September 2013, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi.                                                                                                                 |                                            | 9786047707812 |         |
| 3  | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Cải cách giáo dục đại học Nhật Bản trong tiến trình hội nhập quốc tế: Bài học cho Việt Nam</i> , Hội thảo khoa học quốc tế “Quan hệ hợp tác Việt – Nhật và vấn đề giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực”, 19/10/2013, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp. Hồ Chí Minh.                                                                                             |                                            |               |         |
| 4  | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Trương Minh Huy Vũ), <i>Vai trò của Nhật Bản trong quản lý tranh chấp tại Biển Đông và hàm ý cho Việt Nam</i> , Hội thảo khoa học quốc tế “40 năm quan hệ Việt Nam – Nhật Bản – thành quả và triển vọng và Đào tạo nguồn nhân lực Nhật Bản – Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, 8 và 9/11/2013, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh. |                                            |               |         |
| 5  | Huynh Tam Sang (with Truong Minh Huy Vu), <i>The role of ASEAN in conflict management in the East Sea disputes</i> , The 5th “Engaging with Vietnam - An                                                                                                                                                                                                                            |                                            |               |         |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |                   |          |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------|----------|
|    | Interdisciplinary Dialogue" Conference, Integrating Knowledge: The Multiple ways of knowing Vietnam, 16 <sup>th</sup> and 17 <sup>th</sup> December, 2013, Thai Nguyen, Vietnam.                                                                                                                                                                                                                                    |  |                   |          |
| 6  | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Trần Nam Tiến), <i>Đóng góp của Việt Nam trong tiến trình hình thành Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC)</i> , Hội thảo khoa học Quốc tế "Cộng đồng ASEAN sau 2015: Cơ hội và Thách thức" (ASEAN Community after 2015: Opportunities and Challenges), 15/5/2015, Đại học Duy Tân, thành phố Đà Nẵng.                                                                          |  |                   |          |
| 7  | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Việt Nam trong tương quan quan hệ Ấn Độ - ASEAN từ đầu thế kỷ XXI - nay</i> , Hội thảo khoa học Quốc tế "Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ - ASEAN: Thực trạng và triển vọng", 29-30/9/2015, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.                                                                                                                                                  |  |                   |          |
| 8  | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Võ Minh Tập), <i>Hợp tác văn hoá Nhật Bản - Việt Nam từ đầu thế kỷ XXI đến nay - Thành tựu và triển vọng</i> , Hội thảo quốc tế "Văn hoá Việt Nam và Nhật Bản: Hội nhập và phát triển", 11/12/2015, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh, Cơ sở Linh Trung - Thủ Đức.                                                                                          |  |                   |          |
| 9  | Huỳnh Sang, <i>Indonesia &amp; Vietnam Cultural Diplomacy in the 21st Century - Achievements and Prospects</i> , The 1st Asian Researchers Symposium "Asian Role in Sustainable World", 25-26 April 2016, Universitas Indonesia.                                                                                                                                                                                    |  |                   |          |
| 10 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Trần Nam Tiến), <i>Những tác động từ phán quyết của Tòa trọng tài thương mại (PCA) về vụ Philippines kiện Trung Quốc đối với cộng đồng quốc tế, khu vực và Việt Nam</i> , Hội thảo quốc tế "Những vấn đề pháp lý liên quan đến phán quyết của Tòa trọng tài thành lập theo Phụ lục VII Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) 1982", 23/7/2016, Đại học Luật, TP. Hồ Chí Minh. |  |                   |          |
| 11 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Biển Đông trong quan hệ Ấn Độ - ASEAN từ năm 2009 đến nay và những giá trị tham khảo cho Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn "thể chế hóa"</i> , Hội thảo khoa học quốc tế "Việt Nam-Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới", 25/8/2016, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.                                                                                                                 |  |                   |          |
| 12 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Hợp tác văn hóa Thái Lan - Việt Nam từ đầu thế kỷ XXI đến nay</i> , Hội thảo khoa học                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  | 978-604-73-5397-2 | Tr. 251- |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |                   |                    |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------|--------------------|
|    | quốc tế “Việt Nam – Thái Lan: xây dựng quan hệ đối tác chiến lược vững chắc thời kỳ hội nhập quốc tế và liên kết khu vực”, 16/12/2016, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh.                                                                                                                        |  |                   | 267                |
| 13 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Biển Đông trong hợp tác Ấn Độ - Việt Nam: Tiếp cận từ lý thuyết viễn cảnh</i> , Hội thảo khoa học quốc tế “Việt Nam - Ấn Độ: 45 năm Quan hệ ngoại giao và 10 năm Đối tác chiến lược”, 21/3/2017, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (tại Hà Nội).                                                 |  | 978-604-901-823-7 | Tr.<br>436-<br>445 |
| 14 | Huynh Tam Sang, <i>Taiwan's Integration with Southeast Asia under the Prospect Theory Approach and Implications for Taiwan-ASEAN Relations</i> , 2017 Annual Conference on Southeast Asian Studies in Taiwan (2017 ACSEAST), from 2nd to 3rd June 2017, National Chi Nan University, Taiwan.                              |  |                   |                    |
| 15 | Huynh Tam Sang, <i>The South China Sea issue in Australia – Vietnam relations since 2007 and some suggestions for Australia to promote security in the South China Sea</i> , International Conference on International Relations and Development” (ICIRD 2017), from 23 to 24 June, 2017, Thammasat University, Thailand. |  |                   |                    |
| 16 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Nhân tố văn hóa trong quan hệ Ấn Độ - Việt Nam - góc nhìn lịch sử và thời đại</i> , Hội thảo khoa học quốc tế “Sức mạnh mềm Ấn Độ - Sức mạnh mềm Việt Nam trong bối cảnh khu vực hóa và toàn cầu hóa”, 19/12/2017, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (tại Hà Nội).                               |  |                   |                    |
| 17 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Hoàng Văn Tuấn), <i>Hợp tác văn hóa Việt Nam – Lào trong thế kỷ XXI: Thành tựu và triển vọng</i> , Hội thảo khoa học quốc tế “Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống Việt – Lào trong quá trình hội nhập quốc tế”, 29/12/2017, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.           |  | 978-604-57-3684-5 | Tr.<br>697-<br>714 |

#### 2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị trong nước

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức                                                                                                                                       | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu ISBN | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------|---------|
| 1  | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Trương Minh Huy Vũ), <i>Vai trò của liên minh Mỹ - Nhật trong quản lý xung đột tại Biển Đông</i> , Hội thảo khoa học “Vai trò của Mỹ trong trật tự mới ở khu vực châu Á – Thái |                                            |              |         |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |  |                      |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--|----------------------|
|   | Bình Dương: thực trạng và dự báo”, 23/10/2013, Khoa Quan hệ Quốc tế, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh.                                                                                                                                                         |                   |  |                      |
| 2 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 qua đánh giá của các học giả phương Tây</i> , Hội thảo khoa học “Từ chiến thắng Điện Biên Phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - những giá trị trường tồn”, 05/05/2014, Trường Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh. | 97860458113<br>82 |  | Trang<br>237-<br>247 |
| 3 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Góp phần tìm hiểu vai trò của Liên Xô trong hội nghị Genève 1954</i> , Hội thảo khoa học quốc gia “Chiến thắng Điện Biên Phủ: Những vấn đề lịch sử”, 06/05/2014, Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.                                                         | 97860473253<br>13 |  | Trang<br>98-110      |
| 4 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Chủ nghĩa vị nữ trong quan hệ quốc tế - Những luận điểm cơ bản</i> , Hội thảo “Thông báo kết quả nghiên cứu khoa học 2014”, 17/7/2014, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, TP. Hồ Chí Minh.                                                                      |                   |  |                      |
| 5 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Nước Mỹ trước và sau năm 1975 – Nhìn từ giá trị của chiến thắng lịch sử 30-4-1975</i> , Hội thảo khoa học “Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giá trị của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam”, 24/4/2015, Khoa Khoa học Chính trị, Đại học Cần Thơ.                        |                   |  |                      |
| 6 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Hợp tác văn hoá giữa Trung Quốc và Việt Nam từ đầu thế kỷ XXI đến nay: Kết quả và tác động</i> , Hội thảo khoa học “Quan hệ Việt Nam và Trung Quốc trong bối cảnh mới”, 7/8/2015, Trường Đại học Kinh tế - Luật - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.      |                   |  |                      |
| 7 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Giảng dạy và nghiên cứu về giới ở các trường đại học Việt Nam – Máy gợi ý từ “Chủ nghĩa vị nữ”</i> , Hội thảo khoa học “Những vấn đề Giới và Gia đình ở Nam Bộ trong bối cảnh toàn cầu hoá”, 06/11/2015, Trường Đại học Thủ Dầu Một.                           |                   |  |                      |
| 8 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Hợp tác quốc phòng Việt Nam – Hoa Kỳ trong bối cảnh mới</i> , Hội thảo khoa học “20 năm quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ (1995-2015): Thành tựu và triển vọng”, 14/11/2015, Trường Đại học Sư phạm Huế.                                                               |                   |  |                      |
| 9 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Việt Nam trong “chính sách hướng Á” của Australia từ đầu thế kỷ XXI đến nay</i> , Hội thảo khoa học “Australia – Phát triển và hội nhập”, 16/11/2015, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh.                                              |                   |  |                      |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                   |  |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--|--------------|
| 10 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Những lựa chọn cho Australia trong việc thúc đẩy an ninh Biển Đông</i> , Hội thảo khoa học “Australia – Phát triển và hội nhập”, 16/11/2015, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh.                                                                                        |                   |  |              |
| 11 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Ngoại giao văn hoá Indonesia – Việt Nam trong thế kỷ XXI – Thành tựu và triển vọng</i> , Hội thảo khoa học “Việt Nam – Indonesia: 60 năm hợp tác, phát triển và hướng đến Cộng đồng ASEAN 2015”, 18/12/2015, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh.                        |                   |  |              |
| 12 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Biển Đông trong quan hệ Ấn Độ - ASEAN từ năm 2009 đến nay</i> , Hội thảo khoa học “Giá trị Ấn Độ ở Châu Á”, 8/1/2016, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh.                                                                                                               |                   |  |              |
| 13 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Trần Nam Tiến), <i>Hợp tác với các cường quốc trong quan điểm đối ngoại Hồ Chí Minh và quá trình vận dụng của Việt Nam trong hoạt động đối ngoại thời kỳ đổi mới</i> , Hội thảo “ Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới”, 16/5/2016, Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh.    |                   |  |              |
| 14 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Kinh nghiệm cho ASEAN và Việt Nam – Nhìn từ sự kiện Anh rời khỏi châu Âu (Brexit) năm 2016</i> , Hội thảo “Brexit và Cộng đồng kinh tế ASEAN dưới góc nhìn hội nhập”, 3/8/2016, Trường Đại học Văn Hiến, Thành phố Hồ Chí Minh.                                                                 |                   |  |              |
| 15 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Lê Thị Hương), <i>Đóng góp của Việt Nam đối với sự hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) từ góc nhìn hội nhập kinh tế khu vực</i> , Hội thảo khoa học “Định vị kinh tế Việt Nam trong Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)”, 11/11/2016, Đại học Kinh tế - Luật.                        | 978-604-73-4695-0 |  | Tr. 182-198. |
| 16 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>“Đối tác” trong nền ngoại giao Việt Nam hiện đại và những hàm ý cho quá trình hội nhập của Việt Nam</i> , Hội thảo khoa học “Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI”, 30/5/2017, Khoa Sử, Trường Đại học Thủ Dầu Một.                                          |                   |  |              |
| 17 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Lê Thị Hương), <i>Đóng góp của Việt Nam đối với sự hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) từ góc nhìn hội nhập kinh tế khu vực</i> , Hội thảo khoa học “Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI”, 30/5/2017, Khoa Sử, Trường Đại học Thủ Dầu Một. |                   |  |              |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |  |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|    | kỷ XXI", 30/5/2017, Khoa Sử, Trường Đại học Thủ Dầu Một.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |
| 18 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Lương Thy Cân và Hoàng Văn Tuấn), <i>Việt Nam hội nhập vào khu vực Đông Bắc Á – Tiếp cận từ trường hợp quan hệ chính trị - ngoại giao Việt Nam – Nhật Bản từ đầu thế kỷ XXI đến nay</i> , Hội thảo khoa học “Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI”, 30/5/2017, Khoa Sử, Trường Đại học Thủ Dầu Một. |  |  |  |
| 19 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Vấn đề Biển Đông trong quan hệ Australia – Việt Nam từ năm 2009 đến nay</i> , Ngày hội Khoa học Cán bộ, Giảng viên trẻ và Học viên cao học lần thứ I – năm 2017, 16/6/2017, Trường Đại học Thủ Dầu Một.                                                                                                                                            |  |  |  |
| 20 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Vấn đề chiến tranh và trạng thái chiến tranh trong tư tưởng của Jean-Jacques Rousseau từ góc nhìn quan hệ quốc tế</i> , Hội thảo khoa học “Tinh thần khai sáng Pháp thế kỷ XVIII”, 4/11/2017, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh.                                                                                          |  |  |  |
| 21 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Hoàng Văn Tuấn), <i>Nhận thức và thái độ của công nhân đối với Bolshevik trong Cách mạng tháng Mười Nga 1917</i> , Hội thảo khoa học “Cách mạng tháng Mười Nga – 100 năm nhìn lại (7/11/1917-07/11/2017)”, 6/11/2017, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, TP. Hồ Chí Minh.                                                                |  |  |  |
| 22 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Hoàng Văn Tuấn), <i>Nhận thức và thái độ của công nhân đối với Đảng Bolshevik trong Cách mạng Nga 1917 qua đánh giá của các học giả phương Tây</i> , Hội thảo khoa học “Cách mạng tháng Mười Nga – Nghiên cứu và giảng dạy”, 7/11/2017, Trường Đại học Sư phạm, TP. Hồ Chí Minh.                                                       |  |  |  |
| 23 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Australia's Involvement in the East Sea and Implications for Australia-Vietnam Relations</i> , Hội thảo khoa học “Cán bộ trẻ trường Đại học Sư phạm TP.HCM (mở rộng) lần III – năm 2017”, 15/11/2017, Trường Đại học Sư phạm, TP. Hồ Chí Minh.                                                                                                     |  |  |  |
| 24 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Hoàng Văn Tuấn), <i>Nhận thức và thái độ của công nhân đối với Bolshevik trong Cách mạng Tháng Mười Nga 1917</i> , Hội thảo khoa học “Kỷ niệm 100 năm Cách mạng tháng Mười Nga (1917-2017)”, 16/11/2017, Trường                                                                                                                        |  |  |  |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |  |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|    | Đại học Khoa học Huế.                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| 25 | Huỳnh Tâm Sáng, <i>Nhân tố văn hóa trong quan hệ Ấn Độ - Việt Nam – góc nhìn lịch sử và thời đại</i> , Hội thảo khoa học “Hợp tác nghiên cứu văn hóa Việt Nam - Ấn Độ giai đoạn từ năm 1986 đến nay”, 9/1/2018, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.                                                   |  |  |  |
| 26 | Huỳnh Tâm Sáng (viết chung với Hoàng Văn Tuấn), <i>Tác động của sự kiện Tết Mậu Thân năm 1968 đến cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam</i> , Hội thảo khoa học “50 năm cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968-2018 - Giá trị lý luận và thực tiễn”, 26/1/2018, Trường Đại học Thủ Dầu Một. |  |  |  |

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

| TT | Tên giải thưởng                                  | Nội dung giải thưởng                            | Nơi cấp                                | Năm cấp |
|----|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 1  | Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka | Khóa luận Tốt nghiệp xuất sắc                   | Thành đoàn<br>Thành phố<br>Hồ Chí Minh | 2013    |
| 2  | Bài viết nghiên cứu xuất sắc về vấn đề Biển Đông | Chương trình hỗ trợ Nghiên cứu Biển Đông lần II | Học viện<br>Ngoại giao                 | 2014    |

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế (patent)

| TT | Tên bằng | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu | Năm cấp | Nơi cấp | Tác giả/ đồng tác giả |
|----|----------|--------------------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------|
| 1  |          |                                            |         |         |         |                       |
| 2  |          |                                            |         |         |         |                       |

##### 3. Bằng giải pháp hữu ích

| TT | Tên giải pháp | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu | Năm cấp | Nơi cấp | Tác giả/ đồng tác giả |
|----|---------------|--------------------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------|
| 1  |               |                                            |         |         |         |                       |
| 2  |               |                                            |         |         |         |                       |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

#### 4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

| TT | Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao | Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng | Năm chuyển giao | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|-------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------|
| 1  |                                                 |                                    |                 |                                            |
| 2  |                                                 |                                    |                 |                                            |

#### V. THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

| TT | Thời gian | Tên chương trình | Chức danh |
|----|-----------|------------------|-----------|
|    |           |                  |           |
|    |           |                  |           |

##### 2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

| TT | Thời gian | Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị | Chức danh |
|----|-----------|---------------------------------|-----------|
|    |           |                                 |           |
|    |           |                                 |           |

##### 3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

| TT | Thời gian | Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu | Nội dung tham gia |
|----|-----------|------------------------------------------------|-------------------|
|    |           |                                                |                   |
|    |           |                                                |                   |

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



TL.HIỆU TRƯỞNG  
TP.TỔ CHỨC

Huỳnh Công Danh

Bình Dương, ngày 6 tháng 3 năm 2018

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Huỳnh Tâm Sáng

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

**Bachelor of Arts**

*International Relations*

UPON : **HUYNH TAM SANG**.....

BORN ON : ..05/02/1990... IN : **TAY NINH** ..

YEAR OF GRADUATION : ..**2012**.....

RANK : **Very good**

Số đăng ký : 99QHQT/122  
(Registration N°)

XB : 08035/19KH2/2011



**SAO Y BẢN CHÍNH**

Số 2444/HG, Ngày 12 tháng 12 năm 2013

TH. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN ANH CHINH TỔNG HỢP



ThS. Bùi Hải Đăng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CẤP

**Bằng Cử nhân**

*Quan hệ Quốc tế*

CHO : ...*Huỳnh. Tâm. Sáng*.....

SINH NGÀY : 05/02/1990. TẠI : ..Tây Ninh.....

NĂM TỐT NGHIỆP : **2012**.. HÈ : ..Chính quy.....

XẾP LOẠI : **Giỏi**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12. tháng 11. năm 2012



PGS.TS Võ Văn Sen

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 4 năm 2014

Số: 975/QĐ-HVKHXH

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận ứng viên trúng tuyển nghiên cứu sinh  
ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới (đợt 1) năm 2014

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-KHXH ngày 27 tháng 02 năm 2013 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Khoa học xã hội;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học tại Học viện Khoa học xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 653/QĐ-KHXH ngày 27 tháng 4 năm 2011 của Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam);

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-HVKHXH ngày 08 tháng 01 năm 201 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2014 tại Học viện Khoa học xã hội;

Căn cứ kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh đợt 1 năm 2014;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 15 (mười sáu) ứng viên đủ điều kiện trúng tuyển nghiên cứu sinh ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới (đợt 1) năm 2014 (Danh sách các nghiên cứu sinh kèm theo Quyết định này).

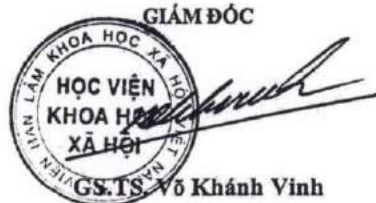
Điều 2. Quyền lợi và nghĩa vụ của các nghiên cứu sinh ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới được thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo sau đại học tại Học viện Khoa học xã hội.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa Sử học, Trưởng các đơn vị trực thuộc Học viện Khoa học xã hội và các nghiên cứu sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Võ Khánh Vinh





VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
KHOA HỌC XÃ HỘI

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH**  
**NGÀNH LỊCH SỬ VIỆT NAM, LỊCH SỬ THẾ GIỚI (ĐỢT 1) NĂM 2014**  
(Kèm theo Quyết định số: 975/QĐ-HVKHXH ngày 7 tháng 4 năm 2014  
của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội)

| TT | Họ và tên          | Ngày sinh  | Quê quán       | Ngành            | Điểm đánh giá hồ sơ | Điểm đánh giá bài luận | Tổng điểm |
|----|--------------------|------------|----------------|------------------|---------------------|------------------------|-----------|
| 1  | Lê Thị Thu Hằng    | 28/10/1976 | Thanh Hóa      | Lịch sử Việt Nam | 30                  | 60                     | 90        |
| 2  | Trần Lê Minh Trang | 10/11/1977 | Thái Bình      | Lịch sử thế giới | 28                  | 60                     | 88        |
| 3  | Nguyễn Quốc Bảo    | 26/12/1975 | Ninh Bình      | Lịch sử Việt Nam | 28                  | 58                     | 86        |
| 4  | Trần Thị Hồng      | 26/02/1982 | Bến Tre        | Lịch sử Việt Nam | 24                  | 58                     | 82        |
| 5  | Bùi Đức Dục        | 31/5/1977  | Hà Nam         | Lịch sử Việt Nam | 22                  | 58                     | 80        |
| 6  | Ngô Thị Kim Liên   | 10/12/1979 | Nam Định       | Lịch sử Việt Nam | 25                  | 55                     | 80        |
| 7  | Nguyễn Tiến Phong  | 11/10/1974 | Hà Nội         | Lịch sử thế giới | 22                  | 58                     | 80        |
| 8  | Nguyễn Mạnh Tường  | 24/10/1976 | Hà Nội         | Lịch sử Việt Nam | 22                  | 58                     | 80        |
| 9  | Nguyễn Minh        | 01/9/1979  | Quảng Nam      | Lịch sử Việt Nam | 22                  | 55                     | 77        |
| 10 | Trần Phương Thúy   | 16/02/1983 | Hà Nam         | Lịch sử Việt Nam | 25                  | 52                     | 77        |
| 11 | Vũ Thị Hương       | 26/02/1985 | Hải Dương      | Lịch sử Việt Nam | 22                  | 54,6                   | 76,6      |
| 12 | Hoàng Xuân Trường  | 18/9/1987  | Thái Nguyên    | Lịch sử thế giới | 21                  | 55,6                   | 76,6      |
| 13 | Nguyễn Sĩ Hà       | 14/10/1976 | Hưng Yên       | Lịch sử Việt Nam | 19                  | 56,2                   | 75,2      |
| 14 | Tổng Thanh Bình    | 11/02/1984 | Thừa Thiên Huế | Lịch sử Việt Nam | 23                  | 52                     | 75        |
| 15 | Huỳnh Tâm Sáng     | 05/02/1990 | Tây Ninh       | Lịch sử thế giới | 16                  | 58                     | 74        |

Danh sách gồm 15 nghiên cứu sinh.



**Phụ lục IV**  
(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

**I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

- Họ và tên: **VŨ ĐĂNG KHOA**
- Ngày, tháng, năm sinh: 22/1/1974
- Quê quán: Thái Bình
- Học vị cao nhất: Thạc sĩ
- Chức danh khoa học cao nhất:
- Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Đại học Thủ Dầu Một
- Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DB:
- Fax: Email: dangkhoavul@yahoo.com

**II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Đại học:**

- Hệ đào tạo: chính quy
- Nơi đào tạo: ĐẠI HỌC LUẬT TPHCM
- Ngành học: LUẬT KINH TẾ QUỐC TẾ
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 1998

**2. Sau đại học**

- Thạc sĩ chuyên ngành: LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ HẢI QUAN QUỐC TẾ
- Năm cấp bằng: 2012
- Nơi đào tạo: ĐẠI HỌC CANBERRA, Úc

- 3. Ngoại ngữ:** 1. Anh văn                      Mức độ sử dụng: Tốt

**III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

| Thời gian         | Nơi công tác        | Công việc đảm nhiệm |
|-------------------|---------------------|---------------------|
| Từ 8/2012 đến nay | Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên          |

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|----------------|-------------|-------------|
|    |                |             |             |
|    |                |             |             |

Xác nhận của cơ quan



TL HIỆU TRƯỞNG  
TP. TỔ CHỨC

*Huỳnh Công Danh*

...*10*..., ngày *10* tháng *03* năm *2018*

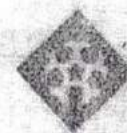
Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

*Phạm*

ThS. Vũ Đăng Khoa

UNIVERSITY OF CANBERRA



*This is to certify that*

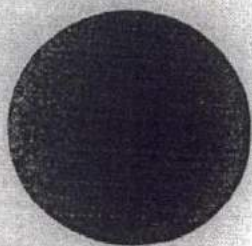
***Dang Khoa Vu***

*having met the requirements of a course  
approved by the University as leading to the*

**MASTER OF INTERNATIONAL  
CUSTOMS LAW AND  
ADMINISTRATION**

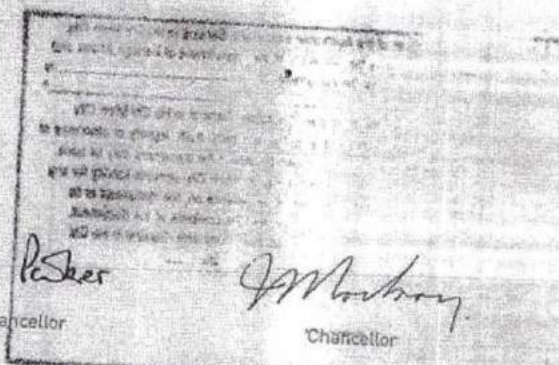
*was with the authority of the Council  
duly admitted to that award on the  
twenty seventh day of March 2012*

*Given under the seal of the University*



*Stephen Peters*  
Vice-Chancellor

*J. Mackinnon*  
Chancellor





**BẢN DỊCH**

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC CANBERRA

Văn bản này chứng nhận

### DANG KHOA VU

đã hoàn thành các yêu cầu của khóa học được trường Đại học chấp nhận

để lấy học vị

### THẠC SỸ VỀ LUẬT VÀ QUẢN LÝ HẢI QUAN QUỐC TẾ

Được hội đồng có thẩm quyền chấp nhận cấp bằng vào ngày 27 tháng 03 năm 2012

Được đóng bởi dấu của trường Đại học

(Đóng dấu)

Phó hiệu trưởng trường Đại học

(Đã ký)

Hiệu trưởng trường Đại học

(Đã ký)

Tôi, Richard Quinn, viên chức Tổng Lãnh sự quán Australia tại Thành phố Hồ Chí Minh, thừa ủy quyền của Bộ trưởng Ngoại giao và Thương mại, **NAY CHỨNG NHẬN** văn bản trang bên là văn bản do Trường đại học Canberra cấp. Việc chứng nhận này không có nghĩa là tôi và Tổng Lãnh sự quán Australia tại thành phố Hồ Chí Minh tán đồng, chứng thực hoặc có ý kiến nào đó về tính xác thực, đúng đắn, hợp pháp hoặc bất kỳ tính chất nào khác của nội dung văn bản cũng như mục đích sử dụng văn bản này. Tôi và Tổng Lãnh sự quán Australia tại thành phố Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm pháp lý về bất cứ sự tổn thất, thiệt hại hoặc tổn thương nào phát sinh từ việc sử dụng, hoặc tin cậy vào văn bản này hoặc vào nội dung của nó. Tôi không cam đoan rằng tôi đã đọc nội dung của văn bản này.

Tôi ký tên dưới đây và cho đóng dấu của Tổng Lãnh sự quán Australia tại thành phố Hồ Chí Minh vào hôm nay, ngày 24 tháng 05 năm 2012.

(Đã ký và đóng dấu)

Richard Quinn, Viên chức Lãnh sự

#### SỞ NGOẠI VỤ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

##### HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ

Số: 15348/LS-HPH/2012

Chứng thực chữ ký của Ông/Bà:

**RICHARD QUINN**

và con dấu của:

**Tổng Lãnh sự quán Australia tại Tp. Hồ Chí Minh**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25/05/2012

TL. Giám đốc

KT. Trưởng Phòng Lãnh sự

Phó Trưởng phòng

(Đã ký và đóng dấu), Đoàn Tuấn Linh

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



| Thời gian        | Nơi công tác                                                | Công việc đảm nhiệm |
|------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|
| Từ 2011 đến 2013 | Công ty TNHH Lucky – 341 Cao Đạt, P.10, Quận 5, TP.HCM      | Chuyên viên pháp lý |
| Từ 2013 đến nay  | Đại học Thủ Dầu Một, 06 Trần Văn Ôn, P.Phú Hòa, Thủ Dầu Một | Giảng viên          |

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|----------------|-------------|-------------|
|    |                |             |             |
|    |                |             |             |

...bđ..., ngày 17 tháng 03 năm 2018

Xác nhận của cơ quan

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)



Huỳnh Công Danh

heu

ThS. Lê Thị Hồng Liễu

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR  
OF HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF LAW

confers

**THE DEGREE OF MASTER  
OF LAWS**

Upon: *Bà Lê Thị Hồng Liễu*  
Born on: *25 December 1989*

Given under the seal of  
Ho Chi Minh City University Of Law

**CHỨNG THỰC BẢN SAO  
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số tháng năm: *08 4 45* Ngày: *18-05-2016*

Serial number:  
Reference number:

**PHÒNG  
TƯ PHÁP**

*Tân Châu*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

**BẰNG THẠC SĨ  
LUẬT**

Cho: *Bà Lê Thị Hồng Liễu*  
Sinh ngày: *25/12/1989*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2016

**HIỆU TRƯỞNG**

*Ma Hong Quy*

**GS. TS. Mai Hồng Quý**

Số hiệu: **A 139615**  
Số vào sổ cấp bằng: **7071**

## **LÝ LỊCH KHOA HỌC**

### **I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

- Họ và tên: Võ Kim Hà                      - Giới tính: nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 12/5/1961                      - Nơi sinh: TP. HCM
- Quê quán: Long An                      - Dân tộc: Kinh
- Học vị cao nhất: Tiến sĩ                      - Năm, nước nhận học vị: 2012
- Chức danh khoa học cao nhất:                      Năm bổ nhiệm:
- Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): giảng viên
- Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Đại học Thủ Dầu Một
- Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại liên hệ: CQ:                      NR:                      DD:
- Fax:                      Email: havk@tdmu.edu.vn

### **II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Đại học:**

- Hệ đào tạo: chính quy
- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV TP. HCM
- Ngành học: Ngữ văn Anh
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 1996
- Ngành học: Ngữ văn Pháp
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 1998

#### **2. Sau đại học**

- Thạc sĩ chuyên ngành: Ngôn ngữ học so sánh
- Năm cấp bằng: 2005
- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV TP. HCM
- Tiến sĩ chuyên ngành: Ngôn ngữ học so sánh
- Năm cấp bằng: 2012

- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV TP. HCM

- Tên luận án: “Ân dụ tiếng Việt nhìn từ lý thuyết Nguyên mẫu (so sánh đối chiếu với tiếng Anh và tiếng Pháp)

**3. Ngoại ngữ**

1. Anh văn

Mức độ sử dụng: Tốt

2. Pháp văn

Mức độ sử dụng: Tốt

**III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

| Thời gian    | Nơi công tác                    | Công việc đảm nhiệm             |
|--------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1996 - 1997  | Trung tâm Ngoại ngữ ĐH tổng hợp | Giảng viên                      |
| 1997 - 2000  | Công ty Dịch thuật Hà Nội       | Biên dịch viên                  |
| 2000 - 2004  | Công ty Tài phát                | Biên dịch tài liệu              |
| 2004 - 2006  | Báo Yêu trẻ TP. HCM             | Biên tập viên                   |
| 2006 - 2009  | Báo SG 12G                      | Biên dịch khoa học              |
| 2009 - 2014  | Báo Sài Gòn Tiếp thị TP.HCM     | Biên dịch trang thời sự quốc tế |
| 2014 đến nay | Đại học Thủ Dầu Một             | Giảng viên                      |

**IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:**

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

**2. Các công trình khoa học đã công bố:**

| TT | Tên công trình              | Năm công bố | Tên tạp chí                 |
|----|-----------------------------|-------------|-----------------------------|
| 1  | “Nhà: từ ý niệm đến từ ngữ” | 2017        | Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống |

|   |                                                                                                   |      |                            |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------|
| 2 | Phân tích cơ chế tri nhận cả ngữ biểu trưng có yếu tố Tay (đối chiếu với tiếng Anh và tiếng Pháp) | 2011 | Tạp chí Ngôn ngữ           |
| 3 | Quan hệ giữa ẩn dụ và hoán dụ theo quan điểm tri nhận                                             | 2010 | Tạp chí Khoa học và Xã hội |
| 4 | Khả năng chuyển đổi cấu trúc của thành ngữ so sánh tiếng Pháp (đối chiếu với tiếng Việt)          | 2007 | Tạp chí Ngôn ngữ           |

h.D, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Xác nhận của cơ quan

TL.HIỆU TRƯỞNG  
TP.TỔ CHỨC



Huỳnh Công Danh

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

lu

TS. Võ Kim Hà



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

**Doctor of Philosophy  
in Linguistics and Literature**

UPON: *Đỗ Kim Hà*

BORN ON: 12/05/1961 IN: Sai Gon

GRADUATED ON: 21<sup>st</sup> March 2012

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CẤP

**Hạng Tiến sĩ  
Ngữ văn**

CHO: *Đỗ Kim Hà*

SINH NGÀY: 12/05/1961 TẠI: Sài Gòn

BẢO VỆ LUẬN ÁN NGÀY: 21 THÁNG 03 NĂM 2012

Số đăng ký: 200...  
(Registration N°)

QS.00364/01KH2/2005



**SAO Y BẢN CHÍNH**

Số 100/HQ. Ngày 22 tháng 6 năm 2014

TL. HIỆU TRƯỞNG

P. TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP



Đào Thị Dung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2012

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Phan Thanh Bình

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

- |                                                                           |                               |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| - Họ và tên: Trần Ngọc Minh                                               | - Giới tính: nữ               |
| - Ngày, tháng, năm sinh: 10/1/1985                                        | - Nơi sinh: Tiền Giang        |
| - Quê quán: Tiền Giang                                                    | - Dân tộc: Kinh               |
| - Học vị cao nhất: Thạc sĩ                                                | - Năm, nước nhận học vị: 2011 |
| - Chức danh khoa học cao nhất:                                            | Năm bổ nhiệm:                 |
| - Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): giảng viên                  |                               |
| - Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Đại học Thủ Dầu Một |                               |
| - Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:                                      |                               |
| - Điện thoại liên hệ: CQ: NR: ĐD:                                         |                               |
| Fax:                                                                      | Email: minhntn@tdmu.edu.vn    |

### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Đại học:

- Hệ đào tạo: chính quy
- Nơi đào tạo: Đại học Sư phạm Đồng Tháp
- Ngành học: Sư phạm tiếng Anh
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 2008

#### 2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: TESOL
- Năm cấp bằng: 2011
- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV TP. HCM

#### 3. Ngoại ngữ:

- |             |                     |
|-------------|---------------------|
| 1. Anh văn  | Mức độ sử dụng: Tốt |
| 2. Pháp văn | Mức độ sử dụng: Tốt |

### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian        | Nơi công tác        | Công việc đảm nhiệm |
|------------------|---------------------|---------------------|
| 9/2008 – 12/2012 | THPT Lê Thanh Hiền  | Giáo viên           |
| Từ 2013 đến nay  | Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên          |

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

#### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                                                                                            | Năm công bố | Tên tạp chí                                 |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------|
| 2  | Tuan, N. H., Hau, H. T. & Minh, T. N. (2015). Vietnamese teachers and learners' attitudes toward teaching English through e-lesson plans. | 2015        | Asian Journal of Educational Research, 3(1) |

....., ngày 27 tháng 03 năm 2018

Xác nhận của cơ quan

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)



TL. HIỆU TRƯỞNG  
TỔ TỔ CHỨC

Nguyễn Công Danh

ThS. Trần Ngọc Minh



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
 Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
 UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

**Master of Arts**  
**TESOL METHODOLOGY**

UPON : **TRẦN NGỌC MINH**  
 BORN ON : Jan. 10th, 1985 IN : Tiền Giang  
 GRADUATED ON : October 07th, 2011

Số đăng ký : 281-11  
 (Registration No.)

XM:01A58/71KH2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CẤP

**Bằng Thạc sĩ**  
**Tự luận và phương pháp dạy học tiếng Anh**

CHO : **Trần Ngọc Minh**  
 SINH NGÀY : 10.01.1985 tại : Tiền Giang  
 BẢO VỆ LUẬN ÁN NGÀY : 07. THÁNG 10. NĂM 2011

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2011



**SƠ YẾU LỊCH SỬ**  
 TL. HIỆU TRƯỞNG  
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
 Trần Nam



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

PGS.TS. Võ Văn Sơn

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

- |                                                                           |                               |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| - Họ và tên: Trần Ngọc Mai                                                | - Giới tính: nữ               |
| - Ngày, tháng, năm sinh: 10/1/1985                                        | - Nơi sinh: Tiền Giang        |
| - Quê quán: Tiền Giang                                                    | - Dân tộc: Kinh               |
| - Học vị cao nhất: Thạc sĩ                                                | - Năm, nước nhận học vị: 2012 |
| - Chức danh khoa học cao nhất:                                            | Năm bổ nhiệm:                 |
| - Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): giảng viên                  |                               |
| - Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Đại học Thủ Dầu Một |                               |
| - Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:                                      |                               |
| - Điện thoại liên hệ: CQ:                                                 | NR:                           |
|                                                                           | DĐ:                           |
| Fax:                                                                      | Email: maitn@tdmu.edu.vn      |

### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Đại học:

- Hệ đào tạo: chính quy
- Nơi đào tạo: Đại học Sư phạm Đồng Tháp
- Ngành học: Sư phạm tiếng Anh
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 2008

#### 2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: TESOL
- Năm cấp bằng: 2012
- Nơi đào tạo: Đại học Mở TP. HCM

#### 3. Ngoại ngữ:

1. Anh văn
2. Pháp văn

Mức độ sử dụng: Tốt

Mức độ sử dụng: Tốt



### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian        | Nơi công tác        | Công việc đảm nhiệm |
|------------------|---------------------|---------------------|
| 9/2008 – 12/2012 | THPT Lê Thanh Hiền  | Giáo viên           |
| Từ 2013 đến nay  | Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên          |

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

#### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                                                                 | Năm công bố | Tên tạp chí                                 |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------|
| 1  | Tuan, N.H. & Mai, T. N. (2015). Factors affecting students' speaking performance at Le Thanh Hien high school. | 2015        | Asian Journal of Educational Research, 3(2) |

Xác nhận của cơ quan



TL.HIỆU TRƯỞNG  
TP.TỔ CHỨC

Bình Dương, ngày 1 tháng 8 năm 2018

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

*Ngô*

ThS. Trần Ngọc Mai



(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Họ và tên: **Lầu Mộng Thu**
- Ngày, tháng, năm sinh: **05/05/1986**
- Quê quán: **Đồng Nai**
- Học vị cao nhất: **Thạc sĩ**
- Chức danh khoa học cao nhất:
- Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): **giảng viên**
- Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): **Đại học Thủ Dầu Một**
- Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại liên hệ: **CQ: NR: ĐD: 0937.891.251**
- Fax: **Email: mongthu136@gmail.com**

- Hệ đào tạo: chính quy
- Nơi đào tạo: Việt Nam
- Ngành học: Ngữ văn Anh
- Nước đào tạo: VIỆT NAM
- Năm tốt nghiệp: 2008

- Thạc sĩ chuyên ngành: TESOL
- Năm cấp bằng: 2013
- Nơi đào tạo: ĐH KHXH&NV TP. HCM

- 3. Ngoại ngữ:** 1. Anh văn Mức độ sử dụng: Tốt

| Thời gian        | Nơi công tác       | Công việc đảm nhiệm |
|------------------|--------------------|---------------------|
| 8/2009 – 12/2012 | ĐH KHXH&NV TP. HCM | Giảng viên          |

|              |                     |            |
|--------------|---------------------|------------|
| 3/2013 - nay | Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên |
|--------------|---------------------|------------|

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                              | Năm công bố | Tên tạp chí                           |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------|
|    | Difficulties in teaching vocabulary to elementary adult learners of English | 2014        | Voices in Asia Journal                |
|    | An investigation of Vietnamese classifier construction                      | 2015        | Asian Journal of Educational Research |

*Đồng Đăng..., ngày 1 tháng 3 năm 2018*

Xác nhận của cơ quan

TL. HIỆU TRƯỞNG  
TỔ TỔ CHỨC



*Huỳnh Công Danh*

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

*[Signature]*

ThS. Lâu Mộng Thu



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES  
HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

*Master of Arts*  
TESOL METHODOLOGY

UPON: LAU MONG THU  
BORN ON May 05th, 1986, in: Dong Nai  
GRADUATED ON: November 22nd, 2012

Số đăng ký: 169-13  
(Registration N°)  
XM: 02054/71KH2



**SAO Y BẢN CHÍNH**  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
TRẦN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
CẤP

*Bằng Thạc sĩ*  
Tự luận và phương pháp dạy học tiếng Anh

CHO: Lau Mong Thu  
SINH NGÀY: 05/05/1986 TẠI: Dong Nai  
BẢO VỆ LUẬN ÁN NGÀY: 22 THÁNG 11 NĂM 2012

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2013

**GIÁO HỮU TRƯỞNG**  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
PGS. TS. Võ Văn Sơn



## LÝ LỊCH KHOA HỌC

### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

- |                                                                           |                               |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| - Họ và tên: Hồ Trung Hậu                                                 | - Giới tính: nam              |
| - Ngày, tháng, năm sinh: 19/5/1986                                        | - Nơi sinh: Bình Dương        |
| - Quê quán: Bình Dương                                                    | - Dân tộc: Kinh               |
| - Học vị cao nhất: Thạc sĩ                                                | - Năm, nước nhận học vị: 2012 |
| - Chức danh khoa học cao nhất:                                            | Năm bổ nhiệm:                 |
| - Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): giảng viên                  |                               |
| - Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Đại học Thủ Dầu Một |                               |
| - Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:                                      |                               |
| - Điện thoại liên hệ: CQ:                                                 | NR: DD: 094.585.8564          |
| Fax:                                                                      | Email: hauht@tdmu.edu.vn      |

### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Đại học:

- Hệ đào tạo: chính quy
- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV
- Ngành học: Ngôn ngữ Anh
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 2008

#### 2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Giảng dạy tiếng Anh
- Năm cấp bằng: 2013
- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV TP. HCM

#### 3. Ngoại ngữ:

- 1. Anh văn
- 2. Hoa văn

Mức độ sử dụng: Tốt  
Mức độ sử dụng: Trung bình

### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian       | Nơi công tác        | Công việc đảm nhiệm |
|-----------------|---------------------|---------------------|
| Từ 2011 đến nay | Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên          |

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

#### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                                                                                            | Năm công bố | Tên tạp chí                                 |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------|
| 2  | Tuan, N. H., Hau, H. T. & Minh, T. N. (2015). Vietnamese teachers and learners' attitudes toward teaching English through e-lesson plans. | 2015        | Asian Journal of Educational Research, 3(1) |

Xác nhận của cơ quan



Huỳnh Công Danh

TR. HIỆU TRƯỞNG  
TP. TỔ CHỨC

... 27/03, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

HT Hau

ThS. Hồ Trung Hậu

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES  
HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

**Master of Arts**  
**TESOL METHODOLOGY**

UPON: **HỒ TRUNG HẬU**  
BORN ON: May 19th, 1986 . IN: Binh Duong .....  
GRADUATED ON: November 15th, 2012 .....

Số đăng ký: BKH.13  
(Registration N°)

XN: 92001/71KH2 ..



XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO  
TP.HCM ngày 20 tháng 7 năm 2013



PGS.TS. Lê Thị Minh Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
CẤP

**Năng Thạc sĩ**  
**Tự luận và phương pháp dạy học tiếng Anh**

CHO: **Hồ Trung Hậu**  
SINH NGÀY: 19/05/1986 TẠI: Binh Duong .....  
BẢO VỆ LUẬN AN NGÀY: 15. THÁNG. 11. NĂM 2012

TP. Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 06 năm 2013



PGS.TS. Võ Văn Sơn

### **LÝ LỊCH KHOA HỌC**

#### **I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

- |                                                                           |                               |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| - Họ và tên: Nguyễn Thanh Vân                                             | - Giới tính: nữ               |
| - Ngày, tháng, năm sinh: 15/9/1979                                        | - Nơi sinh: Nha Trang         |
| - Quê quán:                                                               | - Dân tộc: Kinh               |
| - Học vị cao nhất: Thạc sĩ                                                | - Năm, nước nhận học vị: 2012 |
| - Chức danh khoa học cao nhất:                                            | Năm bổ nhiệm:                 |
| - Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): giảng viên                  |                               |
| - Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Đại học Thủ Dầu Một |                               |
| - Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:                                      |                               |
| - Điện thoại liên hệ: CQ:                                                 | NR: DD:                       |
| Fax:                                                                      | Email: thanhvan0915@gmail.com |

#### **II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

##### **1. Đại học:**

- Hệ đào tạo: chính quy
- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV TP. HCM
- Ngành học: Ngữ văn Anh
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 2001

##### **2. Sau đại học**

- Thạc sĩ chuyên ngành: Ngôn ngữ học
- Năm cấp bằng: 2012
- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV TP. HCM
- Nghiên cứu sinh chuyên ngành: Ngôn ngữ học (2014 – nay)
- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV TP. HCM

##### **3. Ngoại ngữ:**

- |            |                            |
|------------|----------------------------|
| 1. Anh văn | Mức độ sử dụng: Tốt        |
| 2. Hoa văn | Mức độ sử dụng: Trung bình |

#### **III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

| Thời gian          | Nơi công tác                        | Công việc đảm nhiệm      |
|--------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| 2001 – 10/2004     | Trung tâm Ngoại ngữ DDHQG TP. HCM   | Chuyên viên phòng Du học |
| 11/2004 – 10/2005  | Tổ chức Giáo dục và Đào tạo Apollo  | Chuyên viên phòng Du học |
| 11/2005 – 11/2016  | Trường Cao đẳng Công thương TP. HCM | Giảng viên               |
| Từ 12/2016 đến nay | Đại học Thủ Dầu Một                 | Giảng viên               |



#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu                                                           | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Xây dựng Câu lạc bộ tiếng Anh cho sinh viên trường Cao đẳng Công thương TP. HCM | 2006 - 2007                | Trường                             | Đồng chủ nhiệm                    |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí |
|----|----------------|-------------|-------------|
|----|----------------|-------------|-------------|

Xác nhận của cơ quan



... 02, ngày 07 tháng 3 năm 2018

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

*[Signature]*

ThS. Nguyễn Thanh Vân



BẢN SAO

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

Master of Arts  
LINGUISTICS

UPON: NGUYEN THANH YAN

BORN ON: Sep. 15th, 1978 IN: Khanh Hoa

GRADUATED ON: December 27th, 2012

Số đăng ký: 77-12  
(Registration No.)

KM.02962/71KH2



Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính

Số chứng thực 05979 Quyển số 4 ACT/BSP.Hà Nội ngày 24 tháng 06 năm 2013

Ngày 19 tháng 1 năm 2013

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯỚC LONG B



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CẤP

Bằng Thạc sĩ  
Ngôn ngữ học

CHO: Nguyễn Thanh Vân

SINH NGÀY: 15/09/1979 TẠI: Khanh Hoa

BẢO VỆ LUẬN ÁN NGÀY: 27 THÁNG 12 NĂM 2012



PGS.TS. Võ Văn Sen

TRẦN VĂN ĐỨC

**Phụ lục IV**  
(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

---

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

**I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

- Họ và tên: Bùi Thị Kim Loan - Giới tính: nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 23/11/1982 - Nơi sinh: Đắc Lắc
- Quê quán: Đắc Lắc - Dân tộc: Kinh
- Học vị cao nhất: Thạc sĩ - Năm, nước nhận học vị: 2011
- Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
- Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): giảng viên
- Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Đại học Thủ Dầu Một
- Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DB:
- Fax: Email: buithikimloanpt@gmail.com

**II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Đại học:**

- Hệ đào tạo: chính quy
- Nơi đào tạo: Đại học Qui Nhơn
- Ngành học: Sư phạm tiếng Anh
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 2005

**2. Sau đại học**

- Thạc sĩ chuyên ngành: TESOL
- Năm cấp bằng: 2011
- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV TP. HCM
- Nghiên cứu sinh chuyên ngành: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu (2016-nay)
- Nơi đào tạo: Đại học KHXH&NV TP. HCM

**3. Ngoại ngữ:**

- |            |                     |
|------------|---------------------|
| 1. Anh văn | Mức độ sử dụng: Tốt |
| 2. Nga văn | Mức độ sử dụng: Khá |

### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian         | Nơi công tác               | Công việc đảm nhiệm    |
|-------------------|----------------------------|------------------------|
| 2006 - 2007       | THPT Tánh Linh, Bình Thuận | Giáo viên              |
| 2008 - 2010       | ĐH HUTECH                  | Giảng viên thỉnh giảng |
| 2011 - 2016       | ĐH Tài chính - Marketing   | Giảng viên thỉnh giảng |
| Từ 4/2017 đến nay | Đại học Thủ Dầu Một        | Giảng viên             |

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

#### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                          | Năm công bố | Tên tạp chí                  |
|----|-----------------------------------------|-------------|------------------------------|
| 1  | Cấu trúc diễn ngôn quảng cáo tiếng Việt | 2016        | Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống |

Xác nhận của cơ quan



TL. HIỆU TRƯỞNG  
TP. TỔ CHỨC

.... 10..., ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Bùi Thị Kim Loan

**BẢN SAO**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

**Master of Arts**  
**TESOL METHODOLOGY**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CẤP

**Bằng Thạc sĩ**

**Tư luận và phương pháp dạy học tiếng Anh**

UPON: **BUI THI KIM LOAN** Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số chứng thực: 005438765  
BORN ON: **Nov. 23rd. 1982** IN: **Dak Lak** Ngày: 26-04-2016  
GRADUATED ON: **August 16th. 2011**

**Bùi Thị Kim Loan**  
SINH NGÀY: **23.11.1982** TẠI: **Đắk Lắk**  
BẢO VỆ LUẬN AN NGÀY: **10** THÁNG **8** NĂM **2011**

Số đăng ký: **180-11**  
(Registration N°)

**XM01538/71KH2**



*Nguyễn Kiên Trung*

TP. Hồ Chí Minh, ngày **01** tháng **11** năm **2011**



**TS. Võ Văn Sơn**

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Vương Quốc Khanh

Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1983

Giới tính: Nam

Địa chỉ: xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại cơ quan: 0650.3837800      Di động: 0983.275627

Email: { [HYPERLINK "mailto:khanhvq@tdmu.edu.vn"](mailto:khanhvq@tdmu.edu.vn) }

Địa chỉ cơ quan: Trường Đại học Thủ Dầu Một; số 6, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Đại học

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành học: Lịch sử Thế giới

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2005

#### 2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành:      Lịch sử Thế giới      Năm cấp bằng: 2009

Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên luận văn: Tranh chấp quần đảo Trường Sa giữa Việt Nam và các bên liên quan từ năm 1909 đến nay.



**3. Ngoại ngữ:** Anh văn

Mức độ sử dụng: đọc tài liệu

### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian             | Nơi công tác               | Công việc đảm nhiệm                  |
|-----------------------|----------------------------|--------------------------------------|
| Từ 9/ 2009 đến 4/2010 | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Chuyên viên Phòng Khoa học Công nghệ |
| Từ 5/2010 đến 5/2013  | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Chuyên viên Phòng Sau Đại học        |
| Từ 6/2013 đến 12/2014 | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Chuyên viên Phòng Đào tạo            |
| Từ 1/2015 đến nay     | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên Khoa Lịch sử              |

### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu                                                                                                        | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Đội ngũ công nhân cao su Bình Dương trong những năm khôi phục và phát triển kinh tế cao su                                   | 6/2011 — 6/2013            | Cấp tỉnh                           | Chủ nghiệm                        |
| 2  | Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể của người Việt ở thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ đô thị hóa, hiện đại hóa | 5/2011 đến 11/2013         | Cấp D9HQG TP. HCM                  | Tham gia                          |

|   |                                                                                                                          |                   |            |          |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|----------|
| 3 | Quá trình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng kinh tế trọng điểm phía Nam từ năm 1998 đến 2010: Thực trạng và giải pháp | 2/2012 đến 2/2013 | Cấp trường | Tham gia |
| 4 | Quá trình phát triển giáo dục cách mạng ở Bình Dương (1945 – 1975)                                                       | 2012 - 2013       | Cấp trường | Tham gia |

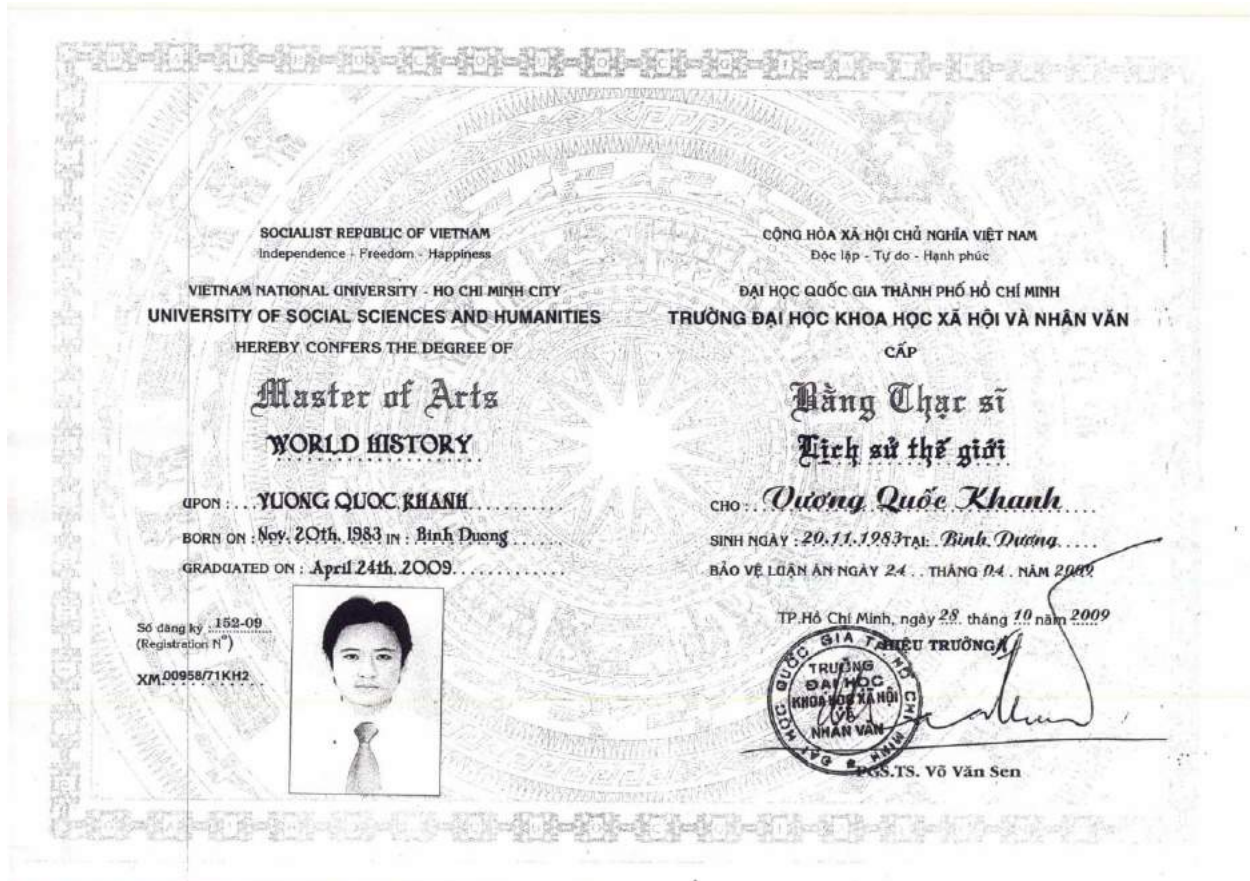
**Xác nhận của cơ quan**



Bình Dương, ngày 19 tháng 4 năm 2018

**Người khai ký tên**

**ThS. Vương Quốc Khanh**



(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu                                                                                                                                                                                                                           | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Lịch sử xã hội của một huyện biên giới Tây Nam Bộ: Trường hợp huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (1986 – 2006)                                                                                                                                      | 2007 - 2009                | Cấp Bộ                             | Tham gia                          |
| 2  | Lễ hội sông nước ở Phú Yên                                                                                                                                                                                                                      | 2009 - 2011                | Cấp Tỉnh                           | Tham gia                          |
| 3  | Nhân vật chí Phú Yên                                                                                                                                                                                                                            | 2012 - 2014                | Cấp Tỉnh                           | Tham gia                          |
| 4  | Lịch sử Thủ Dầu Một – Bình Dương                                                                                                                                                                                                                |                            | Cấp Trường                         | Tham gia                          |
| 5  | Khảo sát sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ giáo dục tại Trường Đại học Thủ Dầu Một                                                                                                                                                      |                            | Cấp Trường                         | Tham gia                          |
| 6  | Nghiên cứu mô hình truyền thông dựa vào các nhóm công chúng thích ứng biến đổi khí hậu ở ven biển Đồng bằng Sông Cửu Long (Nghiên cứu so sánh trường hợp xã Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau). | 2013 - 2015                | Cấp Bộ                             | Tham gia                          |
| 7  | Truyền thống Lực lượng Thanh niên xung phong tỉnh Phú Yên 1950 - 2015                                                                                                                                                                           | 2015-2017                  | Cấp Tỉnh                           | Tham gia                          |
| 8  | Điều tra, khảo sát, tìm hiểu di văn Hán Nôm ở đình, chùa, miếu và nhà cổ các huyện ngoại thành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh                                                                                                               | 2015 - 2016                | Cấp trường                         | Tham gia                          |
| 9  | Điều tra, khảo sát, tìm hiểu di văn Hán Nôm ở đình,                                                                                                                                                                                             | 2015 - 2016                | Cấp trường                         | Tham gia                          |



|  |                                                                  |  |  |  |
|--|------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  | chùa, miếu các quận nội thành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh |  |  |  |
|--|------------------------------------------------------------------|--|--|--|

## 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                                                                                       | Năm công bố | Tên tạp chí                                  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------|
| 1  | Ngô Minh Sang, <i>Hệ thống chính quyền và chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Phú Yên từ năm 1887 đến những năm đầu thế kỷ XX</i> | 2008        | Tạp chí Khoa học xã hội, số 4                |
| 2  | Ngô Minh Sang, <i>Quy hoạch đường sắt Phú Yên thời Pháp thuộc (1887 – 1945)</i>                                                      | 2008        | Tạp chí Xưa và Nay, số 320                   |
| 3  | Ngô Minh Sang, <i>Đập Đồng Cam và những biến đổi kinh tế nông nghiệp Phú Yên (1929 – 1945)</i>                                       | 2010        | Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 9 (413)       |
| 4  | Ngô Minh Sang, <i>Từ Sông Cầu đến Tuy Hòa – sự thay đổi không gian phát triển kinh tế - xã hội ở Phú Yên (1887 – 1945)</i>           | 2012        | Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3 (431)       |
| 5  | Ngô Minh Sang, <i>Dung hợp dân tộc, tôn giáo trong cuộc khởi nghĩa Võ Trứ và Trần Cao Vân những năm cuối thế kỷ XIX</i>              | 2013        | Tạp chí Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 1 (8) |

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Xác nhận của cơ quan



Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

*Ngô Minh Sang*



THE PRESIDENT OF UNIVERSITY OF DALAT

On the Recommendation of the Scientific and Training Council  
has conferred upon

**Mr. Ngô Minh Sang**  
Born on 28/8/1983 in Phú Yên

THE DEGREE OF

**MASTER OF ARTS**  
In History



Given under the seal of University of Dalat  
this seventh day of January 2008

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số chứng thực 46301, Quyển số SCT/BS  
Ngày 20 tháng 7 năm 2008  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP Q. PHÚ NHUẬN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Cán cử để nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo  
cấp bằng

**THẠC SĨ**

**LỊCH SỬ**

Cho ông **Ngô Minh Sang**  
Sinh ngày 28/8/1983 tại Phú Yên

Đà Lạt, ngày 05 tháng 04 năm 2008



PGS.TS. TS. Đỗ Đức Dũng

Số tăng: 07.455

Nº A 0035680



#### **Phụ lục IV**

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### **LÝ LỊCH KHOA HỌC**

#### **I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

Họ và tên: ĐINH THỊ YÊN Giới tính: Nữ  
Ngày, tháng, năm sinh: 18/5/1982 Nơi sinh: Quảng Bình  
Quê quán: Thanh Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình Dân tộc: Kinh  
Học vị cao nhất: Thạc sĩ Năm, nước nhận học vị: 2010  
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:  
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên  
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Sử, trường Đại học Thủ  
Dầu Một  
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: P. Tương Bình Hiệp, Tp. Thủ Dầu Một, Bình  
Dương  
Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DD: 0905550989  
Fax: Email: yendt@tdmu.edu.com

#### **II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

##### **1. Đại học:**

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Phú Xuân – Huế ; Ngành học: Lịch sử;  
Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2008;  
Bằng đại học 2: ; Năm tốt nghiệp:

##### **2. Sau đại học**

- Thạc sĩ chuyên ngành: Dân tộc học; Năm cấp bằng: 2014 ; Nơi đào tạo: Đại học  
Khoa học Huế  
- Tiến sĩ chuyên ngành:.....; Năm cấp bằng:.....; Nơi đào tạo:.....;  
Tên luận án:....

**3. Ngoại ngữ:** 1. Anh Văn Mức độ sử dụng: Trung bình  
2. Mức độ sử dụng:

#### **III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

{PAGE }

| Thời gian | Nơi công tác                                | Công việc đảm nhiệm |
|-----------|---------------------------------------------|---------------------|
| 2010-2011 | Trường Trung cấp VHNT và Du lịch Bình Dương | Giáo viên           |
| 2011-2018 | Trường Đại học Thủ Dầu Một                  | Giảng viên          |

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu                                                                                                                  | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    | Bảo tồn và phát huy văn hóa văn vật của người Thổ ở Nghệ An.                                                                           | 2008-2009                  | Cấp bộ                             | Tham gia                          |
|    | Hiện trạng và giải pháp bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống cho đồng bào dân tộc Chứt ở Quảng Bình                                | 2009-2010                  | Cấp tỉnh                           | Tham gia                          |
|    | Nghiên cứu biến đổi văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số Quảng Bình – các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị”                  | 2008-2009                  | Cấp tỉnh                           | Tham gia                          |
|    | Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm cải thiện đời sống, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Chứt ở Quảng Bình | 2009-2010                  | Cấp tỉnh                           | Tham gia                          |
|    | Văn hóa người Mường ở Bình Dương                                                                                                       | 2017-2018                  | Cấp cơ sở                          | Chủ nhiệm                         |

##### 2. Tác công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                                                                     | Năm công bố        | Tên tạp chí                          |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|
|    | Ngo Hong Diep, Dinh Thi Yen, Influence of mountainous residents livelihoods to living environment (A case study in | 31, 2016, tr 83-89 | Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một |

{PAGE }

|  |                                                                |  |  |
|--|----------------------------------------------------------------|--|--|
|  | Thanh Thạch commune, Tuyen Hoa district, Quang Binh province). |  |  |
|  |                                                                |  |  |

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên



Đinh Thị Yến

{PAGE }





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

## GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo  
Cấp bằng

## THẠC SĨ DÂN TỘC HỌC

**Cho Bà Đinh Thị Yến**

Sinh ngày 18/5/1982 tại Quảng Bình



Huế ngày 20 tháng 4 năm 2011



PGS. TS. NGUYỄN VĂN TOÀN



Số hiệu bằng 002100  
Số vào sổ cấp bằng KH00886

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING  
HUE UNIVERSITY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence-Freedom-Justice

**THE PRESIDENT OF HUE UNIVERSITY**

On the Recommendation of the Scientific and Training Council  
has conferred upon

**Ms. Dinh Thi Yen**

Born: 18 May, 1982 in Quang Binh

**THE DEGREE OF**

**MASTER OF ARTS**

**In Ethnology**

Given under the seal of Hue University  
this twentieth day of April 2011

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Họ và tên: Nguyễn Văn Thắng  
Giới tính: Nam  
Ngày, tháng, năm sinh: 09/12/1977  
Nơi sinh: Thanh Hóa  
Quê quán: Thanh Hóa  
Dân tộc: Kinh  
Học vị cao nhất: Tiến Sĩ  
Năm, nước nhận học vị: 2014, VN  
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:  
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên  
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Đại học Thủ Dầu Một  
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số 83, đường N13, phường Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DD: 0912783886  
Fax: Email: Thangnv.ks@tdmu.edu.vn

1. Đại học:  
 Hệ đào tạo: Chính quy  
 Nơi đào tạo: Đại học sư phạm Hà Nội  
 Ngành học: Lịch sử  
 Nước đào tạo: Việt Nam  
 Bằng đại học 2:

|                                                                                                  |                    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| - Thạc sĩ chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam                                                         | Năm cấp bằng: 2005 |
| Nơi đào tạo: Đại học sư phạm Hà Nội                                                              |                    |
| - Tiến sĩ chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam                                                         | Năm cấp bằng: 2014 |
| Nơi đào tạo: Viện Hàn lâm KH XHVN - Học viện KHXH                                                |                    |
| - Tên luận án: Quá trình phát triển giáo dục phổ thông ở tỉnh Thanh Hóa từ năm 1986 đến năm 2006 |                    |

Mức độ sử dụng: Khá  
Mức độ sử dụng:

| Thời gian                     | Nơi công tác                                 | Công việc đảm nhiệm                         |
|-------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|
| Từ năm 2000 đến tháng 06/2006 | Trường THPT Triệu Sơn 4, tỉnh Thanh Hóa      | Giáo viên môn Lịch sử - Tổ trưởng tổ Văn Sử |
| Từ tháng 06/2006 đến năm 2011 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thanh Hóa | Giảng viên Khoa Văn hoá Xã hội - TP Đào Tạo |
| Từ tháng 06/2006              | Trường ĐH Văn hóa Thái                       | Giảng viên Khoa Văn hoá Xã hội              |



ĐẠI HỌC  
THỦ DẦU MỘT



|                          |                            |                                                                    |
|--------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| đến tháng 11/2015        | thao và Du lịch Thanh Hóa  | – GD Trung tâm Sau ĐH và Liên kết, Trường phòng Thanh tra và ĐBCL. |
| Từ tháng 12/2015 đến nay | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên, khoa Sư                                                |

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

###### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản | Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không) | Điểm IF | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|--------------------------------------------|
| 1  |                                                                                             |                                           |         |                                            |

###### 2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản                                                          | Số hiệu ISSN | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------|---------|
| 1  | Nguyễn Văn Thắng. <i>Hiểu thêm về Khai quốc công thần Lê Lợi qua tám bia mới phát hiện</i> . Tạp chí Hán Nôm                                         | Năm 2009     | Tạp chí KH chuyên ngành                    |         |
| 2  | Nguyễn Văn Thắng. <i>Lê Lợi vị khai quốc công thần người Mường</i> . Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật                                                      | Năm 2009     | Tạp chí KH chuyên ngành                    |         |
| 3  | Nguyễn Văn Thắng. <i>Sự phát triển của giáo dục phổ thông Thanh Hóa trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954)</i> . Tạp chí Khoa học giáo dục | Năm 2012     | Tạp chí KH chuyên ngành                    |         |
| 4  | Nguyễn Văn Thắng. <i>Giáo dục ở miền núi Thanh Hóa từ 1986 – 1996</i> . Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật                                                   | Năm 2013     | Tạp chí KH chuyên ngành                    |         |
| 5  | Nguyễn Văn Thắng. <i>Bước đầu đổi mới giáo dục Trung học Phổ thông Thanh Hóa từ (1986 – 2006)</i> . Tạp chí Lịch sử Đảng                             |              | Tạp chí KH chuyên ngành                    |         |

###### 2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

{PAGE }

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức                                                                                   | Số hiệu ISBN | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------|---------|
| 1  | Nguyễn Văn Thắng. Giáo dục phổ thông tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Kỷ yếu hội thảo khoa Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ IV | Năm 2013     | Kỷ yếu hội thảo QT                         |         |
| 2  |                                                                                                                                                                     |              |                                            |         |

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

| TT | Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức                                                                                                                                      | Số hiệu ISBN | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------|---------|
| 1  | Nguyễn Văn Thắng . Đôi nét về quá trình du nhập Phật giáo, sự tồn tại và phát triển ở Thanh Hóa hiện nay. Hội thảo khoa học- Bàn về đặc trưng văn hóa truyền thống Thanh Hóa                                           | Năm 2012     | Kỷ yếu hội thảo                            |         |
| 2  | Nguyễn Văn Thắng . Giáo dục Thanh Hóa trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)<br>Thanh Hóa trong thời kỳ Kháng chiến chống Mỹ                                                                                 | Năm 2013     | Kỷ yếu hội thảo cấp tỉnh                   |         |
| 3  | Nguyễn Văn Thắng. Giáo dục phổ thông tỉnh Thanh Hóa trong những năm sau cách mạng tháng Tám 1945-1954. Hội thảo, Thanh Hóa 70 năm di sản cách mạng tháng Tám                                                           | Năm 2015     | Kỷ yếu hội thảo cấp tỉnh                   |         |
|    | Nguyễn Văn Thắng. Vai trò của giảng viên thỉnh giảng trong giai đoạn hiện nay. Kỷ yếu hội thảo. Hội thảo: Nâng cao năng lực quản lý và chất lượng đào tạo tại trường ĐH VH TT và DL Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay | Năm 2015     | Kỷ yếu hội thảo cấp trường                 |         |

Xác nhận của cơ quan



...bđ..., ngày 27 tháng 03 năm 2018

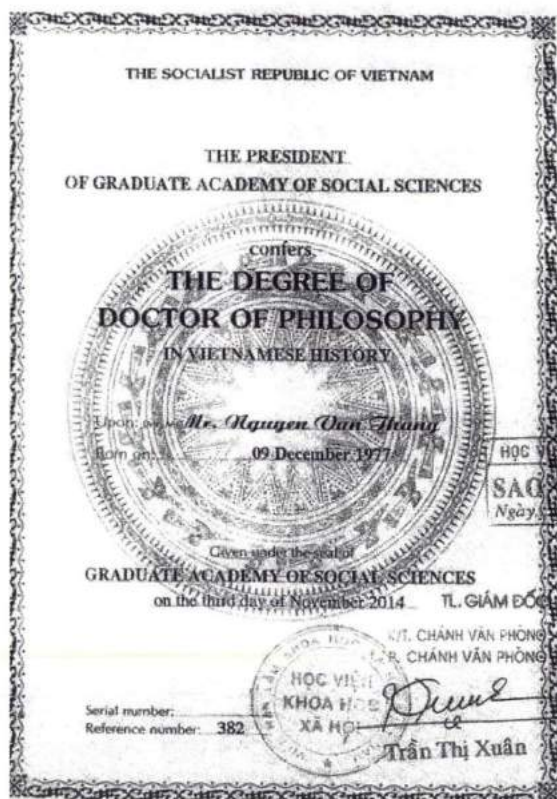
Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Nguyễn Văn Thắng

{PAGE }





(Kèm theo Thông tư số: 2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

[illegible]

Hệ đào tạo: Chính quy  
Nơi đào tạo: Đại học Sư phạm TP.HCM  
Nước đào tạo: Việt Nam  
Bằng đại học 2:

Ngành học: Sư phạm Lịch sử  
Năm tốt nghiệp: 2006  
Năm tốt nghiệp:

- Thạc sĩ chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  
 Năm cấp bằng: 2010  
 Nơi đào tạo: Đại học KHXH & NV TP.HCM  
 - Tiến sĩ chuyên ngành: Năm cấp bằng:  
 Nơi đào tạo:

**3. Ngoại ngữ:** 1. Tiếng Anh                      Mức độ sử dụng: Khá

| Thời gian               | Nơi công tác               | Công việc đảm nhiệm |
|-------------------------|----------------------------|---------------------|
| Từ tháng 7/2010 đến nay | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên          |

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |

| TT | Tên công trình                | Năm công bố | Tên tạp chí                        |
|----|-------------------------------|-------------|------------------------------------|
| 1  | Chính sách nhà ở xã hội – Góp | 2014        | Hội thảo khoa học Quốc gia “20 năm |



|   |                                                                                                                                                                                             |      |                                                                                                               |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | phần giải quyết nhu cầu của người lao động trong quá trình đô thị hóa ở Bình Dương                                                                                                          |      | đô thị hóa Nam bộ - Lý luận và thực tiễn                                                                      |
| 2 | Công cuộc đổi mới ở Việt Nam – Kết quả và những bài học kinh nghiệm sau 30 năm nhìn lại                                                                                                     | 2015 | Hội thảo khoa học Quốc tế “Việt Nam 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập (1975 – 2015)”.                 |
| 3 | Đô thị hóa gắn với phát triển bền vững ở Bình Dương                                                                                                                                         | 2015 | Hội thảo khoa học Quốc tế “Tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu lịch sử đô thị Việt Nam”                      |
| 4 | Công tác giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên – Nhân tố góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế | 2015 | Hội thảo khoa học Quốc gia “Phát triển bền vững giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực ở đồng bằng sông Cửu Long” |
| 5 | Chính sách thu hút đầu tư ở Bình Dương trong 20 năm thực hiện công nghiệp hóa, đô thị hóa (1997-2017)                                                                                       | 2016 | Hội thảo khoa học Quốc gia “Bình Dương trong 20 năm phát triển và hội nhập 1997-2017”                         |
| 6 | Thực trạng đời sống văn hóa tinh thần của công nhân tại các khu công nghiệp ở Bình Dương hiện nay và một số giải pháp trong thời gian tới                                                   | 2016 | Hội thảo khoa học Quốc gia “Bình Dương trong 20 năm phát triển và hội nhập 1997-2017”                         |

Xác nhận của cơ quan



TL. HIỆU TRƯỞNG  
TP. TỔ CHỨC

*Nguyễn Công Danh*

Bình Dương, ngày tháng năm 2018

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

*ThS. Lê Tuấn Anh*

ThS. Lê Tuấn Anh



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY  
UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

**Master of Arts**

VIETNAMESE COMMUNIST PARTY HISTORY

UPON: LÊ TUẤN ANH

BORN ON: Mar. 12th. 1984 IN: Quảng Bình

GRADUATED ON: May 26th. 2010

Số đăng ký: 221-10  
(Registration N°)

XM: 91279/71KH2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CẤP

**Bằng Thạc sĩ**

**Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**

CHO: Lê Tuấn Anh

SINH NGÀY: 12.03.1984 TẠI: Quảng Bình

BẢO VỆ LUẬN ÁN NGÀY 26... THÁNG 05, NĂM 2010

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28. tháng 10. năm 2010

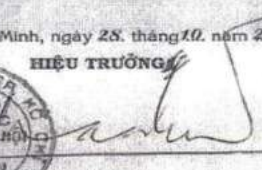


**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Số 411/HC. Ngày 17. Tháng 11. Năm 2010  
TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH



PGS.TS Đinh Ngọc Thạch

**HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Võ Văn Sơn





## LÝ LỊCH KHOA HỌC

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 04 – 04 - 1977

4. Nơi sinh: Phú Yên

5. Nguyên quán: Phú Yên

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Địa lý học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Sử

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2007

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. Chức danh nghiên cứu: .....

10. Chức vụ: Trưởng Bộ môn Địa lý

11. Liên lạc:

| TT |                 | Cơ quan                  | Cá nhân                                               |
|----|-----------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1  | Địa chỉ         | Khoa Sử - ĐH Thủ Dầu Một | 122/10 Nguyễn Thị Minh Khai,<br>P. Phú Hòa, TPTDM, BD |
| 2  | Điện thoại/ fax | 0650 3837800             | 0916 337 477                                          |
| 3  | Email           |                          | phuongnth@tdmu.edu.vn                                 |

12. Trình độ ngoại ngữ:

| TT | Tên ngoại ngữ | Nghe |     |    | Nói |     |    | Viết |     |    | Đọc hiểu tài liệu |     |    |
|----|---------------|------|-----|----|-----|-----|----|------|-----|----|-------------------|-----|----|
|    |               | Tốt  | Khá | TB | Tốt | Khá | TB | Tốt  | Khá | TB | Tốt               | Khá | TB |
| 1  | Tiếng Anh     |      | x   |    |     | x   |    |      | x   |    | x                 |     |    |
| 2  | Tiếng Pháp    |      |     | x  |     |     | x  |      |     | x  |                   |     | x  |



**13. Thời gian công tác:**

| <i>Thời gian</i>      | <i>Nơi công tác</i> | <i>Chức vụ</i>                |
|-----------------------|---------------------|-------------------------------|
| 01/8/2006 – 30/7/2007 | Đại học An Giang    | Giảng viên                    |
| 01/8/2007 – 30/6/2014 | Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên, Phó trưởng bộ môn |
| 01/7/2014 - đến nay   | Đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên, Trưởng bộ môn     |

**14. Quá trình đào tạo:**

| <i>Bậc đào tạo</i> | <i>Thời gian</i> | <i>Nơi đào tạo</i>    | <i>Chuyên ngành</i> | <i>Tên luận án tốt nghiệp</i>                                                     |
|--------------------|------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| Đại học            | 1995-1999        | Trường ĐHKHXHNV TPHCM | Địa lý Môi trường   | Thi tốt nghiệp                                                                    |
| Thạc sỹ            | 2003-2006        | Trường ĐHSP TPHCM     | Địa lý học          | Đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến các ngành và lĩnh vực TPHCM |
| Tiến sỹ            |                  |                       |                     |                                                                                   |
| Tiến sỹ Khoa học   |                  |                       |                     |                                                                                   |

**15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):**

| <i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i> | <i>Thời gian</i>                                                           | <i>Nơi đào tạo</i>          | <i>Tên khóa đào tạo</i> |
|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 10/2014                    | Tập huấn về chương trình đào tạo theo chuẩn CDIO (hoạt động trong giờ dạy) | Đại học TDM + ĐH Trà Vinh   | Giấy chứng nhận         |
| 12/2014                    | Tập huấn về chương trình đào tạo theo chuẩn CDIO (chuẩn đầu ra)            | Đại học TDM + ĐH KHTN TPHCM | Giấy chứng nhận         |

|                  |                                                                                       |                           |                 |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|
| 14-<br>17/7/2015 | Tập huấn về chương trình đào tạo theo chuẩn CDIO (phương pháp giảng dạy, soạn đề thi) | Đại học TDM + ĐH Trà Vinh | Giấy chứng nhận |
| 02-<br>05/8/2016 | Tập huấn về các kỹ năng giảng dạy (ISW)                                               | ĐH TDM                    | Giấy chứng nhận |

#### 16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

##### 16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Địa lý
- Chuyên ngành: Địa lý học

##### 16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Các vấn đề Địa lý KTXH
2. ....

## II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Đề tài/ dự án:

| TT | Tên đề tài/ dự án                                                                     | Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình | Thời gian thực hiện | Kinh phí (triệu đồng) | Chủ nhiệm/ Tham gia | Ngày nghiệm thu | Kết quả |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|-----------------|---------|
| 1  | Ảnh hưởng của đô thị hóa đến quá trình chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bình Dương | Cấp trường                              | 8/2014-8/215        | 44.647                | Chủ nhiệm           | 24/12/2015      | Tốt     |
| 2  |                                                                                       |                                         |                     |                       |                     |                 |         |

### 2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

| TT | Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh | Tên luận văn/ luận án | Năm tốt nghiệp | Bậc đào tạo | Vai trò hướng dẫn (chính hay) | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã) |
|----|---------------------------------------|-----------------------|----------------|-------------|-------------------------------|-----------------------------------------|
|----|---------------------------------------|-----------------------|----------------|-------------|-------------------------------|-----------------------------------------|

|   |  |  |  |         |             |            |
|---|--|--|--|---------|-------------|------------|
|   |  |  |  |         | <i>phụ)</i> | <i>số)</i> |
| 1 |  |  |  | Thạc sỹ |             |            |
| 2 |  |  |  | Tiến sỹ |             |            |
|   |  |  |  |         |             |            |

### III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

#### 1. Sách:

##### 1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

| <i>TT</i> | <i>Tên sách</i> | <i>Nhà xuất bản</i> | <i>Năm xuất bản</i> | <i>Tác giả/ đồng tác giả</i> | <i>Bút danh</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> |
|-----------|-----------------|---------------------|---------------------|------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------|
| 1         |                 |                     |                     |                              |                 |                                                   |
| 2         |                 |                     |                     |                              |                 |                                                   |

##### 1.2. Sách xuất bản trong nước:

| <i>TT</i> | <i>Tên sách</i> | <i>Nhà xuất bản</i> | <i>Năm xuất bản</i> | <i>Tác giả/ đồng tác giả</i> | <i>Bút danh</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> |
|-----------|-----------------|---------------------|---------------------|------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------|
| 1         |                 |                     |                     |                              |                 |                                                   |
| 2         |                 |                     |                     |                              |                 |                                                   |

#### 2. Các bài báo:

##### 2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i> | <i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i> | <i>Điểm IF</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------|
| 1         |                                                                                                    |                                                  |                |                                                   |
| 2         |                                                                                                    |                                                  |                |                                                   |

##### 2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>    | <i>Số hiệu ISSN</i>                             | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Ghi chú</i>            |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------|
| 1         | Quá trình đô thị hóa ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bình Dương giai đoạn 2000-2015 | Tạp chí Khoa học, ĐH Sư phạm TPHCM<br>1859-3100 |                                                   | <i>Tập 14. Số 5(2017)</i> |

**2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:**

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i> | <i>Số hiệu ISBN</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|----------------|
| 1         |                                                                                          |                     |                                                   |                |
| 2         |                                                                                          |                     |                                                   |                |

**2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):**

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>                                                                                                                                                      | <i>Số hiệu ISBN</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|----------------|
| 1         | Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>Sự chuyển mình của Điện Biên Phủ sau sáu mươi năm</i> , Hội thảo cấp quốc gia (Chiến thắng Điện Biên Phủ, những vấn đề lịch sử), 5/2014, ĐHTDM                                                                     |                     | Bài tham luận                                     | Tác giả        |
| 2         | Phan Văn Trung-Phan Duy Anh- Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>Ứng dụng GIS trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử</i> , Hội thảo cấp trường (Giá trị và phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội nhà trường phổ thông), 8/2015, ĐH Đồng Tháp    |                     | Bài tham luận                                     | Đồng tác giả   |
| 3         | Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>Ảnh hưởng của đô thị hóa đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bình Dương</i> , Hội thảo cấp quốc gia (20 năm ĐTH Bình Dương-những vấn đề thực tiễn), 16/1/2016, ĐHTDM                                           |                     |                                                   | Tác giả        |
| 4         | Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>Xây dựng chương trình Địa lý học theo hướng tiếp cận CDIO tại Trường ĐH Thủ Dầu Một</i> , Hội thảo cấp Trường (Xây dựng chuẩn đầu ra ngành SP Lịch sử và SP Địa lý theo hướng tiếp cận CDIO-Nhu cầu và giải pháp), |                     | Bài tham luận                                     | Tác giả        |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                |  |               |              |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------|--------------|
|   | 22/3/2016 ĐHTDM                                                                                                                                                                                                                                |  |               |              |
| 5 | Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố đô thị tỉnh Bình Dương</i> , Hội thảo cấp Quốc gia (Bình Dương-20 năm phát triển và hội nhập 1997-2017), 26/12/2016 ĐHTDM                                 |  | Bài tham luận | Tác giả      |
| 6 | Phạm Thị Xuân Thọ, Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>Hiện trạng sử dụng đất tỉnh Bình Dương trong quá trình đô thị hóa</i> , Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần 9, (Khoa học Địa lý Việt Nam với phát triển kinh tế xanh), ĐH Quy Nhơn 24/12/2016 |  | Bài tham luận | Đồng tác giả |

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

| TT | Tên giải thưởng | Nội dung giải thưởng | Nơi cấp | Năm cấp |
|----|-----------------|----------------------|---------|---------|
| 1  |                 |                      |         |         |
| 2  |                 |                      |         |         |

##### 2. Bằng phát minh, sáng chế:

| TT | Tên bằng | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu | Năm cấp | Nơi cấp | Tác giả/ đồng tác giả |
|----|----------|--------------------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------|
| 1  |          |                                            |         |         |         |                       |
| 2  |          |                                            |         |         |         |                       |

##### 3. Bằng giải pháp hữu ích:

| TT | Tên giải pháp | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Số hiệu | Năm cấp | Nơi cấp | Tác giả/ đồng tác giả |
|----|---------------|--------------------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------|
| 1  |               |                                            |         |         |         |                       |
| 2  |               |                                            |         |         |         |                       |

##### 4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:



| TT | Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao | Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng | Năm chuyển giao | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) |
|----|-------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------|
| 1  |                                                 |                                    |                 |                                            |
| 2  |                                                 |                                    |                 |                                            |

## V. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

| TT | Thời gian | Tên chương trình | Chức danh |
|----|-----------|------------------|-----------|
|    |           |                  |           |
|    |           |                  |           |

### 2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

| TT | Thời gian | Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo | Chức danh |
|----|-----------|-------------------------------------------|-----------|
|    |           |                                           |           |
|    |           |                                           |           |

### 3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

| TT | Thời gian | Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu | Nội dung tham gia |
|----|-----------|------------------------------------------------|-------------------|
|    |           |                                                |                   |
|    |           |                                                |                   |

Xác nhận của Lãnh đạo Khoa



TL HIỆU TRƯỞNG  
TP. TỔ CHỨC

Huỳnh Công Danh

Bình Dương, ngày 19 tháng 4 năm 2018

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Thị Hoài Phương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo  
cấp bằng

**THẠC SĨ**

**KHOA HỌC XÃ HỘI**

**ĐỊA LÍ HỌC (trừ Địa lí tự nhiên)**

Cho Bà : *Nguyễn Thị Hoài Phương*

Sinh ngày **04-04-1977** tại **Phú Yên**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2007*



Số bằng: **395**

Nº. A**027474**

**THE RECTOR OF HOCHIMINH CITY UNIVERSITY OF PEDAGOGY**

On the Recommendation of the Scientific and Training Council  
has conferred upon

**Ms. *Nguyễn Thị Hoài Phương***

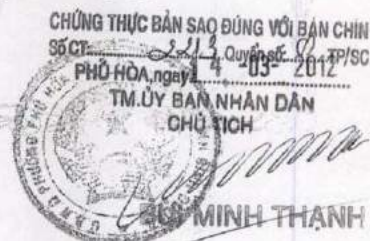
Born **04-04-1977** in **Phu Yen**

THE DEGREE OF  
**MASTER OF ARTS**  
in Geography



Given under the seal of Hochiminh City University of Pedagogy

May 14, 2007



**Phụ lục IV**  
(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG
- Giới tính: nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 09/02/1987
- Nơi sinh: Tiền Giang
- Quê quán: Tiền Giang
- Dân tộc: Kinh
- Học vị cao nhất: Thạc sĩ
- Năm, nước nhận học vị: 2014
- Chức danh khoa học cao nhất:
- Năm bổ nhiệm:
- Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trưởng Bộ môn Tâm lý
- Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Hành chính – Luật
- Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại liên hệ: CQ: DD: 0916436219
- Fax: Email: trangnth@tdmu.edu.vn

### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Đại học:

- Hệ đào tạo: Chính quy
- Nơi đào tạo: Đại học Luật TpHCM
- Ngành học: Luật hành chính
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 2010

#### 2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Luật hiến pháp và luật hành chính
- Năm cấp bằng: 2014
- Nơi đào tạo: Đại học Luật TpHCM

#### 3. Ngoại ngữ: Anh văn

- Mức độ sử dụng: Khá

### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian         | Nơi công tác                            | Công việc đảm nhiệm |
|-------------------|-----------------------------------------|---------------------|
| Từ 2011 đến 2013  | TAND huyện Tân Phú Đông tỉnh Tiền Giang | Thư ký Tòa án       |
| Từ 4/2013 đến nay | Trường Đại học Thủ Dầu Một              | Giảng viên          |



#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí/Hội thảo |
|----|----------------|-------------|----------------------|
|    |                |             |                      |

Xác nhận của cơ quan



TL. HIỆU TRƯỞNG  
VP. TỔ CHỨC

*Huỳnh Công Danh*

...*11*..., ngày *17* tháng *05* năm *2018*

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

*huy*

ThS. Nguyễn Thị Hồng Trang





#### Phụ lục IV

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

#### I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

- Họ và tên: ĐINH THỊ THU PHƯỢNG
- Ngày, tháng, năm sinh: 11/01/1989
- Quê quán: Hoa Lộc – Hậu Lộc – Thanh Hóa
- Học vị cao nhất: Thạc sĩ
- Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên
- Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Ngữ văn, ĐH Thủ Dầu Một
- Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Khoa Ngữ văn, trường Đại học Thủ Dầu Một
- Điện thoại liên hệ: CQ: 02743 844670
- Fax: .....E-mail: dinhthinhvc@gmail.com
- Giới tính: Nữ
- Nơi sinh: Đồng Nai
- Dân tộc: Kinh
- Năm nhận học vị: 2014
- Năm tốt nghiệp: 2011
- Năm tốt nghiệp: 2017
- Năm cấp bằng: 2014

#### II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

##### 1. Đại học:

- Hệ đào tạo: Chính quy
- Nơi đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh
- Ngành học: Sư phạm Ngữ văn
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Bằng đại học 2: Ngữ văn Anh – Trường ĐH KHXH&NV TP HCM

##### 2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Ngôn ngữ học
- Nơi đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh

##### 3. Ngoại ngữ:

#### III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

| Thời gian                  | Nơi công tác          | Công việc đảm nhiệm |
|----------------------------|-----------------------|---------------------|
| 1/5/2014 – nay<br>(2/2018) | Trường ĐH Thủ Dầu Một | Giảng viên          |

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu                                   | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|---------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Điều tra, khảo sát, tìm hiểu di văn Hán Nôm ở đình chùa | 2016/2017                  | Cấp trường                         | Thành viên                        |

{ PAGE \\* MERGEFORMAT }

|  |                                                  |  |  |  |
|--|--------------------------------------------------|--|--|--|
|  | miếu trên địa bàn các huyện<br>thị tỉnh Đồng Nai |  |  |  |
|--|--------------------------------------------------|--|--|--|

## 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                              | Năm<br>công bố     | Tên tạp chí                       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------|
| 1  | Cách tạo lập một số điển<br>ngôn chia buồn trong tang<br>chế của người Việt | 2017<br>(Số 5 (1)) | Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến |

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Xác nhận của cơ quan



TL HIỆU TRƯỞNG  
TP TỔ CHỨC

*Huỳnh Công Danh*

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

*Ph*

Thạc sĩ Đinh Thị Thu Phương

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR  
OF THE HOCHIMINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

confers

**THE DEGREE OF MASTER**  
of arts in Linguistics

Upon: (Ms, Mr) *Dinh Thi Thu Phuong*  
Born on: *January 11, 1989*

Given under the seal of  
*The Ho Chi Minh City University of Education*  
*April 2, 2014*

Serial number: **A068503**  
Reference number: **2365**

UBND XÃ TÂN AN HUYỆN VĨNH CƯ  
CHỨNG THỰC BẢN GAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số *Chị Duyên* *Chị Duyên* ngày *14 tháng 04 năm 2014*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

**BẰNG THẠC SĨ**  
NGÔN NGỮ HỌC

Cho: *Dinh Thi Thu Phuong*  
Sinh ngày: *11/01/1989*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày *02 tháng 04 năm 2014*

**CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Thị Thanh Phương*

**HIỆU TRƯỞNG**  
*PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng*

Số hiệu: **A 068503**  
Số vào sổ cấp bằng: **2365**

(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Họ và tên: **TRẦN THỊ THUY**
- Ngày, tháng, năm sinh: **10/08/1981**
- Thanh Chương, Nghệ An
- Quê quán: **Đồng Văn, Thanh Chương, Nghệ An**
- Học vị cao nhất: **Thạc sỹ**
- Chức danh khoa học cao nhất:
- Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): **Trưởng Bộ môn**
- Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): **Bộ môn: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin – Trung tâm Lý luận Chính trị - Đại học Thủ Dầu Một**
- Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại liên hệ: **CQ:**
- Fax:
- Giới tính: **nữ**
- Nơi sinh: **Đồng Văn,**
- Dân tộc: **Kinh**
- Năm nhận học vị: **2010**
- Năm bổ nhiệm:
- Điện thoại liên lạc: **DD: 01662.160.162**
- Email:

- Hệ đào tạo: chính quy; Nơi đào tạo: Trường đại học Khoa học Huế; Ngành học: Triết học; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2003;  
- Bằng đại học 2:.....; Năm tốt nghiệp:

- Thạc sĩ chuyên ngành: Triết học; Năm cấp bằng: 2011; Nơi đào tạo: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

| <b>Thời gian</b>            | <b>Nơi công tác</b>        | <b>Công việc đảm nhiệm</b> |
|-----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Từ 30/10/2003<br>đến 8/2013 | Trường đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên                 |
| Từ 8/2013 đến nay           | Trường đại học Thủ Dầu Một | Giảng viên, Trưởng bộ môn  |



#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu                                                                                                     | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Rèn luyện tư duy biện chứng cho sinh viên thông qua giảng dạy phần 1 môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin | 2013 - 2014                | Trường                             | Chủ nhiệm                         |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                                                                                                                                          | Năm công bố | Tên tạp chí/Hội thảo khoa học                                                                                                                        |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Một số giải pháp nâng cao chất lượng môi trường ở Bình Dương                                                                                                                            | 2011        | Tạp chí văn phòng cấp ủy (ISSN 1859 – 2031) Văn phòng Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam                                                              |
|    | Một số vấn đề biển đảo cần quan tâm                                                                                                                                                     | 2011        | Tạp chí Biển Việt Nam (ISSN1859-0233)                                                                                                                |
|    | Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay                                                                                     | 2012        | Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông (ISSN: 1859-1485)                                                                                          |
|    | Một số bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của đảng trong cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945                                                                                                | 2015        | Hội thảo khoa học: Cách mạng tháng 8 năm 1945 – kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Trường đại học sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh |
|    | Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức cấp xã trong thực thi quyền lực nhà nước – thực trạng và giải pháp (qua thực tế tại phường Phú Hòa thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) | 2015        | Hội thảo: Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, Trường đại học Thủ Dầu Một                                         |
|    | Phát huy vai trò nguồn lực thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hóa,                                                                                                                  | 2017        | Hội thảo khoa học Quốc gia. “Nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần                                            |

|                                    |                                                                |
|------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| hiện đại hóa ở nước ta<br>hiện nay | ng nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ<br>XII", Học viện ngân hàng |
|------------------------------------|----------------------------------------------------------------|

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2018

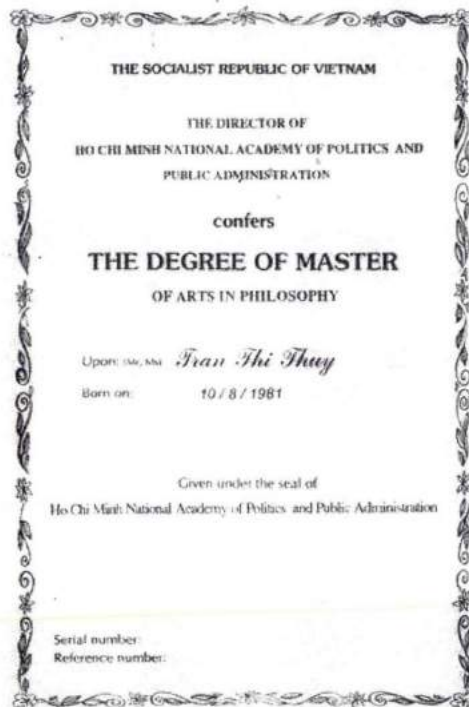
**Xác nhận của cơ quan**

**Người khai kí tên**

(Ghi rõ chức danh, học vị)



ThS. Trần Thị Thủy



(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Họ và tên: TRẦN TRUNG CHUNG - Giới tính: nam  
- Ngày, tháng, năm sinh: 29-04-1983 - Nơi sinh: Xã Hòa Phong, huyện  
Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk  
- Quê quán: Phường Cẩm Nam, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam  
- Dân tộc: Kinh  
- Học vị cao nhất: Thạc sĩ - Năm, nước nhận học vị: 2015  
- Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): giảng viên  
- Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí  
Minh – Trung tâm Lý luận Chính trị - Đại học Thủ Dầu Một  
- Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:  
- Điện thoại liên hệ: CQ: 06503834958 DD: 0903718793  
- Fax: Email: chungtt@tdmu.edu.vn

- Hệ đào tạo: chính quy; Nơi đào tạo: ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh; Ngành học: Giáo dục Chính trị; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2007;

- Thạc sĩ chuyên ngành: Hồ Chí Minh học; Năm cấp bằng: 2015; Nơi đào tạo: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

- Tiến sĩ chuyên ngành:.....; Năm cấp bằng:.....; Nơi đào tạo:.....;

Tên luận án:....

**3. Ngoại ngữ:** Anh văn                                  Mức độ sử dụng: Trung bình

| Thời gian        | Nơi công tác                              | Công việc đảm nhiệm |
|------------------|-------------------------------------------|---------------------|
| Từ 2008 đến 2010 | - Trường THPT Đông Du, TP. Hồ Chí Minh    | Giáo viên           |
| Từ 2011 đến nay  | - Trường ĐH Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương | Giảng viên          |

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |
|    |                       |                            |                                    |                                   |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình                                                                         | Năm công bố | Tên Hội thảo                                                                                             |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Một số vấn đề về phát triển kinh tế đất nước quan bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh | 2015        | Hội thảo Nghiên cứu và học tập Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh |

Xác nhận của cơ quan



TL. HIỆU TRƯỞNG  
TP. TỔ CHỨC

Nguyễn Lê Văn

Đã... ngày 21 tháng 2 năm 2018

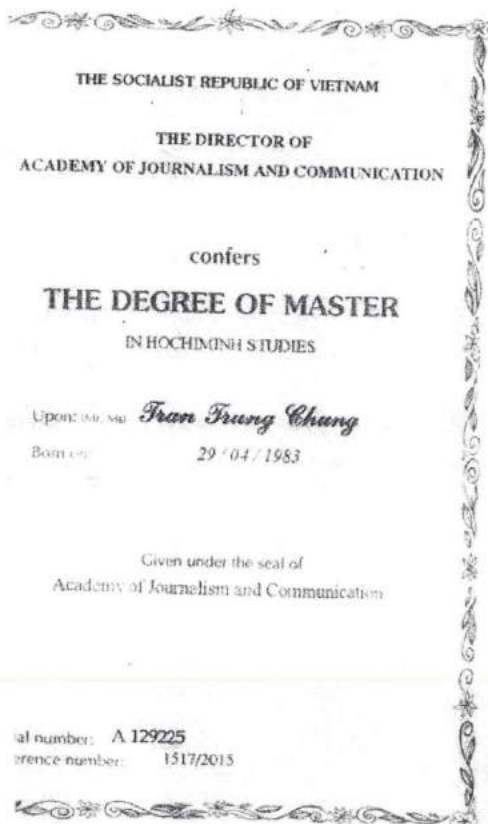
Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Trần Trung Chung

ThS. Trần Trung Chung





(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

|  |  | đầu/Năm<br>hoàn thành | Bộ, ngành,<br>trường) | tham gia trong<br>đề tài |
|--|--|-----------------------|-----------------------|--------------------------|
|  |  |                       |                       |                          |

**Các công trình khoa học đã công bố:**

| TT | Tên công trình                                                                                     | Năm công<br>bố | Tên tạp chí/Hội thảo                                                                 |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Đầu tư tài chính cho giáo dục con cái trong các gia đình nhập cư thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương     | 2016           | Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 1/2016                                                 |
| 2  | Khởi đi từ triết học đạo đức của Aristotle và Emanuel Kant để dẫn vào đạo đức nghề Công tác xã hội | 2016           | Hội thảo khoa học “Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe”, Đại học Đà Lạt |
| 3  | Giáo dục cho trẻ em nhập cư tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương                                | 2017           | Hội thảo cấp trường tại Trường Đại học Khánh Hòa                                     |

Xác nhận của cơ quan



*Huỳnh Công Danh*

...bđ..., ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

*Nguyễn Hoàng Dũng*

ThS. Nguyễn Hoàng Dũng

**Phụ lục IV**  
(Kèm theo Thông tư số: /2017/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2017  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

**I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC**

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG - Giới tính: nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 09/02/1987 - Nơi sinh: Tiền Giang
- Quê quán: Tiền Giang - Dân tộc: Kinh
- Học vị cao nhất: Thạc sĩ - Năm, nước nhận học vị: 2014
- Chức danh khoa học cao nhất: - Năm bổ nhiệm:
- Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trưởng Bộ môn Tâm lý
- Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Hành chính – Luật
- Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại liên hệ: CQ: ĐD: 0916436219
- Fax: Email: trangnth@tdmu.edu.vn

**II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Đại học:**

- Hệ đào tạo: Chính quy
- Nơi đào tạo: Đại học Luật TpHCM
- Ngành học: Luật hành chính
- Nước đào tạo: Việt Nam
- Năm tốt nghiệp: 2010

**2. Sau đại học**

- Thạc sĩ chuyên ngành: Luật hiến pháp và luật hành chính
- Năm cấp bằng: 2014
- Nơi đào tạo: Đại học Luật TpHCM

**3. Ngoại ngữ: Anh văn**

- Mức độ sử dụng: Khá

**III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

| Thời gian         | Nơi công tác                            | Công việc đảm nhiệm |
|-------------------|-----------------------------------------|---------------------|
| Từ 2011 đến 2013  | TAND huyện Tân Phú Đông tỉnh Tiền Giang | Thư ký Tòa án       |
| Từ 4/2013 đến nay | Trường Đại học Thủ Dầu Một              | Giảng viên          |

#### IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

##### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

| TT | Tên đề tài nghiên cứu | Năm bắt đầu/Năm hoàn thành | Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường) | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|----|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                       |                            |                                    |                                   |

##### 2. Các công trình khoa học đã công bố:

| TT | Tên công trình | Năm công bố | Tên tạp chí/Hội thảo |
|----|----------------|-------------|----------------------|
|    |                |             |                      |

Xác nhận của cơ quan



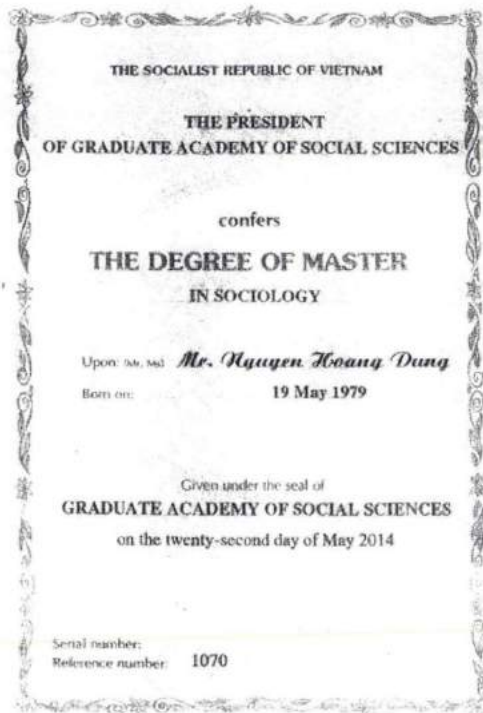
...11..., ngày 17 tháng 03 năm 2018

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Nguyễn Thị Hồng Trang





Ngày 20 tháng 2 năm 2019

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH<sup>5</sup>**

Tên ngành: **QUỐC TẾ HỌC**

Mã số: 7310601

| TT | Điều kiện mở ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | <b>Sự cần thiết phải mở ngành</b><br>1.1 Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.<br>1.2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành<br><br>1.3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có)<br>1.4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo).<br>1.5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo | - Hoàn toàn phù hợp với chiến lược và quy hoạch phát triển của tỉnh, của nhà trường cũng như đáp ứng các yêu cầu thực tế của xã hội<br>- Phù hợp với danh mục đào tạo cấp IV trình độ đào tạo<br><br>- Có<br><br>- Có (Khoa Sử) |         |
| 2  | <b>Đội ngũ giảng viên</b><br>1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo<br><br>2. Giảng viên cơ hữu<br>- Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần:<br>- Số tiến sỹ cùng ngành:<br>- Số thạc sỹ cùng ngành:<br>2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu                                                                                                                                                                                                                       | - 30 (100%)<br><br><br><br>- 25 giảng viên<br><br><br>- Đủ                                                                                                                                                                      |         |

<sup>5</sup> Phụ lục V (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

|   |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                 |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--|
|   | là điều kiện mở ngành đào tạo                                                                                                                                                                                                                     |                                                 |  |
|   | 2.4. Giảng viên thỉnh giảng<br><br>2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).                                                                                        | - không thỉnh giảng ngoài trường                |  |
| 3 | <b>Cơ sở vật chất</b><br>3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm<br>3.2. Thư viện, thư viện điện tử<br>3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo                                                              | Đảm bảo về số lượng và chất lượng<br>Có<br>- Có |  |
| 4 | <b>Chương trình đào tạo</b><br>4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo<br>4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo<br>4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo                                                                                                | Có<br>Có<br>Có                                  |  |
| 5 | <b>Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng</b><br>5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định<br><br>5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định<br><br>5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có) | - Có<br><br>- Có                                |  |

Bình Dương, ngày            tháng            năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**TS Ngô Hồng Điệp**

## PHIẾU KHẢO SÁT

### NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ **Đại học** ngành **Quốc tế học** để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

#### A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: ..... Công ty STV LTD
2. Địa chỉ: ..... 555 Đại lộ Bình Dương, TP. TDM, Bình Dương
3. Số điện thoại: ..... 0123456789. Email: .....
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: ..... Mọi giới bất động sản

#### B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát                                                               | Giai đoạn<br>2017-2020<br>(số lượng nhân sự) | Giai đoạn<br>2021-2025<br>(số lượng nhân sự) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1  | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ <b>Đại học</b> ngành <b>Quốc tế học</b> | 35                                           | 25                                           |
| 2  | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ <b>Đại học</b> ngành <b>Quốc tế học</b> | 40                                           | 45                                           |

...TDM... ngày 20 tháng 3 năm 2018

#### ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

(Ký tên đóng dấu)  
  
 ..... Nguyễn Hữu Trí .....  
 Authorized Signature(s)

## PHIẾU KHẢO SÁT

### NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ **Đại học** ngành **Quốc tế học** để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

#### A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị: *Báo Bình Dương*
- Địa chỉ: *573 Lê Hồng Phong, Phú Hòa, TP. TDM, B. Bình Dương*
- Số điện thoại: *0274 3885769* Email: *bachinhduonghc@gmail.com*
- Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: *Báo chí*

#### B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát                                                               | Giai đoạn<br>2017-2020<br>(số lượng nhân sự) | Giai đoạn<br>2021-2025<br>(số lượng nhân sự) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1  | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ <b>Đại học</b> ngành <b>Quốc tế học</b> | 40                                           | 50                                           |
| 2  | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ <b>Đại học</b> ngành <b>Quốc tế học</b> | 45                                           | 35                                           |

*Phụ. Đào. K. S.* ngày *30* tháng *3* năm 2017

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT



*Nguyễn Văn Dũng*



## PHIẾU KHẢO SÁT

### NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Quốc tế học để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

#### A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: Công ty TNHH JORN TECHNOLOGY
2. Địa chỉ: M. M. M. KCN Việt Hương - Thuận An - Bình Dương
3. Số điện thoại: 0274.3755726. Email: .....
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Sản xuất lắp ráp...gắn công nghệ

#### B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát                                                 | Giai đoạn<br>2017-2020<br>(số lượng nhân sự) | Giai đoạn<br>2021-2025<br>(số lượng nhân sự) |
|----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1  | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Quốc tế học | 8                                            | 12                                           |
| 2  | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Quốc tế học | 2                                            | 4                                            |

..... ngày 16 tháng 03 năm 2018

**ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT**



CHENG HUI YU

## PHIẾU KHẢO SÁT

### NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ Đại học ngành Quốc tế học để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

#### A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

- Tên đơn vị: Công ty TNHH Ban Sports Việt Nam
- Địa chỉ: Ngã 3 đường Sét, Ấp Thuận Hòa, Xã Trảng Bùn, Huyện Bình Hòa, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0236.3321.111 Email: hucruitruong@canports.vn
- Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Sản xuất giày

#### B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát                                                 | Giai đoạn<br>2017-2020<br>(số lượng nhân sự) | Giai đoạn<br>2021-2025<br>(số lượng nhân sự) |
|----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1  | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Quốc tế học | 5                                            | 5                                            |
| 2  | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Quốc tế học | 0                                            | 0                                            |

..... ngày..... tháng..... năm 2018

#### ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

(Ký tên đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



WANG CHENG YANG

## PHIẾU KHẢO SÁT

### NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Nhằm thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực và đào tạo trình độ **Đại học** ngành **Quốc tế học** để Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Quý cơ quan, doanh nghiệp, xin Quý cơ quan, doanh nghiệp vui lòng điền thông tin vào phiếu khảo sát này.

#### A. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

1. Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ DI HÙNG
2. Địa chỉ: Khu Phố Chuối, Thuận An, Bình Dương
3. Số điện thoại: 0274.3728821 Email: .....
4. Ngành/lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị: Nhằm

#### B. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

| TT | Nội dung khảo sát                                                               | Giai đoạn<br>2017-2020<br>(số lượng nhân sự) | Giai đoạn<br>2021-2025<br>(số lượng nhân sự) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1  | Nhu cầu bổ sung nguồn nhân lực trình độ <b>Đại học</b> ngành <b>Quốc tế học</b> | 20                                           | 30                                           |
| 2  | Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ <b>Đại học</b> ngành <b>Quốc tế học</b> | 30                                           | 40                                           |

..... ngày 26 tháng 3 năm 2018

#### ĐƠN VỊ ĐƯỢC KHẢO SÁT

(Ký tên đóng dấu)





UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Số: **94** /QĐ-ĐHTDM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày **30** tháng **01** năm **2019**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:  
(Danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.  
Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**TS. NGÔ HỒNG DIỆP**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Danh sách Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo**  
**trình độ đại học**  
(Kèm theo Quyết định số 91/QĐ-DHDDM ngày 30 tháng 04 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

| TT | Họ và Tên                | Chức vụ                  | Nhiệm vụ    | Chương trình đào tạo                |
|----|--------------------------|--------------------------|-------------|-------------------------------------|
| 1  | TS. Nguyễn Hồ Quang      | Giám đốc chương trình    | Trưởng nhóm | Công nghệ kỹ thuật ô tô             |
| 2  | ThS. Nguyễn Đình Phước   | Giảng viên               | Thành Viên  | Công nghệ kỹ thuật ô tô             |
| 3  | ThS. Đinh Hải Lâm        | Thư ký chương trình      | Thành Viên  | Công nghệ kỹ thuật ô tô             |
| 1  | TS Trịnh Dũng            | Giảng viên               | Trưởng nhóm | Thiết kế đồ họa                     |
| 2  | ThS Lê Quang Lợi         | Giảng viên               | Thành viên  | Thiết kế đồ họa                     |
| 3  | ThS Lê Thị Thanh Loan    | Giảng viên               | Thành viên  | Thiết kế đồ họa                     |
| 1  | PGS.TS Nguyễn Ngọc Dung  | Giám đốc chương trình    | Trưởng nhóm | Quốc tế học                         |
| 2  | TS. Nguyễn Hoàng Huệ     | P. Giám đốc chương trình | Thành Viên  | Quốc tế học                         |
| 3  | ThS. Lê Thị Bích Ngọc    | Thư ký chương trình      | Thành Viên  | Quốc tế học                         |
| 4  | ThS. Nguyễn Hà Trang     | Giảng viên               |             |                                     |
| 1  | TS. Tạ Anh Thư           | Giám đốc chương trình    | Trưởng nhóm | Văn học                             |
| 2  | TS. Nguyễn Thị Kim Tiến  | Giảng viên               | Thành viên  | Văn học                             |
| 3  | TS. Hà Thanh Vân         | Giảng viên               | Thành viên  | Văn học                             |
| 1  | TS Đồng Văn Toàn         | Giám đốc chương trình    | Trưởng nhóm | Tâm lý học                          |
| 2  | ThS. Nguyễn Văn Thắng    | Giảng viên               | Thành viên  | Tâm lý học                          |
| 3  | ThS. Nguyễn Thị Tuấn Anh | Giảng viên               | Thành viên  | Tâm lý học                          |
| 1  | TS. Nguyễn Hán Khanh     | Giám đốc chương trình    | Trưởng nhóm | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 2  | ThS. Bùi Thành Tâm       | Giảng viên               | Thành Viên  | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 3  | ThS. Trần Thụy Vũ        | Giảng viên               | Thành Viên  | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Số: 130 /QĐ-ĐHTDM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 15 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Hội đồng thẩm định**  
**Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và định chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo gồm các ông, bà có tên sau đây:

*(Danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**TS. NGÔ HỒNG DIỆP**



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Danh sách Hội đồng thẩm định**  
**Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo**  
*(Kèm theo Quyết định số 130 /QĐ-ĐHTDM ngày 15 tháng 02 năm 2019*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)*

| TT | Họ và Tên                  | Chức vụ                                                                                     | Nhiệm vụ    | Ghi chú                 |
|----|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|
| 1  | PGS. TS. Lê Anh Tuấn       | Bộ môn Kỹ thuật ô tô, trường Đại học Hàng hải Việt Nam.                                     | Chủ tịch    | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 2  | TS. Nguyễn Tiến Dũng       | Trưởng Bộ môn Kỹ thuật ô tô, trường Đại học Hàng hải Việt Nam.                              | Phản biện 1 | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 3  | PGS. TS. Nguyễn Thành Công | Phó trưởng Bộ môn Cơ khí ô tô, trường Đại học Giao thông vận tải Hà Nội.                    | Phản biện 2 | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 4  | TS. Nguyễn Hồ Quang        | Giám đốc chương trình Công nghệ kỹ thuật ô tô, Khoa Kỹ thuật công nghệ, Đại học Thủ Dầu Một | Ủy viên     | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 5  | ThS. Đinh Hải Lâm          | Khoa Kỹ thuật công nghệ, Đại học Thủ Dầu Một                                                | Thư ký      | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 1  | GS. TS. Nguyễn Xuân Tiên   | Đại học Mỹ thuật TP. HCM                                                                    | Chủ tịch    | Thiết kế đồ họa         |
| 2  | PGS.TS Cung Dương Hằng     | Đại học Mỹ thuật TP. HCM                                                                    | Phản biện 1 | Thiết kế đồ họa         |
| 3  | TS. Nguyễn Đức Sơn         | Đại Học Sài Gòn                                                                             | Phản biện 2 | Thiết kế đồ họa         |
| 4  | ThS. Nguyễn Văn Quý        | Đại học Mỹ thuật TP. HCM                                                                    | Ủy viên     | Thiết kế đồ họa         |
| 5  | PGS.TS Hoàng Minh Phúc     | Đại học Mỹ thuật TP. HCM                                                                    | Thư ký      | Thiết kế đồ họa         |
| 1  | PGS.TS Trần Nam Tiến       | Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM                                                  | Chủ tịch    | Quốc tế học             |
| 2  | PGS.TS Ngô Minh Oanh       | Đại học Sư Phạm TP.HCM                                                                      | Phản biện 1 | Quốc tế học             |
| 3  | TS Trần Nguyễn Khang       | Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM                                                  | Phản biện 2 | Quốc tế học             |
| 4  | ThS Hà Thanh               | Sở ngoại vụ Bình Dương                                                                      | Ủy viên     | Quốc tế học             |
| 5  | TS Lê Tùng Lâm             | Đại học Sài Gòn                                                                             | Thư ký      | Quốc tế học             |
| 1  | PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp    | Đại học Thủ Dầu Một                                                                         | Chủ tịch    | Văn học                 |

|   |                            |                                            |             |                                     |
|---|----------------------------|--------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|
| 2 | PGS.TS. Đoàn Lê Giang      | Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM | Phản biện 1 | Văn học                             |
| 3 | PGS.TS. Bùi Thanh Truyền   | Đại học Sư Phạm TP.HCM                     | Phản biện 2 | Văn học                             |
| 4 | TS. Tạ Anh Thư             | Đại học Thủ Dầu Một                        | Ủy viên     | Văn học                             |
| 5 | TS. Nguyễn Thị Kim Tiến    | Đại học Thủ Dầu Một                        | Thư ký      | Văn học                             |
| 1 | PGS.TS. Phan Thị Tố Oanh   | Đại học Công nghiệp TP.HCM                 | Chủ tịch    | Tâm lý học                          |
| 2 | TS. Huỳnh Văn Chấn         | Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM | Phản biện 1 | Tâm lý học                          |
| 3 | TS. Trịnh Viết Then        | Đại học Công nghiệp TP.HCM                 | Phản biện 2 | Tâm lý học                          |
| 4 | TS. Vũ Đình Bảy            | Trường Cán bộ quản lý TP. HCM              | Ủy viên     | Tâm lý học                          |
| 5 | TS. Nguyễn Thị Minh        | Học viện hành chính quốc gia TP. HCM       | Thư ký      | Tâm lý học                          |
| 1 | PGS.TS. Hà Nam Khánh Giao  | Học viện Hàng không Việt Nam               | Chủ tịch    | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 2 | TS. Mai Thanh Loan         | Đại học Kinh Tế TP.HCM                     | Phản biện 1 | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 3 | PGS. TS. Nguyễn Hải Quang  | ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM                | Phản biện 2 | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 4 | TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương | ĐH Quốc tế ĐHQG TPHCM                      | Ủy viên     | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |
| 5 | TS. Nguyễn Hán Khanh       | ĐH Thủ Dầu Một                             | Thư ký      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng |



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 271/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Hội đồng khoa học đào tạo**  
**thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo gồm các ông, bà có tên sau đây:

*(Danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo giúp Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một xem xét, góp ý Chương trình đào tạo trong hồ sơ mở ngành theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PBTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**TS. NGÔ HỒNG DIỆP**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Danh sách Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo**  
**(Kèm theo Quyết định số 171/QĐ-ĐHTDM ngày 28 tháng 09 năm 2019**  
**của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Mọt)**

| TT | Họ và Tên                           | Chức vụ                      | Nhiệm vụ   | Ghi chú               |
|----|-------------------------------------|------------------------------|------------|-----------------------|
| 1  | TS Ngô Hồng Điệp                    | Phó Hiệu trưởng              | Chủ tịch   |                       |
| 2  | ThS Lê Thị Kim Út                   | Trưởng phòng Đào tạo đại học | Thành viên |                       |
| 3  | ThS Huỳnh Công Danh                 | Trưởng phòng Tổ chức         | Thành viên |                       |
| 4  | ThS Nguyễn Hữu Thuận                | Trưởng phòng Cơ sở vật chất  | Thành viên |                       |
| 5  | ThS Võ Thị Cẩm Vân                  | Giám đốc Trung tâm học liệu  | Thành viên |                       |
| 6  | Và các ông bà Trưởng nhóm soạn thảo |                              | Thành viên | Mời tham gia Hội đồng |



**KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ  
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, NGÀNH CỬ NHÂN QUỐC TẾ HỌC  
MÃ NGÀNH 7310601**

**I. Thời gian và địa điểm**

- Thời gian: Vào lúc 8h ngày 20 tháng 2 năm 2019
- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**II. Thành phần tham dự**

- Theo Quyết định số 130/QĐ - ĐHTDM ngày 15/2/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

**III. Nội dung**

**1) Tuyên bố lý do**

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thông qua Chương trình đào tạo trình độ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Tâm lý học.

Hội đồng thẩm định có kết luận như sau:

| <b>T<br/>T</b> | <b>Nội dung thẩm định</b>               | <b>Nhận xét của thành viên<br/>Hội đồng</b>                                                                              | <b>Kết luận<br/>(đạt hay không<br/>đạt yêu cầu)</b> |
|----------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1              | Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo | Phù hợp với nhu cầu nhân lực địa phương và khu vực phía đang thực sự rất cần và thiếu.                                   | Đạt                                                 |
| 2              | Mục tiêu của chương trình đào tạo       | Cụ thể, rõ ràng từng tiêu chí, đảm bảo được chuẩn đầu ra của chương trình và vị trí việc làm cho người học như mong đợi. | Đạt                                                 |

|   |                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 3 | Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ):<br>- Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức;<br>- Thời lượng của từng học phần;                                       | -Các học phần được sắp xếp đúng trình tự chuyên môn từ cơ bản đến nâng cao, từ chuyên môn ngành và liên ngành song song bổ trợ nhau để đạt chuẩn đầu ra như mong đợi.<br>-Thời lượng từng học phần đúng theo quy định và phù hợp với nội dung bên trong.                            | Đạt |
| 4 | Thời lượng của chương trình đào tạo                                                                                                                                                                     | Thời lượng của chương trình đào tạo: 4 năm (8 học kì) phù hợp với kết cấu chương trình và bảo đảm đạt đúng mục tiêu đào tạo.                                                                                                                                                        | Đạt |
| 5 | Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và tỉnh Bình Dương) | -Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng được mục tiêu và chuẩn đầu ra mong đợi.<br>-Có các học phần liên ngành đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, của khu vực Đông Nam Bộ nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng. | Đạt |

## 2) Lấy biểu quyết

Góp ý khác: Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.  
100% các thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua Chương trình.  
Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
(đã ký)

**PGS.TS. Phan Thị Tố Oanh**

**THƯ KÝ**  
(đã ký)

**TS. Nguyễn Thị Minh**